

NGƯỜI KINH BẮC

Số ra 1 tháng/kỳ

TẠP CHÍ SÁNG TÁC - NGHIÊN CỨU - THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Số 192

NĂM THỨ XXVIII



THÁNG 01 - 2025

TỔNG BIÊN TẬP
NHÀ BÁO LÊ THANH HUYỀN

THAM GIA BIÊN TẬP
NGUYỄN NHƯ HẠO
NGUYỄN ANH THUẤN
NGUYỄN THÁI SƠN
LÊ VIỆT NGÀ
NGUYỄN TRỌNG TĨNH
KIM PHÚC

THƯ KÝ TÒA SOẠN
HOÀNG YẾN

Email tòa soạn
tapchinguoiKinhbac@gmail.com
Website: nguoiKinhbac.vn
Điện thoại: 0222.3875.551

Giấy phép xuất bản
Số: 138/GP-BTTTT

Bộ Thông tin - Truyền thông
Cấp ngày 19/4/2023

Tòa soạn
Số 01 Lý Thái Tổ - TP. Bắc Ninh

In 1000 cuốn, KT 19 x 27cm,
100 trang, in và nộm lưu chiếu
tháng 01 - 2025

In tại:
XÍ NGHIỆP IN/NHÀ MÁY Z176

CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

* Phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi gặp
mặt đội ngũ Văn nghệ sỹ tiêu biểu 3

TÁC PHẨM ĐOẠT GIẢI CUỘC THI SÁNG TÁC VĂN HỌC CHỦ ĐỀ BẮC NINH TRONG HÀNH TRÌNH XÂY DỰNG TRỞ THÀNH THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG LẦN THỨ IV - 2024

* Nghiêm Xá tiếp tục hoàn thiện đường làng
Nghiêm Đình Thường 10

Ghi chép: Thơ chúc Tết của Bác Hồ lắng hồn thiêng
sông núi

Vũ Thị Ngát 14

HỌC TẬP LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

* Nghệ nhân ưu tú Nguyễn Hữu Quả - Người kiến
tạo tranh dân gian Đông Hồ truyền thông trong
không gian hiện đại

Nho Thuận 18

Trang thơ xuân 22-23

Ghi chép: Từ Tết Tây vất sang Tết ta

Phạm Thuận Thành 24

Tản văn: Tầm vé mùa xuân

Nguyễn Hà Hải 30

Trang thơ xuân 32-33

Ghi chép: Ăn Tết ở nước bạn

Vũ Thế Thục 34

Truyện ngắn: Đất sạch

Nguyễn Thái Sơn 38

Trang thơ xuân 44-45

VĂN HIẾN BẮC NINH - KINH BẮC

* Lịch sử truyện ký về Tiến sỹ - Thượng thư Lương
Phùng Thời

Lê Việt Ngà 46

* Tướng Cao Lỗ - Người chế nỏ thần ngày đầu
giữ nước

Quang Thuận 49

* Văn chỉ làng Ngọc Quan

Vũ Ngọc Hòa 52



NGƯỜI
Kinh Bắc

Ghi chép: Chuyện về dòng họ Nguyễn Thạc và bà Chúa
Nguyễn Thị Ngọc Long

Hoàng Ngọc Bính 58
62-63

Trang thơ Xuân

Tản văn: Những giọt mưa xuân

Tô Quyên 64

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

* Nguyễn Quyền - Nhân vật lịch sử tiêu biểu

Phan Thị An Ngọc 67

* Văn bia "Hưng nghiêm tự bi" ở làng Quế Ổ, xã Chi Lăng

Nguyễn Văn An 70

* Biểu tượng nghệ thuật trong lời ca Quan họ Bắc Ninh - Những
thông điệp giàu ý nghĩa

Nguyễn Thị Hồng Nhung 72

TÁC GIẢ - TÁC PHẨM

* Ươm tơ từ sợi nắng chiều quê

Nguyễn Công Hào 77

Truyện ngắn: Hai người bạn

Hoàng Giá 81

Trang thơ Biển đảo quê hương - Biên cương Tổ quốc 88-89

TIỂU PHẨM VUI

* Thơ đối đón xuân

Nguyễn Đình Tự 90

Bút ký: Bữa tiệc nghinh xuân

Nguyễn Xuân Tường 94

ÂM NHẠC

* Bắc Ninh cất cánh Nhạc và lời: Bá Quang

* Yếm đào trải hội Nhạc: Kim Oanh Thơ: Vũ Hằng

MỸ THUẬT

* Bìa 1: Hội xuân Kinh Bắc, Sơn mài - Trần Trung

* Bìa 4: Trịnh Lễ, Nguyễn Hồng Quang, Nguyễn Bá Sơn,
Nguyễn Văn Lai, Nguyễn Xuân Quyền, Nguyễn Trọng Thủy

NHIẾP ẢNH

* Bìa 2: Thanh Huyền, Hoàng Yên

* Bìa 3: Trọng Hiếu, Kim Đài, PV



PHÁT BIỂU CỦA TỔNG BÍ THƯ TÔ LÂM TẠI BUỔI GẶP MẶT ĐỘI NGŨ VĂN NGHỆ SĨ TIÊU BIỂU

Thưa các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, nguyên Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Trung ương, nguyên Ủy viên Trung ương, lãnh đạo các ban, bộ, ngành.

Thưa các anh chị em Văn nghệ sĩ,

Thưa toàn thể các Đại biểu dự hội nghị!

Hôm nay, tôi rất vui mừng tới dự buổi gặp mặt đại diện đội ngũ Văn nghệ sĩ - những người con ưu tú, tinh hoa, lực lượng nòng cốt sáng tạo và truyền bá văn hóa dân tộc. Với tất cả tình cảm quý mến, thay mặt lãnh đạo Đảng, Nhà nước, tôi thân ái gửi đến các Văn nghệ sĩ có mặt tại đây cũng như đội ngũ Văn nghệ sĩ trên khắp mọi miền Tổ quốc lời chào trân trọng, lời thăm hỏi ân cần và lời chúc mừng tốt đẹp nhất.



Tổng Bí thư Tô Lâm chụp ảnh lưu niệm cùng với đội ngũ Văn nghệ sĩ tiêu biểu

Thưa các đồng chí và các anh chị em Văn nghệ sỹ!

Văn hóa là sản phẩm đặc biệt của con người, của dân tộc. Giữ gìn và phát huy sức mạnh của văn hóa là lĩnh vực mà bất cứ quốc gia nào cũng phải quan tâm bởi nhiệm vụ này gắn liền với sự phát triển xã hội, làm phong phú đời sống tinh thần của người dân và sự vận hành hiệu quả của nhà nước. Lê Nin đã chỉ rõ, nâng cao trình độ văn hóa là một trong những nhiệm vụ bức thiết nhất mà người cộng sản phải làm sau khi giành được chính quyền. Năm 1943, trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn, Đảng ta chưa giành được chính quyền nhưng đã có Đề cương văn hóa Việt Nam, thể hiện sức mạnh, vai trò của văn hóa đối với sự nghiệp của Đảng, thể hiện niềm tin, sự lạc quan, chiến thắng của Đảng ta, nhân dân ta. Đến nay, hơn 80 năm ra đời, Đề cương văn hóa vẫn còn nguyên giá trị trong cuộc sống. Hồ Chí Minh - lãnh tụ thiên tài của Đảng ta, sau khi đọc tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nhà nước Việt Nam mới đã nhấn mạnh "Nay nước ta đã giành được độc lập, cần phải có một nền văn hóa hòa hợp với khoa học và hợp với cả nguyện vọng của dân", với sự khẳng định "trong cuộc kiến thiết nước nhà, có 4 vấn đề cần chú ý đến, cùng phải coi trọng ngang nhau: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Theo quan điểm của Bác "Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi", văn hóa dân tộc và con người mới phải được xây dựng, phát triển phù hợp với thời đại, với mục tiêu chiến lược phát triển mới của đất nước. Ngay khi giải phóng Điện Biên, Bác đã cử nhiều thanh niên sang Liên Xô, Trung Quốc học tập về văn hóa, về văn học nghệ thuật, theo học

các trường Mỹ thuật, Điện ảnh, Nhạc... để chúng ta có lớp nghệ sĩ gạo cội ngày hôm nay. Có lẽ không có ai lạc quan hơn các nghệ sĩ. Ngay từ năm 1945, khi quân đội ta mới tròn một tuổi, Nhạc sĩ Văn Cao có tác phẩm về Không quân Việt Nam, Hải quân Việt Nam, Công an Việt Nam... hay năm 1949 Văn Cao đã thấy "*trùng trùng quân đi sóng/ lớp lớp đoàn quân tiến về*" giải phóng thủ đô. Rất nhiều tác phẩm từ buổi sơ khai của chính quyền đã khẳng định sự tất thắng của sự nghiệp Cách mạng.

Kể từ khi có Đảng, có Chính quyền, Đảng - Nhà nước ta luôn đặc biệt quan tâm tới đội ngũ Văn nghệ sỹ, đã ban hành nhiều nghị quyết, cơ chế, chính sách, tạo mọi điều kiện thuận lợi, không gian phát triển văn học nghệ thuật, để anh chị em Văn nghệ sỹ đắm mình trong đời sống xã hội, cuộc sống của nhân dân. Và đáp lại, đội ngũ Văn nghệ sỹ ngày càng trưởng thành, lớn mạnh, có nhiều đóng góp đặc biệt quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, sự chấn hưng của dân tộc.

Trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ đầy gian khổ song vô cùng oanh liệt, tự hào, rất nhiều Văn nghệ sỹ vừa cầm súng, vừa cầm bút, cầm đàn luôn sát cánh cùng mọi tầng lớp nhân dân và toàn dân tộc sẵn sàng hiến dâng, dũng cảm hy sinh, xung kích trên mặt trận tư tưởng - văn hóa; đã viết nên những tác phẩm, những bản anh hùng ca truyền cảm hứng, cổ vũ, khích lệ, tạo nên sức mạnh vô song của toàn dân tộc trong công cuộc chiến đấu, bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước. Bằng những vần thơ, lời văn, câu hát, bản nhạc, nét vẽ, thước phim, vở kịch... Những tác giả quen thuộc

như Hồ Chí Minh, Sóng Hồng, Tố Hữu, Văn Cao, Phạm Tuyên, Lưu Hữu Phước, Hoàng Vân, Đỗ Nhuận, Nguyễn Thi, Tô Ngọc Vân, Tường Vy, Trà Giang... và biết bao Văn nghệ sỹ nổi tiếng khác đã lan tỏa khí thế cách mạng đến mọi miền của Tổ quốc, ca ngợi lòng dũng cảm và khích lệ tinh thần chiến đấu của quân và dân ta trên chiến trường, trở thành nguồn động viên to lớn trên mọi mặt trận, đã để lại dấu ấn sâu sắc trong lòng nhân dân và là di sản văn hóa quý giá, giúp thế hệ mai sau hiểu rõ hơn về giá trị của độc lập, tự do và sự hy sinh của cha ông. Trong các chiến dịch, mặc dù gian khổ, khó khăn nhưng các Văn nghệ sỹ vẫn xung trận, có mặt ở các chiến trường, các trận đánh, có nhiều sáng tác tại chỗ rất có ý nghĩa, thể hiện tinh thần lạc quan, tin tưởng vào chiến thắng của Đảng, nhân dân, quân đội và chiến sĩ. Đội ngũ Văn nghệ sỹ đã cùng với toàn dân, toàn quân "xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước", làm nên những thắng lợi vĩ đại "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu", thu non sông về một mối, để non sông tổ quốc ta "Chưa có bao giờ đẹp như hôm nay" vào ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, lan tỏa khắp mạch sống của Tổ quốc như những tế bào máu, đội ngũ Văn nghệ sỹ tiếp tục không quản hy sinh, gian khổ để phản ánh, khẳng định sức sống muôn màu, ở mọi vùng miền, mọi ngành nghề, sáng tạo những tác phẩm đậm đà giá trị văn hóa - nhân văn, tiếp thêm sức sống mỹ học, nghệ thuật học, tạo ra nguồn lực tinh thần cho đất nước trên con đường vươn tới sự cường thịnh, tươi đẹp, nhất là vẻ đẹp tâm hồn Việt Nam.

Chúng ta xúc động, tự hào trước những tác phẩm kết tinh tài năng, tâm huyết, trách nhiệm, tận tụy, dấn thân của các thế hệ Văn nghệ sỹ; những tác phẩm cổ vũ, khích lệ toàn dân, toàn quân, ghi dấu những năm tháng không thể nào quên của đất nước, thể hiện mạnh mẽ tầm vóc con Lạc cháu Hồng, nuôi dưỡng lòng tự hào dân tộc, tự hào về Đảng và Tổ quốc quang vinh; những tác phẩm đề cao, biểu dương những nhân tố mới, những tấm gương lao động, sản xuất và chiến đấu quên mình. Chúng ta tôn vinh đội ngũ Văn nghệ sỹ - những người một lòng đi theo lý tưởng của Đảng, tận tâm phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, đoàn kết một lòng chống lại âm mưu "diễn biến hòa bình", tự nguyện trở thành người chiến sĩ trên mặt trận văn hóa, tình nguyện sống và sáng tạo ở những nơi địa đầu Tổ quốc, những mặt trận gian khổ, ác liệt nhất, cùng máu thịt với nhân dân, tấm mình trong thử thách, coi đó là khát vọng, là lẽ sống, là hạnh phúc của đời mình.

Với những đóng góp to lớn, đội ngũ Văn nghệ sỹ cách mạng đã trở thành đội quân văn hóa của Đảng, nhân tố nòng cốt làm nên sức vóc, bề dày văn hóa mới, thúc đẩy quá trình hình thành, phát triển ngành công nghiệp văn hóa định hướng XHCN, không ngừng nuôi dưỡng cuộc sống tinh thần của quần chúng nhân dân, góp phần bồi đắp nền văn hiến lâu đời, đặc sắc của dân tộc, làm rạng rỡ non sông, đất nước; được Đảng, Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng, danh hiệu cao quý, hơn hết, đã đi vào lòng người, trở thành hành trang tinh thần tri kỷ và quý báu của nhân dân ta.

Thay mặt lãnh đạo Đảng, Nhà nước, tôi bày tỏ tri ân sâu sắc, nhiệt liệt chúc mừng, biểu dương những thành tựu đã đạt được trong hoạt động văn học nghệ thuật của đội ngũ Văn nghệ sỹ trong 80 năm qua.

Thưa các đồng chí, anh chị em Văn nghệ sỹ!

Bên cạnh thành tựu, thăng thần nhìn nhận, so với thời kỳ kháng chiến kiến quốc, hoạt động văn học nghệ thuật trong giai đoạn đổi mới đất nước đang có phần chững lại, kém khí thế nhiệt huyết; thiếu vắng những tác phẩm có sức khái quát nghệ thuật cao, có năng lực hiệu triệu, lay động, cổ vũ, khích lệ toàn dân, toàn quân muôn người như một, chung sức, đồng lòng, quyết tâm thực hiện các chủ trương chiến lược của Đảng, Nhà nước. Nền văn học nghệ thuật chưa phản ánh sinh động và đầy đủ thực tiễn công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế, giá trị văn hóa truyền thống bị mai một; lúng túng, bị động, chưa chủ động tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại, chưa kịp thời ngăn chặn "luồng gió độc" của văn hóa ngoại lai xâm hại văn hóa dân tộc. Nhiều sản phẩm theo xu hướng giải trí vụn vặt, nhất thời; một số kích động những bản năng thấp kém; một số vô vấp quan điểm nghệ thuật nước ngoài thiếu chọn lọc, xa rời chức năng chân thiện mỹ; chưa hoàn thành sứ mệnh cao cả là ngọn đuốc nhân văn, ngọn đuốc trí tuệ, văn hóa soi lối, dẫn đường, kiến tạo những giá trị và lối sống lành mạnh, tiến bộ. Một số Văn nghệ sỹ còn thụ động, thiếu khát vọng, chưa dấn thân, thậm chí tha hóa về tư tưởng chính trị, có tư duy lệch lạc, chạy theo thị hiếu tầm thường, theo lợi ích cá nhân trước mắt, sa ngã, vi phạm pháp luật.

Môi trường hoạt động nghệ thuật có lúc, có nơi chưa thật sự tạo ra mạch nguồn cảm hứng, góp phần khơi dậy khát vọng, đam mê của Văn nghệ sỹ. Trong sáng tác, biểu diễn, truyền bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật còn không ít tác phẩm và hoạt động chưa thể hiện tính tiến tiến và bản sắc dân tộc. Số lượng tác phẩm nhiều nhưng ít tác phẩm có giá trị nghệ thuật cao về tư tưởng và thẩm mỹ. Hoạt động lý luận, phê bình nghệ thuật còn lạc hậu và có biểu hiện tụt hậu, chưa giải đáp được nhiều vấn đề của cuộc sống, còn xa rời thực tiễn, sơ cứng, chưa thực hiện tốt vai trò dẫn dắt, điều phối;

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ Văn nghệ sỹ còn bất cập, yếu kém, hụt hẫng, không đồng đều... một số hội văn học, nghệ thuật chậm đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, lúng túng trong việc tập hợp, phối hợp và phát huy tiềm năng của đội ngũ Văn nghệ sỹ...

Thưa các đồng chí và anh chị em Văn nghệ sỹ!

Đất nước ta đang đứng trước cánh cửa lịch sử để bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên phát triển, giàu mạnh, vươn mình. Để đạt được mục tiêu lớn lao này, đòi hỏi sự nỗ lực bứt phá của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong đó đóng góp của nền văn học nghệ thuật, đội ngũ Văn nghệ sỹ có vai trò đặc biệt quan trọng và đang đặt ra cấp bách. Đảng, Nhà nước, Nhân dân trông chờ và tin tưởng vào sự chuyển mình, vươn lên mạnh mẽ, đóng góp tích cực của đội ngũ Văn nghệ sỹ trong giai đoạn cách mạng mới, với 03 đề nghị, sau đây:

Thứ nhất, gia tăng mạnh mẽ đóng góp, cống hiến của đội ngũ Văn nghệ sỹ

trong thực hiện các mục tiêu chiến lược 100 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng, 100 năm thành lập nước, với 03 nội dung cụ thể: (1) Phấn đấu tạo ra bộ sưu tập mới những tác phẩm để đời, bổ ích, phản ánh sinh động hiện thực giai đoạn cách mạng mới; soi đường, chiếu sáng cuộc sống, có sức mạnh lay chuyển cảm xúc, hiệu triệu toàn dân, toàn quân thực hiện chủ trương của Đảng; khơi dậy, quy tụ lòng dân, nhân lên sức dân, cùng toàn Đảng, toàn dân toàn quân, tạo thành sức mạnh vô địch đưa sự nghiệp cách mạng Việt Nam vươn lên chiếm lĩnh đỉnh cao mới; tích cực đóng góp xây dựng văn minh nhân loại. (2) Tập trung xây dựng con người xã hội chủ nghĩa. Sứ mệnh cao cả nhất của đội ngũ Văn nghệ sỹ cách mạng là kiến tạo nhân cách văn hóa, xây dựng con người xã hội chủ nghĩa. Qua các tác phẩm tốt để gieo vào trái tim người đọc, người xem những điều tốt đẹp, bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm, hoàn thiện nhân cách, đạo đức, trí tuệ, bản lĩnh con người Việt Nam, hướng họ đến với những giá trị của chân, thiện, mỹ; bài trừ, thanh lọc những cái xấu, cái ác; định hướng, dẫn dắt nhân dân tới những giá trị cao quý, tương lai tươi sáng và khát vọng chân chính. (3) Cơ sở để thực hiện các nội dung trên rất khả quan. Sự nghiệp đổi mới sau 40 năm với thể và lực, thời cơ, vận hội, kể cả nguy cơ và thách thức đang cung cấp cho Văn nghệ sỹ những chất liệu quý giá, nguồn động lực mới, nền tảng cho những bước chuyển mình mạnh mẽ, cho sự ra đời những tác phẩm lớn có giá trị về tư tưởng, nghệ thuật, tính nhân văn, lời cuốn công chúng; tất cả đã sẵn sàng và sự tập trung tài năng, tâm huyết, khát vọng

dẫn thân quyết liệt, đổi mới sáng tạo đúng đắn, mạnh mẽ của đội ngũ Văn nghệ sỹ là điểm nút để những giá văn hóa, nghệ thuật, tinh thần, cốt cách Việt Nam vươn xa, bay cao, tiếp cận và hòa vào nền văn minh nhân loại. Mục tiêu của chúng ta là văn học nghệ thuật, văn hóa phải phục vụ nhân dân, nhân dân có quyền thụ hưởng bởi đời sống không chỉ là cơm ăn, áo mặc mà đòi hỏi cuộc sống tinh thần cũng phải được cải thiện, được hưởng thụ. Chúng ta suy nghĩ gì khi một bộ phận người dân không những chưa được no, được ấm mà còn đói văn hóa nghệ thuật?

Thứ hai, tập trung xây dựng nền văn học nghệ thuật dưới sự lãnh đạo của Đảng xứng tầm trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, với 03 trụ cột cơ bản: (1) Xây dựng đội ngũ Văn nghệ sỹ thật sự là những chiến sỹ cách mạng kiên trung trên mặt trận văn hóa tư tưởng của Đảng. Tập trung xây dựng đội ngũ Văn nghệ sỹ có tư tưởng lành mạnh, lập trường đúng đắn, trung thành với lý tưởng của Đảng, gắn bó máu thịt với vận mệnh của dân tộc, với sự nghiệp đổi mới, với đời sống lao động sản xuất của nhân dân, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân; có ý thức sâu sắc về sứ mệnh, thiên chức nghệ thuật cao cả; có tác phong làm việc đúng đắn, có đạo đức trong sáng, chịu đựng được gian khổ, chất phác; chống xa rời quần chúng, xa rời thực tế, xa rời chính trị, xa rời lao động; luôn trau dồi tư tưởng chính trị, quan điểm lập trường cách mạng, tri thức, vốn sống, vốn hiểu biết; có khát vọng, hoài bão lớn về sự sáng tạo, dám đổi mới, sắc bén, mạnh mẽ, nhiệt huyết trong miêu tả, ca ngợi cũng như phê bình; tích cực thâm nhập, không ngừng đi

sâu nắm bắt thực tiễn, phản ánh chân thực mọi góc cạnh cuộc sống, nhất là những chủ đề phục vụ mục tiêu xây dựng đất nước ngày càng phát triển, phồn thịnh, vì cuộc sống ấm no, hạnh phúc của nhân dân theo đúng chủ trương của Đảng. Văn nghệ sỹ phải không ngừng bám sát nhịp sống, hơi thở của nhân dân, hòa mình cùng đất nước, dám đi vào những vấn đề gai góc, phức tạp, nhạy cảm của cộng đồng, đến với vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, biên cương, hải đảo, phát hiện và phản ánh những nhân tố mới, cách làm hay, những vấn đề mới nảy sinh trong cuộc sống, tham gia tích cực và có trách nhiệm vào các nhiệm vụ của xã hội. Vốn sống của Văn nghệ sỹ phải vươn ra khắp mọi miền Tổ quốc; phải đập cùng nhịp đập trái tim của Tổ quốc. (2) Về tác phẩm, phải có bản sắc, giá trị tư tưởng xã hội chủ nghĩa và nghệ thuật cao; phản ánh tâm hồn, phong thái, cốt cách; khơi dậy khí phách, niềm tự hào dân tộc, những điều lớn lao, mạnh mẽ của con người và dự báo tương lai; có khả năng lan tỏa đạo đức xã hội chủ nghĩa, bổ ích đối với công chúng, tạo thành sức mạnh văn hóa giúp dân tộc trường tồn. Nhiệm vụ bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc, văn hóa dân gian là cực kỳ quan trọng bởi văn hóa dân tộc là bản sắc, văn hóa dân gian là truyền thống (3) Nghệ thuật phải giản dị và có linh hồn, có thần (dễ hiểu, dễ thấm, dễ ngấm, đồng thời phải hay, đặc sắc, độc đáo, thu hút, lan tỏa và thuyết phục được quần chúng; vừa phát huy giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc như chủ nghĩa yêu nước, nhân văn sâu sắc, giàu bản sắc dân tộc, vừa là tấm gương chân thực phản ánh hiện thực sống động sự

bút phá, vươn mình của đất nước, của dân tộc trong kỷ nguyên mới. Người sáng tạo nghệ thuật phải thấu hiểu chủ trương chiến lược mà Đảng đang lãnh đạo thực hiện, thấu hiểu tình trạng đất nước, thấu hiểu cuộc sống của nhân dân, trên nền tảng mỹ học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để có được những tác phẩm tái hiện lại đời sống một cách giản dị chân thành; vừa cổ vũ, động viên, khích lệ, khơi dậy khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc, vừa dám phê bình, tố cáo những mặt sai trái, không làm ngơ, bỏ qua các góc ngách gay cần. Chỉ khi nghệ thuật phản ánh hiện thực chân thực đúng đắn, nghệ thuật mới sinh sôi và có như vậy nghệ sỹ, nghệ thuật mới có công chúng, đi được vào lòng công chúng, sống được với thời gian và trở nên có giá trị.

Thứ ba, đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý, phát triển, ươm tạo, bồi dưỡng, phát huy các tài năng văn học, nghệ thuật. Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng cần có Nghị quyết Trung ương về phát triển văn hóa, văn nghệ trong giai đoạn mới. Ban Bí thư, Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, sớm tham mưu triển khai có hiệu quả "Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển Văn hóa giai đoạn 2025-2035"; thực hiện mục tiêu quốc gia về văn hóa đến năm 2045; kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết số 23 ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị về "Tiếp tục xây dựng và phát triển Văn học nghệ thuật trong thời kỳ mới" và nghiên cứu ban hành Chiến lược quốc gia về xây dựng nền Văn học nghệ thuật trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; xác

định cụ thể các mục tiêu, chỉ tiêu hướng đến về tác phẩm, về xây dựng phát triển ngành công nghiệp văn hóa định hướng XHCN, về cơ chế ươm tạo, bồi dưỡng, phát huy các tài năng văn học, nghệ thuật, về đóng góp đối với văn minh nhân loại. Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo quản lý, tạo mọi điều kiện để Văn nghệ sỹ thâm nhập sâu rộng thực tế sôi động của đất nước, đồng hành, gắn bó máu thịt với công cuộc lao động sáng tạo của nhân dân ta trên mọi lĩnh vực của đời sống, nâng cao lòng yêu nước trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đổi mới chính sách đãi ngộ, sử dụng, tôn vinh tài năng của Văn nghệ sỹ trên cơ sở toàn diện, chặt chẽ, khoa học, công tâm, minh bạch và kịp thời, tạo sự phấn khởi, tin tưởng trong xã hội, sự đồng thuận, đoàn kết trong Văn nghệ sỹ; có nhiệm vụ cụ thể, phong trào sáng tác theo các chủ trương chiến lược của Đảng.

Quốc hội, Chính phủ, các Ban của Đảng, các cơ quan liên quan cần phối hợp tháo gỡ những nút thắt về pháp luật, cơ chế, chính sách, ngân sách, tài chính, đầu tư... tạo nguồn lực, tạo không gian cho Văn nghệ sỹ tự do sáng tạo, sáng tác. Nhưng, đi đôi với đó là phải đấu tranh với những tư tưởng lệch lạc, suy thoái, phi văn hóa. Bên cạnh đó phải chú trọng đào tạo bồi dưỡng nhân tài, nguồn nhân lực đủ mạnh cho đội ngũ Văn nghệ sỹ phục vụ cho kỷ nguyên mới của dân tộc.

Thưa các đồng chí, các anh chị em Văn nghệ sỹ!

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn *"Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sỹ trên mặt trận ấy, chiến sỹ nghệ thuật có nhiệm vụ... phụng*

sự Tổ quốc, phụng sự Nhân dân... chiến sỹ nghệ thuật cần có lập trường vững, tư tưởng đúng... Về sáng tác, cần hiểu thấu, liên hệ và đi sâu vào đời sống của Nhân dân... Văn hóa, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác, không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị". Đất nước ta đang bước vào giai đoạn phát triển mới, với quyết tâm, khí thế mới, niềm tin và khát vọng về một nước Việt Nam hùng cường, với sự kỳ vọng lớn lao về những đóng góp từ sức mạnh chính trị tạo ra nền văn học nghệ thuật và đội ngũ Văn nghệ sỹ.

Đảng, Nhà nước, Nhân dân tin tưởng rằng, phát huy truyền thống vẻ vang, đội ngũ Văn nghệ sỹ nước nhà nhất định sẽ đạt những thành tựu mới, chiếm lĩnh những đỉnh cao mới trong sáng tạo nghệ thuật, không ngừng bồi đắp, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tạo sức mạnh nội sinh cho phát triển đất nước và góp phần tích cực phát triển văn minh nhân loại.

Tôi thực sự xúc động trước tình cảm của những Văn nghệ sỹ có mặt ngày hôm nay. Xin cảm ơn các Văn nghệ sỹ đã đến dự và phát biểu thể hiện trách nhiệm của mình đối với đất nước, đối với nhân dân và đối với nền văn hóa, nghệ thuật của dân tộc

Nhân dịp năm mới 2025 và Xuân Ất Tỵ sắp tới, thay mặt Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và nhân danh cá nhân, tôi chúc tất cả các quý vị đại biểu, anh chị em Văn nghệ sỹ cùng toàn thể các đồng chí mạnh khỏe, hạnh phúc, thành công.

Xin trân trọng cảm ơn!

(Nguồn: Báo Điện tử Chính phủ)

NGHIÊM XÁ TIẾP TỤC HOÀN THIỆN ĐƯỜNG LÀNG

(Giải Ba)

NGHIÊM ĐÌNH THƯỜNG

Thôn Nghiêm Xá, thị trấn Chờ (Yên Phong, Bắc Ninh) có 850 hộ dân với 4380 nhân khẩu. Thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới, năm 2020 Chi bộ và nhân dân Nghiêm Xá đã xây dựng và nâng cấp 74 các ngõ với 3 trục đường chính, tính ra chiều dài 7300m, cải tạo 3 ao tù thành 2 hồ sinh thái với diện tích 4900 m². Toàn bộ công trình phải đổ 4000 m³ bê tông, kinh phí lên đến 70 tỷ đồng. Cảnh quan làng Nghiêm Xá đổi thay nhiều lắm.

Tuy nhiên, bức tranh tươi sáng ấy vẫn còn có chỗ mang gam màu xám, ấy là vốn hết trong khi đó toàn bộ đường làng khu vực xóm Độ, dài khoảng 300m chưa nâng cấp được. Hậu quả nắng thì bụi, mưa thì ngập úng, đi lại, làm ăn hết sức khó khăn. Do quá bức xúc đầu năm 2024 một số hộ ở khu vực tiếp giáp với đường tỉnh lộ 295 và khu vực xóm Ô tiếp giáp thôn Phú Mẫn, nghĩa là ở hai đầu xóm Độ đã quyên góp nâng cấp đoạn đường ở khu vực nhà ở của mình.

Đã đến lúc không thể chần chừ được nữa, đầu tháng 4 năm 2024 Chi bộ Đảng của thôn bàn bạc và ra Nghị quyết quyết tâm trải bê tông đường làng xóm Độ xong trong tháng 6 năm 2024 với các nội dung chính: Thành lập Ban Chỉ đạo làm đường xóm Độ gồm Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn, Chủ tịch Mặt trận, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh và các ban ngành đoàn thể của thôn do đồng chí Trưởng thôn làm Trưởng ban, Chi Hội CCB là lực lượng xung kích. Thời gian hoàn thành trong quý II năm 2024. Mục tiêu trải bê tông đường làng xóm Độ, dài 220 m, độ dày 20cm, chiều rộng mặt đường 6m.

Về kinh phí, theo hướng xã hội hóa vận động toàn dân Nghiêm Xá, các doanh nghiệp, doanh nhân quý mến làng Nghiêm Xá, người Nghiêm Xá ở mọi miền đất nước ủng hộ để làm đường... Chỉ tiêu vận động 400 triệu đồng.

Công tác tuyên truyền vận động đi trước một bước. Làng thành lập 5 tổ, chia

nhau vào từng gia đình vận động ủng hộ, đồng thời nắm bắt tư tưởng tình cảm mọi người để tuyên truyền giải thích. Ban chỉ đạo gửi thư đến các gia đình thành đạt, đến với người làng đang làm ăn xa quê để tuyên truyền vận động. Đài truyền thanh của thôn ngày 3 lần đưa thông tin kết quả cuộc vận động. Tại đầu mỗi xóm, nơi đông người qua lại, treo biển công khai số tiền ủng hộ của cá nhân, tổ chức hoặc hộ gia đình. Cán bộ đảng viên gương mẫu đi trước, Bí thư Chi bộ 10 triệu đồng, Chi hội trưởng CCB 8 triệu, Trưởng ban Mặt trận làng 6 triệu, đảng viên cao tuổi Nguyễn Huy Văn ủng hộ 1 triệu đồng. Ông Nghiêm Xuân Thúc sinh sống ở Hà Nội ủng hộ 10 triệu. Công ty Quang Việt ủng hộ vật liệu trị giá 10 triệu đồng... Tình nghĩa với quê hương, con gái làng lấy chồng nơi khác, chẳng ai bảo ai, dù ít dù nhiều đều gửi tiền ủng hộ con đường nghĩa tình này, chỉ trong vòng nửa tháng, đã vận động trên 400 triệu đồng, đạt và vượt mục tiêu đề ra.

Ban chỉ đạo giao cho ông Huê, Chi hội phó Hội CCB thôn, tổ chức thiết kế đường và chỉ đạo thi công với phương châm toàn bộ nhân lực là CCB đóng góp, khoảng 200 ngày công. Đồng thời họp dân xóm Đo, báo cáo dự án, lấy ý kiến nhân dân đóng góp về thiết kế con đường và giải phóng mặt bằng xong trước ngày 15/5/2024.

Lập thành tích chào mừng kỷ niệm 134 năm ngày sinh của Bác (19/5/2024), ở làng Nghiêm Xá không khí thật rộn ràng, bà con quyết tâm hoàn thành con đường ngay trong tháng 5 này, để vào mùa gặt

hái. Ngày 16 tháng 5 làm lễ động thổ thì tối hôm trước, đội dân ca, dân vũ, đội tuồng cổ trình diễn những tiết mục đặc sắc, cầu cho thời tiết thuận lợi, lòng người đồng thuận, con đường sớm hoàn thành, thỏa lòng mong đợi của người dân.

Suốt cả nửa cuối tháng 5 năm 2024, dưới cái nắng hè như thiêu như đốt, con đường xóm Đo dài 230 m thực sự là một công trường. Phải chỉ huy sao cho đồng bộ, ăn khớp, có khó khăn gì phát sinh là tập trung giải quyết ngay. Ông Nghiêm Đình Vườn - Đại tá quân đội nghỉ hưu, vừa hoàn thành xuất sắc 2 nhiệm kỳ Bí thư Chi bộ, nay lại đảm nhiệm chức Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh thôn như vị Tư lệnh chiến trường, ngày nào cũng có mặt từ sáng đến tối mịt, khuôn mặt sạm nắng gió, bộ quần áo bảo hộ lúc nào cũng ướt đầm mồ hôi. Tối đến lại hội ý Ban chỉ đạo, rút kinh nghiệm, ngày mai làm gì, điều động nhân lực ra sao? Bộ phận điều động xe máy, còn gặp khó khăn gì? Làm đường cần thợ nề phải có tay nghề, nhưng cũng không thể điều động anh em hết ngày này qua ngày khác được? Xe máy thì phải có xăng dầu?

Thế là phương châm đề ra: Ai có điều kiện tham gia, đăng ký từ hôm trước để ban chỉ huy căn cứ công việc mà chiam gọi, còn xe chuyên dùng ai ủng hộ bao nhiêu thì hoan nghênh, còn bao nhiêu tập thể chi trả, công việc luôn thông suốt.

Dưới cái nắng nóng như nung như đốt của mùa hè nhiều CCB là thợ giỏi ngày nào cũng có mặt như ông Xuân Toàn, ông

Huy Thi, ông Huy Lê, ông Đình Liễu... đến cả cụ Ca đã 84 tuổi, ngày nào cũng có mặt động viên con cháu. Người chuyên nguyên liệu, người xây, người trát hòa tiếng máy trộn vữa cùng xe chở đất, đá, sỏi để nâng cấp cốt nền đường, tuy có vất vả nhưng ai nấy đều hỉ hả lạ thường. Hằng ngày, các tình nguyện viên như bà Trung Hòa, bà Trung Đức, bà Thức Đoàn... rất chu đáo với các thùng nước mát, khi thì quả mận, lúc lại miếng dưa đỏ. Nhiều người nhận xét, đã lâu lắm rồi mới lại có không khí làm việc vui tươi như thời hợp tác xã ngày xưa.

Mọi công việc chuẩn bị cho việc đổ bê tông đường làng đã hoàn tất: Tường bao con đường rộng từ 6 đến 6,5mét, dài 230 mét đã xong, mạch đã cứng, nâng cấp nền đường từ 20 đến 30 cm đã xong và được lu lèn phẳng phiu, rãnh thoát nước các ngõ đều dài 20 mét hoàn thành, tất cả là sự đồng thuận cao, không có ý kiến trái chiều nào.

Ngày 31/5/2024 là ngày được chọn đổ bê tông đường làng. Sau hàng chục ngày nắng như thiêu như đốt, hôm nay trời nhiều mây, không khí dịu mát, đường như trời cũng chiều lòng người. Hai ngã đường vào làng, dòng khẩu hiệu lấp lánh: “Công trình đường làng khang trang sạch đẹp. Toàn dân thôn nhà góp công góp sức, chung tay xây dựng, Chi hội Cựu chiến binh - Cựu quân nhân trực tiếp thi công”.

Mới 6 giờ sáng, các bà, các chị trong đội múa trống đã khăn áo rạng rỡ, vẫn đôi bàn tay quen cấy lúa, trồng rau nay hóa thân thành nghệ sĩ, bàn tay lướt trên mặt trống,

tạo ra chùm âm thanh hào sảng, lay động tâm hồn người nghe. Tụ hội về đây vẫn lại là các CCB với xô, xeng, với cào... sẵn sàng “vào trận”, là bà con cô bác làng mình đến để chứng kiến giờ phút thiêng liêng. Cụ Thượng của làng đổ xô vữa đầu tiên.

Từ hai đầu của xóm Độ, hai chiếc máy bơm vữa bê tông, máy nổ vang cả một góc xóm. Hệ thống ống thép nối dài như hai con rồng bơm vữa bê tông phủ đầy dần con đường. Những người thợ và CCB khấn trương, nào rải ni lon chống thấm, đóng cọc tiêu đảm bảo độ dày đủ 20cm, trang cho phẳng bề mặt... Con đường dần trở thành hiện thực ngay trước mắt mọi người. Liên tục, không ngừng không nghỉ, nhin cả bữa cơm trưa, tới hơn 1 giờ chiều công việc đổ bê tông hoàn tất. Buổi chiều tiếp tục chà mặt đường cho phẳng và tưới nước bảo dưỡng.

Bà Đỗ Thị Hòa có nhà ở bên đường, từ khi làm đường, ngày nào bà cũng phục vụ nước nôi thơm mát, bà nói lên cảm nghĩ của mình:

- Con đường đẹp như tranh, thật không thể tả được. Nước thải sinh hoạt đã thoát, nước mưa từ nay không ngập ngựa nữa, đi lại dễ dàng. Người dân thế là hạnh phúc rồi. Chúng tôi chỉ biết cảm ơn lãnh đạo và nhân dân Nghiêm Xá.

Còn đồng chí Nghiêm Đình Luận - Bí thư Chi bộ thôn đánh giá:

- Con đường làng ở xóm Độ, con đường đạt nhiều cái nhất: Trước hết về thời gian là nhanh nhất, vượt thời gian cả một tháng so với kế hoạch. Việc vận động nhân

dân được sự đồng thuận cao, chỉ tiêu kế hoạch về đích sớm, làm xong công trình, thanh toán các khoản chu toàn, là điều hiếm thấy từ trước đến nay. Đây còn là con đường “tình nghĩa” của làng Nghiêm Xá, bởi tất cả cư dân của làng, dù sống ở nơi đâu, dù gái dù trai đều góp công, góp của. Con đường cho chúng tôi bài học về công tác dân vận. Làm việc gì, đem lại lợi ích thiết thực cho dân, được dân bàn, đồng thuận ủng hộ thì việc gì cũng thành công. Thời gian tới, vận động bà con xóm Đọ xây dựng hành lang con đường trở thành sân chơi, bãi tập cho mọi người, giữ gìn cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp góp phần để Nghiêm Xá giữ vững danh hiệu “Làng văn hóa tiêu biểu của tỉnh Bắc Ninh năm 2024 này”./.

HUY PHÁCH

Phút Giao thừa nghe phố hát giao duyên

Phút Giao thừa nghe phố hát giao duyên
Câu đố, câu chờ, câu thương, câu nhớ...
Quê Quan họ nặng tình câu Quan họ
Phố ngàn sao, ô cửa mở khung trời.

Câu giao duyên âm áp trái tim người
Giọng bổng vút cao tầng tầng thấp thấp
Qua cột đá rồng thiêng nghìn năm sừng sững
Lên trái núi Thiên Thai
Nơi loan, phượng hẹn hò...

Êm ái giọng trầm theo dòng nước lơ thơ
Giọt mát, giọt trong tự nguồn Giếng Ngọc
Chân lý đèn từ riu ran chim hót
Hạnh phúc sinh sôi nơi “bóng quế dài thêm”.

“Người ở, người ơi...” nèn - nẩy - vang - rền
Từ thị xã đèn dầu “giăng thanh, gió mát”
Muối mặn, gừng cay... vịn vào câu hát
Thành đô thị thông minh
Đô thị vững bền!

Đón xuân về ta cùng hát giao duyên
Cuối năm lại mua vôi, đầu năm mua muối
Quy hoạch mới mở ra tầm nhìn mới
Khát vọng vươn xa, rộng mở chân trời...
Thành phố nghĩa tình
Thành phố của tương lai!

Câu hát mênh mang theo phố xá rộng dài
Câu nhớ - phố chờ...
Câu thương - phố đợi...
Phố mãi trẻ trên đất nghìn năm tuổi
Phút Giao thừa nghe phố hát giao duyên!

THƠ CHÚC TẾT CỦA BÁC HỒ

LẮNG HỒN THIÊNG SÔNG NÚI

VŨ THỊ NGÁT

Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh không nhận mình là nhà văn, nhà thơ. Nhưng với tài năng văn chương, với tấm lòng nhân ái bao la và nhất là với quan niệm dùng văn học làm vũ khí cách mạng, Bác đã để lại cho dân tộc ta một sự nghiệp văn chương vô cùng phong phú, trong đó phải kể tới chùm thơ chúc Tết của Người. Những vần thơ độc đáo đó chính là đóa hoa xuân ngát hương mà Bác dành tặng cho dân tộc Việt Nam. Để mỗi khi Tết đến xuân về, lòng ta lại bồi hồi, không nguôi nhớ Bác.

Trong 24 năm giữ cương vị là người đứng đầu đất nước, Bác đã viết 22 bài thơ chúc Tết. Nhưng điều thú vị là không phải đến khi trở thành Chủ tịch nước, Bác mới làm thơ chúc Tết mà Người bắt đầu viết ngay từ mùa xuân đầu tiên trở về sau 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước, năm 1942. Năm 1943, Bác viết bài **“Chào xuân”**. Năm 1946, Bác tiếp tục có thơ chúc Tết gửi tới đồng bào đăng trên báo.

Nhưng phải đến Giao thừa năm 1947, lần đầu tiên trên sóng phát thanh Đài tiếng nói Việt Nam, Bác Hồ đã đọc thơ chúc Tết gửi đến toàn thể chiến sĩ, đồng bào. Từ đó, hằng năm, Giao thừa lắng nghe thơ Bác đã trở thành thói quen, một món ăn tinh thần không thể thiếu của nhân dân ta; trở thành nét đẹp trong dòng chảy văn hóa truyền thống Việt Nam.

Những năm kháng chiến, dù trong hoàn cảnh ngục tù, trên chiến trường, ở hậu phương hay trong vùng địch tạm chiếm, đồng bào, chiến sĩ luôn tìm cách để được lắng nghe những lời thơ chúc Tết của Bác Hồ qua máy thu thanh gửi từ Thủ đô Hà Nội, trái tim thân yêu của cả nước. Giữa tiếng đạn nổ, bom rơi, vẫn ngân vang những lời thơ tha thiết của Bác. Những lời thơ ấy đã thổi luồng sinh khí mới vào cuộc kháng chiến, tiếp thêm sức mạnh để quân dân ta đánh thắng kẻ thù.

Thơ chúc Tết của Bác Hồ ngắn gọn, súc tích và mộc mạc như chính cuộc đời,



năm 1967

UỶ CHỈ MINH



và đề ra phương hướng cho đất nước trong năm tới. Mỗi bài là một bản tổng kết lịch sử bằng thơ, thể hiện tấm lòng yêu nước thiết tha, sự quan tâm sâu sắc của Bác với sự nghiệp cách mạng dân tộc. Chính ở đây ta hiểu hơn nỗi niềm lãnh tụ trong mấy mươi năm chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam:

Đêm mơ nước, ngày thấy hình của nước
Cỏ trong chiêm bao
 xanh sắc biếc quê nhà
Ăn một miếng ngon
 cũng đắng lòng vì Tổ quốc
Chẳng yên lòng khi ngắm
 một nhành hoa.

(Người đi tìm hình của nước - Chế Lan Viên)

Thơ chúc Tết của Bác còn thể hiện tinh thần lạc quan cách mạng, cổ vũ toàn dân đoàn kết phấn đấu cho thắng lợi cuối cùng. Những ngày đầu toàn quốc kháng chiến còn khó khăn, gian khổ nhưng từ

chiến khu Việt Bắc những lời thơ xuân năm 1946 của Bác đã truyền ngọn lửa niềm tin, tiếp thêm sức mạnh cho đồng bào:

*Bao giờ kháng chiến thành công
Chúng ta cùng uống một chung rượu đào
Tết này ta tạm xa nhau
Chắc rằng ta sẽ Tết sau sum vầy.*

(Thơ chúc Tết năm 1946)

Đến xuân 1954, niềm tin chiến thắng ấy đã trở thành hiện thực khi dân tộc ta đã làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”, kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp lần thứ hai.

Với trí tuệ sáng suốt, tầm nhìn chiến lược và nghệ thuật quân sự tài tình, thể hiện phẩm chất của bậc “Đại trí”, thơ Bác còn là đường lối, chiến lược, chiến thuật cách mạng mà Người đã vạch ra cho dân tộc ta. Trong thơ xuân 1968, Bác viết: “*Nam Bắc thi đua đánh giặc Mĩ/ Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta*”. Đến xuân 1969, Bác chỉ rõ mục tiêu chiến lược “*đánh cho Mĩ cút, đánh cho Ngụy nhào*”:

*Vì độc lập, vì tự do
Đánh cho Mĩ cút đánh cho Ngụy nhào
Tiến lên chiến sĩ đồng bào
Bắc - Nam sum họp xuân nào vui hơn.*

(Thơ chúc Tết năm 1969)

Điều quan trọng hơn cả là bài học về tinh thần đoàn kết toàn dân. Đoàn kết là truyền thống quý báu, là nguồn sức mạnh to lớn giúp dân tộc ta có thể đánh thắng mọi kẻ thù. Nhận thức rõ điều đó, Bác đã khơi dậy và phát huy hết giá trị của khối đoàn kết toàn dân trong sự nghiệp cách mạng. Người nhấn mạnh “*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết/ Thành công, thành công, đại*

thành công”. Đoàn kết cũng là tư tưởng lớn trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Bác, thể hiện xuyên suốt, thống nhất trong toàn bộ các sáng tác trong đó có chùm thơ chúc Tết của Người.

Bằng những cách diễn đạt khác nhau, tinh thần đoàn kết dân tộc đã được Bác nhắc tới trong tất cả các bài thơ xuân. 14 lần tiếng gọi “đồng bào” được Bác nhắc tới. Nó gọi lên trong tâm trí mỗi người dân Việt Nam bao điều trân quý. Hai tiếng “đồng bào” thân thương ấy gọi nhắc về nguồn gốc dân tộc gắn liền với truyền thuyết cha Lạc Long Quân, mẹ Âu Cơ và câu chuyện bọc trăm trứng nở ra một trăm người con, những cư dân đầu tiên của dân tộc Việt Nam anh hùng. Hai tiếng “đồng bào” để nhắc nhở mỗi người dân về tinh thần đoàn kết, tương trợ lẫn nhau để cùng bảo vệ, dựng xây đất nước. Đúng như lời Bác dạy: “*Các vua Hùng đã có công dựng nước; Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước*”. Trong những thời khắc trọng đại, Bác đều không quên nhắc tới hai tiếng “đồng bào” thiêng liêng. Ngày 2 tháng 9 năm 1945, trên quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ chí Minh đọc bản **Tuyên ngôn độc lập** khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Trong thời khắc lịch sử ấy, Bác đã dừng lại, hướng về phía nhân dân, tha thiết rằng: “Tôi nói đồng bào có nghe rõ không?”. Và giờ đây trong thời khắc Giao thừa, cả dân tộc lại được lắng nghe những “lời non nước” ấy.

Trong niềm vui chiến thắng hay nhiệm vụ cách mạng gian lao, Bác đều không quên gắn kết hai miền Nam, Bắc để gắn chặt thêm mỗi đoàn kết toàn dân:

*Bắc - Nam như cội với cành
Anh em ruột thịt đấu tranh một lòng
Rồi đây thống nhất thành công
Bắc - Nam ta lại vui chung một nhà.*

(Thơ chúc Tết năm 1964)

“Vui chung một nhà” đó là niềm vui chiến thắng của tinh thần đoàn kết. Cả nước đánh giặc, cùng sẻ chia những gian khổ hi sinh. “*Đồng bào cả nước đoàn kết một lòng/ Tiền tuyến hậu phương, toàn dân cố gắng*” (Thơ chúc Tết năm 1966), “*Rồi trăm họ ấm no sung sướng... Nghìn thu danh vọng Rồng Tiên*” (Thơ chúc Tết năm 1945). Những lời thơ xuân của Bác hay chính là lời Cha già dân tộc gửi tới những người con thân yêu. Cả nước ra trận mang theo lời chúc Tết thiêng liêng của Bác cùng với niềm tin chiến thắng “*Bao giờ kháng chiến thành công/ Chúng ta cùng uống một chung rượu đào*” (Thơ chúc Tết năm 1946). Trong lời chúc của Bác ta như sống lại với những ngày lịch sử đã xa, được gặp lại cha ông mình:

Nhân dân bốn cõi một nhà, dựng cần trúc ngọn cờ phấp phới

Tráng sĩ một lòng phụ tử, hòa nước sông chén rượu ngọt ngào

(Bình Ngô đại cáo - Nguyễn Trãi)

Cả hồn thiêng sông núi, cả bề dày lịch sử dân tộc như lắng đọng lại trong vần thơ chúc Tết của Bác, nâng bước hành quân trong những cuộc trường chinh. Bài học về tinh thần đoàn kết dân tộc không chỉ có ý nghĩa trong những năm bom đạn mà còn là bài học cách mạng sâu sắc cho hôm nay trước những âm mưu, hành động chống phá của các thế lực thù địch nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân.

Bác viết thơ chúc Tết gửi tới đồng bào. Những vần thơ, Bác chỉ khiêm tốn nhận rằng: “*Mấy lời thân ái, nôm na/ Vừa là kêu gọi vừa là mừng Xuân*” nhưng lại có ý nghĩa vô cùng to lớn, thể hiện nhân cách cao đẹp của một bậc “Đại nhân, Đại trí, Đại dũng”. Những vần thơ ấy là sự kết tinh cả cuộc đời bôn ba khắp năm châu bốn biển tìm đường cứu nước, là sự thể hiện cho ham muốn đến tột bậc là “*làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành*” của Bác Hồ.

Bác đã đi xa, hơn 50 năm qua chúng ta không còn được trực tiếp nghe Bác đọc thơ chúc Tết nhưng âm hưởng hào hùng, nồng ấm ân tình trong những vần thơ của Bác thưở nào sẽ còn vang mãi với non sông. Bởi lẽ thơ Bác Hồ là tiếng gọi mùa xuân về:

Bác ơi! Tết đến Giao thừa đó

Vẫn đón nghe thơ Bác mọi lần

Ríu rít đàn em vui pháo nổ

Tưởng nghìn tay Bác vỗ xuân sang.

(Theo chân Bác - Tố Hữu)

Hôm nay cả nước đang nỗ lực xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kì mới, mỗi vần thơ chúc Tết của Bác thưở nào vẫn là lời hiệu triệu, lời hịch giục dã toàn Đảng, toàn dân tiến lên giành những thắng lợi mới để “*Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua*”./.

NGHỆ NHÂN ƯU TÚ NGUYỄN HỮU QUẢ NGƯỜI KIẾN TẠO TRANH DÂN GIAN ĐÔNG HỒ TRUYỀN THỐNG TRONG KHÔNG GIAN HIỆN ĐẠI

NHO THUẬN

Tranh Đông Hồ là một dòng tranh dân gian của Việt Nam, xuất xứ từ làng Đông Hồ, nay thuộc khu phố Đông Khê, phường Song Hồ, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Trước kia, tranh được bán ra chủ yếu phục vụ vào dịp Tết Nguyên đán, người dân mua về treo tường trang trí trong không gian nhà ở của mỗi gia đình đón năm mới... Tranh Đông Hồ vốn rất gần gũi với cuộc sống người Việt, từng đi vào thơ, văn...

Làng tranh Đông Hồ, xưa kia có 17 dòng họ làm tranh dân gian, nay chỉ còn 2 dòng họ giữ nghề và sống bằng nghề, đó là dòng họ Nguyễn Hữu và Nguyễn Đăng. Nghệ nhân ưu tú Nguyễn Hữu Quả (sinh năm 1963), là cháu/ con đời thứ 10 của dòng họ Nguyễn Hữu và là con trai thứ hai của cố Nghệ nhân ưu tú Nguyễn Hữu Sam. Hằng ngày ông vẫn miệt mài cùng vợ con bên những tờ giấy dó, cái bàn in tranh và cây bút vẽ... Tuổi thơ của ông lớn

lên trong mùi thơm của hồ làm từ gạo nếp, ngũ ngon trong âm thanh giã nghiền vỏ điệp. Mê tranh từ nhỏ, từ năm lên 7, lên 8 ông Quả đã được gia đình cho tiếp xúc với nghề làm tranh Đông Hồ thông qua các công việc phụ giúp như tô màu, phơi tranh và thu dọn. 12 tuổi, ông đã quen với cách tô màu tranh, thuộc từng khuôn in các loại để biết tranh nào khuôn ấy, khuôn nào in trước, khuôn nào in sau. Mỗi bức tranh, ông được hướng dẫn với nhiều công đoạn. Nghệ nhân ưu tú Nguyễn Hữu Quả từng tốt nghiệp chuyên ngành kế toán Nông nghiệp - Đại học tài chính, kế toán, vốn sáng dạ, nhanh mắt, nhanh tay lại chịu khó học hỏi nên dần dà ông thực hành không mấy khó khăn... Đến năm 1976, Nguyễn Hữu Quả cũng đã chính thức là xã viên của HTX sản xuất Tranh dân gian Đông Hồ. Năm 1990, sau khi HTX sản xuất Tranh dân gian Đông Hồ tự giải thể. Dưới sự dẫn dắt của người cha là cố Nghệ nhân ưu tú Nguyễn Hữu



Sam, trong cùng một gia đình Nghệ nhân làng nghề, người con trai thứ hai và cô con dâu cả đã quyết chí nối nghiệp cha tiếp tục duy trì công việc làm tranh. Sau này, các cháu nội, cháu ngoại nhờ được ông cha truyền dạy cho từng công đoạn làm tranh nên đến thế hệ cháu cũng đã thạo nghề. Năm 2020, bà Nguyễn Thị Oanh và ông Nguyễn Hữu Quả đã được vinh danh Nghệ nhân ưu tú. Đến tháng 3 năm 2024, chồng bà Oanh cùng con trai ông Nguyễn Hữu Quả đã được công nhận danh hiệu Nghệ nhân tỉnh Bắc Ninh.

Hiện nay, gia đình Nghệ nhân Nguyễn Hữu Quả, con trai thứ của cố Nghệ nhân ưu tú Nguyễn Hữu Sam cũng là chủ của một cơ sở sản xuất tranh Đông Hồ nổi tiếng trong làng. Ngôi nhà của gia đình ông Quả đã trở thành một trong những địa chỉ Văn hóa hấp dẫn thu hút du khách, nhất là du khách nước ngoài tới tìm hiểu, nghiên cứu, thưởng ngoạn và đặt hàng, mua tranh. Dẫu không ít lúc thị trường khó khăn nhưng Nghệ nhân Nguyễn Hữu Quả và gia đình vẫn tiếp nối nghề của cha ông. Ngoài các bản khắc cổ của cha ông trao truyền, Nghệ nhân Nguyễn Hữu Quả trong những năm qua, với tình yêu và sự tâm huyết với nghề đã sáng tạo thêm hàng nghìn bản phục chế và khắc mới, nơi đây đã trở thành điểm trưng bày hàng trăm bản khắc phiên bản tranh theo mẫu cổ, những bức tranh lung linh sắc màu, như minh chứng cho sức sống mãnh liệt của một dòng tranh truyền thống, ông đã sáng tạo thêm nhiều chủ đề, như: Lý Thái Tổ hạ Chiếu dời đô, Quan họ giao duyên, Tấm áo mẹ vá năm xưa... Không chỉ bảo tồn, khôi phục và phát huy

dòng tranh truyền thống, ông và gia đình vẫn còn đau đầu những nỗi niềm là làm thế nào sáng tạo thêm nhiều đề tài mới có tính ứng dụng cao trong đời sống hiện đại, và có thể quảng bá rộng rãi hơn những nét tinh hoa và giá trị dân gian độc đáo trong tranh dân gian của làng Đông Hồ đến với những bạn bè trong nước và quốc tế.

Để kiến tạo, thiết kế ra những mẫu tranh khổ lớn theo đơn đặt hàng của các họa sĩ đồ họa, kiến trúc sư... khi họ đặt ra yêu cầu muốn sử dụng hình ảnh, sản phẩm tranh dân gian Đông Hồ truyền thống trong không gian hiện đại. Ông và các thành viên trong gia đình đã nhiệt tình đón nhận và miệt mài hăng say trong niềm đam mê sáng tạo, cho dù công việc này rất tốn thời gian, thậm chí mất cả tháng để hoàn thiện. Đây cũng là bước, công đoạn ra mẫu đòi hỏi những Nghệ nhân có hiểu biết sâu rộng về nghề nghiệp và tay nghề cao, mỗi tranh vẫn phải dùng tới 5 bản khắc gỗ khác nhau, trong đó, mỗi bản là một mẫu thiết kế cũng là một bản màu khác nhau để tạo thành một bức tranh hoàn chỉnh và vẫn đảm bảo theo đúng phong cách của tranh dân gian Đông Hồ cổ xưa, là dùng những nguyên liệu tự nhiên để tạo màu, như: đỏ, vàng, xanh, đen... in trên giấy điệp (nguyên liệu giấy dó được bồi điệp) sản phẩm khi được nghiệm thu vẫn đảm bảo được hồn cốt của dòng tranh dân gian Đông Hồ, là linh hồn của văn hóa, tinh hoa dân tộc Việt. Đôi khi phải vẽ chi tiết tranh rồi tô màu bằng tay. Nhưng nếu không dùng màu truyền thống từ nguyên liệu tự nhiên thể hiện trên giấy dó được can ghép thành khổ to và bồi điệp thì không coi đó là tranh dân gian Đông

Hồ truyền thống. Nghệ nhân ưu tú Nguyễn Hữu Quả, chia sẻ: Không có nghề nào nhàn hạ, nhưng nghề này cũng được coi là một trong những nghề vất vả, kỹ nghệ nhất ở chỗ cái cũ vẫn giữ, nhưng phải thêm cả nét mới và để làm nghề mà không phát triển thì sao tồn tại được... Ông đưa ra ví dụ: đây là bức tranh "Vinh quy bái tổ" của các cụ ngày xưa, còn đây là bản tôi mới sáng tác, nhưng dù sáng tạo vẫn phải giữ bản sắc cha ông để lại...

Khi tác giả bài viết đưa vấn đề này trao đổi với KTS Nguyễn Huy Phách, ông cũng đã nhận xét: "Sử dụng hình ảnh, sản phẩm tranh dân gian Đông Hồ truyền thống trong không gian hiện đại - Vẫn là từ cái gốc của tranh dân gian Đông Hồ, nhưng qua lăng kính cũng như góc nhìn mới, trẻ trung hiện đại hơn, dễ tiếp cận với công chúng, sản phẩm có tính ứng dụng cao trong nội thất của nhà ở hiện đại đang là xu thế chung của các KTS hiện nay".



Được làm hoàn toàn thủ công với các công đoạn tỉ mỉ, vì thế những bức tranh ông Quả làm ra đều giữ được những tinh hoa, kỹ thuật của tranh Đông Hồ cổ. Những bản in gỗ gia đình ông coi như báu vật, có những bản in có tuổi đời hàng trăm năm vẫn được ông và gia đình gìn giữ. Dù có thời điểm thị trường đầu ra rất khó khăn nhưng Nghệ nhân Nguyễn Hữu Quả và gia đình vẫn tiếp nối nghề của cha ông. Ngoài các bản khắc cổ điển của cha ông, trong những năm qua, Nghệ nhân ưu tú Nguyễn Hữu Quả đã sáng tạo thêm hàng nghìn bản phục chế và khắc mới cùng nhiều những sản phẩm mang tính ứng dụng cao trong đời sống hiện đại, phục vụ kịp thời nhu cầu thẩm mỹ mới lạ của mỗi gia đình.

Không chỉ tích cực trong công tác bảo tồn và phát triển dòng tranh Đông Hồ truyền thống, Nghệ nhân ưu tú Nguyễn Hữu Quả và gia đình còn tích cực tham gia các hoạt động trình diễn, giới thiệu, quảng bá nghề làm tranh dân gian và tìm đầu ra cho tranh Đông Hồ ở trong nước và các nước trên thế giới. Tranh Đông Hồ cũng đã bắt đầu thu hút sự quan tâm của giới trẻ nhiều hơn. Theo đó, một số bạn trẻ đã ứng dụng các họa văn tranh dân gian vào lĩnh vực thiết kế thời trang, đồ họa, nội thất, thủ công mỹ nghệ... làm đậm đà thêm bản sắc Văn hoá Việt Nam.



Nghệ nhân Nguyễn Hữu Quả cho biết: *“Để tranh Đông Hồ thích ứng được với thị hiếu trong xã hội hiện đại, Nghệ nhân và gia đình đã luôn coi trọng công việc sáng tạo ra những mẫu tranh phù hợp với thị hiếu hiện đại và tìm cách tháo gỡ đầu ra cho sản phẩm tranh dân gian Đông Hồ. Chúng tôi đã tiến hành sáng tạo ra lịch tranh Đông Hồ, làm sổ tay, bưu thiếp giấy dó kết hợp với tranh Đông Hồ xen kẽ theo chương mục bên trong và thử nghiệm sáng tạo ra dòng tranh tô màu trên chất liệu giấy dó bên cạnh hai dòng tranh khắc gỗ và in nét thủy mặc truyền thống theo cách mở rộng kích cỡ, hình nét, kiểu dáng phù hợp với không gian ứng dụng trong những ngôi nhà kiến trúc hiện đại”*.

Ví dụ, như: Khu nghỉ dưỡng rừng quốc gia Cúc Phương gần 100 phòng nghỉ; Nhà hàng Trạng nguyên - Terra An Hưng; Nhà khách Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương, các tỉnh, thành phố... Ngoài ra còn ký hợp đồng tư vấn, cung cấp tranh cho rất nhiều công ty trang trí nội, ngoại thất và thiết kế trình bày bao bì mang hình ảnh và chất liệu tranh dân gian Đông Hồ, từ các túi quà tặng cho đến các cầu kiện như vách ngăn, tủ tường... cho các cá nhân, đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Nghệ nhân Nguyễn Hữu Quả chia sẻ: "Trong làng giờ không còn nhiều người mặn mà với nghề tranh, vì cuộc sống mưu sinh nên nhiều người chuyển hẳn sang làm hàng mã. Thu nhập của người làm tranh giao động từ 6 đến 10 triệu đồng/tháng không phải con số hấp dẫn, đặc biệt

là đối với những người trẻ. Nếu không vì trân trọng nếp nghề của cha ông, không vì những tâm huyết của cha mình thì tôi chắc không theo nghề cho đến bây giờ. Những gì mà cha tôi để lại là niềm tự hào của gia đình, của dòng họ, tôi sẽ lưu truyền để con cháu mai sau luôn ghi nhớ".

Đứng trước thách thức lớn của sự tồn vong hay phát triển của một làng nghề từng nức tiếng xứ Kinh Bắc, nhiều năm qua, Nghệ nhân ưu tú Nguyễn Hữu Quả cùng gia đình đã tổ chức hàng trăm lớp truyền dạy cho hàng nghìn "học viên" yêu mến dòng tranh Đông Hồ ở khắp mọi miền trên cả nước thông qua các tour du lịch tham quan làng tranh Đông Hồ. Và chuẩn bị đón Tết Ất Tỵ - 2025, ngoài việc chuẩn bị một số lượng hàng lớn (sản phẩm tranh dân gian Đông Hồ) kịp thời trả đủ cho các đơn hàng và đáp ứng nhu cầu của du khách trong dịp Tết, gia đình ông cũng đã triển khai thực hiện dự án xây dựng tour du lịch kết nối Đông Hồ tạo thành lộ trình du lịch hấp dẫn du khách về với làng nghề truyền thống - Tranh dân gian Đông Hồ trên vùng đất thị xã Thuận Thành - Bắc Ninh./.

NGUYỄN ANH THUẦN

Thơ ngày giáp Tết

Lại sắp tết nữa rồi! Em ơi ừ à... Tết
Tóc anh đã hoa râu, tết đến tự nào nào...
Thời gian nhanh, mà anh thì muốn chậm
Xuân tươi trẻ thế này! Anh nhớ cỗi già sao?

Anh dám chắc đất trời rồi sẽ mới
Cứ như em khỏi bệnh sẽ tươi hồng
Cứ như xuân thổi vào anh vơi vợi
Thèm yêu người đầu tuổi đã là ông!

Thôi gửi lại năm qua dăm sợi bạc
Những tính toán danh lợi dễ hư người
Thôi trả lại mùa đông muôn trùng rét
Anh gột mình cho sạch với mồ hôi.

Để đón Tết... không thẹn lòng với Tết
Để vào xuân... em vẫn đỡ tay mình
Xuân ngàn tuổi vẫn còn trinh bạch lắm!
Anh tựa vào bóng thấy xinh xinh xinh...



NGUYỄN TỰ LẬP

Bắc Ninh xuân này

Em mới đôi lần ghé lại quê anh
Mà sao thấy thân thương kỳ lạ!
Tình đất tình người nơi đây sâu nặng quá!
Ai đã qua lưu luyến chẳng muốn về.

Bắc Ninh xuân này từ phố thị, thôn quê
Đến bất cứ nơi đâu cũng vươn mình đổi mới
Câu dân ca thay lời chào hỏi
Ánh mắt nụ cười xao xuyến khách gần xa.

Bắc Ninh xuân này đang gõ cửa từng nhà
Vượt lên khó khăn, trải muôn thách thức
Lụt lội bão giông... đã lui về ký ức
Hương tới tương lai nhân sức mạnh trào dâng.

Bắc Ninh xuân này
thêm xao xuyến, băng khuâng
Ý Đảng - Lòng Dân ngày càng gắn bó
Mỗi bước đi vững niềm tin, ngời tỏ
Thành phố thông minh - hiện đại...
chẳng bao xa!

Bắc Ninh xuân này
Vọng hào khí ông cha!

PHẠM VĂN NAM

Tiếng mùa thầm lặng

Ngắm yêu thương mùa cha mẹ vun trồng
 Em chào đời - kết quả của tình ân
 Từ lòng hạt, em đi
 Cái đẹp nảy mầm phơi phới tươi xanh
 Có tiếng bốn mùa theo em từng bước
 Có những vì sao trong mắt em lung linh mơ ước
 Em khát khao vươn kịp dòng đời
 Có tiếng ru thời gian và nhịp điệu tình người
 Ánh mắt mẹ u hoài dõi nhìn theo lặng lẽ ...

Rời từ đây cho lòng anh vương nợ
 Lửa thiện lành tỏa sáng trong tim
 Mong manh nha những vun đắp tâm tình
 Anh ấp ủ với bồi hồi nhung nhớ
 Hương sắc thời gian trên môi em hé mở
 Cho anh tìm vào uơm mầm hạt yêu thương
 Trong tiếng gọi vào mùa thầm lặng!...

NGUYỄN NHƯ HẠO

*Ngày xuân
lất phất mưa bay*

Bén tiếng quen hơi Quan họ
 Trắng non chênh chếch bên thềm
 Tay nải... phải lòng từ thuở
 Cơi trầu mời khách đã tằm.

Tiếng gà giục già đầu thôn
 Chập chờn bóng tre ngọn gió
 Thương lắm tuổi già cô đơn
 Xếp lại mớ ba... còn đó.

Bây giờ muốn không được nữa
 Lá rơi buồn chẳng theo mùa
 Bếp trầu vẫn còn ủ lửa
 Thương bà khi nắng khi mưa.

Ngày xuân lất phất mưa bay
 Náo nức lòng lên với Hội
 Lời đầu vẫn vắt lưng đòi
 Người đầu vẫn khăn mỏ quạ!

Chúc Mừng Năm Mới
HAPPY NEW YEAR

**ẤT
TỴ**

2025



PHẠM THUẬN THÀNH

Cuối năm 1988 đang là cán bộ Trường sĩ quan Lục quân 1, tôi đi lao động xuất khẩu tại Liên Xô. Lần đầu tiên được đón cả Tết Tây và Tết ta ở xứ người. Bao cảm xúc mới mẻ và luôn nóng hổi trong tôi, dù đến nay thời gian đã trôi xa, rất xa rồi.

Bay đi

Đúng 12 giờ ngày 29/12 chúng tôi lên xe ra sân bay. Thầy tôi theo xe đi tiễn.

Vào trong nhà chờ sân bay tôi cứ ngó mãi nhìn thầy. Phía ngoài thầy cũng ngóng tìm tôi. Tôi đứng tách hẳn ra cho thầy dễ nhận nhưng hình như thầy không nhìn thấy. Thầy già trước tuổi bởi phải chèo lái con thuyền đói kém qua đoạn đời quá dài, nước ngược quá xiết. Tôi là nét phẩy của thầy đang cố gắng đi xa giúp thầy đây, không biết liệu có giúp được không. Bất giác tôi thương thầy quá, nước mắt cứ giàn

giụa không kìm nổi. Trước khi xa bóng che của thầy tôi cũng cảm thấy sao mà lẻ loi, sao mà cô đơn quá.

Nhận hộ chiếu. Làm thị thực xuất cảnh. Công an cửa khẩu dùng máy từ kiểm tra người một lần nữa. Bỗng nghe tiếng hự rất đặc trưng, tôi quay đầu nhìn, thấy thiếu tá Hương tái mặt, hai tay ôm ngực lão đảo. Anh vừa nhận một chương từ người công an cửa khẩu. Người công an kéo anh vào góc phòng để kiểm tra người khác coi như không có chuyện gì xảy ra.

5 giờ chiều lên máy bay. Đó là chiếc IL-86, một loại máy bay chở khách hiện đại của phe xã hội chủ nghĩa. Tôi bay trên niềm tự hào đó tới thiên đường.

Lần đầu đi máy bay. Nhân viên phục vụ toàn người Nga.

Giải lao ở Cancutta (Ấn Độ), Carasi (Pakixtan), Tasken (Udobêch). Bay chẳng

có gì là thú vị. Nó là một cực hình mà người ta muốn đạt một mục đích gì đó phải chịu đựng. Cảnh trên giời tẻ ngắt, bao la một biển mây lúc cuộn cuộn như bông xốp, lúc phẳng lì xanh ngắt duy nhất một màu.

Bay đến Mat chiều 30/12. Kết thúc chuyến bay dài, nghe đâu dài tới 14 nghìn cây số. Tuyết ngập trắng xoá, mênh mông. Làm thủ tục nhập cảnh. Bắt đầu lăn lóc xứ người. Ngoái về cố quận xa lắc.

Lại lên xe đi đến sân bay Seremechevô-2 để bay tiếp về Cadan. Nghĩa là chuyến đi chưa dừng lại. Chuyến bay dài vừa rồi mới đủ bay khỏi quê hương, hành trình đến nơi có công ăn việc làm thì phải bay tiếp.

Lần đầu đến đất lạ, lại là cỡ đất thiên đường, cái gì cũng hấp dẫn, hào nhoáng. Kể cả cảnh tuyết giá, trắng băng, lạnh lẽo mênh mông ngoài kia. Tại nhà ga sân bay có người của nhiều nước. Dễ nhận nhất là mấy người Nhật mắt một mí. Họ đi du lịch, đang bị mắc kẹt vì chưa có máy bay. Họ đi đứng, ăn nói đầy tự tin. Còn chúng tôi, cũng là khách ngoại quốc, sao mà tạp nham, bệ rạc khác hẳn. Từng đám người đứng, ngồi ngổn ngang, nghiêng ngó.

Chẳng mấy chốc cái đói kéo đến giày vò chúng tôi. Không có tiền bị đói làm phiền ngay. Chúng tôi kéo đến chỗ bán đồ ăn, họ cũng chả làm gì được hơn vì họ cũng đang bị đói. Hỏi đến mấy ông Tây người của xí nghiệp đi đón thì họ chỉ biết nhún vai, xòe tay, một cử chỉ rất lạ khi tỏ thái độ rồi chúng tôi sẽ còn làm quen nhiều, thậm chí còn làm theo đúng như cái cách người ta thường làm ấy.

Thế sao lúc hạ cánh các anh bảo sẽ dẫn đi ăn ngay. Nhún vai, xòe tay.

Nửa đêm chúng tôi được ăn món lạ, đó là việc đón năm mới xứ người. Ôn ào, hò hát, nhảy múa. Có ba người ăn mặc loè loẹt kiểu Ông già Tuyết đi chúc mừng năm mới. Dân đầu hung đầu bạch hưởng ứng vui vẻ. Dân đầu đen xúm vào xem. Bọn họ phát cho người xem bưu ảnh về ngành hàng không Liên Xô. Sự ồn ã không xua đi được cái đói và những ý nghĩ u ám của chúng tôi.

Khoảng 10 giờ ngày 31/12 có lệnh ra máy bay. Chúng tôi mong đến nơi ở mau chóng để có thể sớm đẩy lùi cái đói. Lại bay. Hơn một giờ bay đã hạ cánh sân bay Cadan.

Năm mới chúng tôi được Cadan thết mỗi người một cốc chè đường nóng rót từ cái ấm Xamova nổi tiếng của người Nga. Cái đói, cái khát, cái lạnh dịu đi một chút.

Quãng 12 giờ lên xe buýt về nơi ở. Trên đường đi tôi đọc được câu khẩu hiệu to, dĩ nhiên viết bằng tiếng Nga: Cadan - Thủ đô danh tiếng của Tacta. Cảnh băng tuyết trắng áp chúng tôi. Khắp nơi toàn là màu trắng. Bầu trời thì u ám. Không sinh khí. Tuyết đối không một chút màu xanh. Thỉnh thoảng nhô lên cây cột điện hay cụm cây trụi lá màu đen nham nhở vì tuyết bám không kín. Cây như bị liệt, như xác ướp.

Tết Tây:

Gần 1 giờ xe dừng trước cửa Kí túc xá (gọi tắt là ộp) Hoa Sen ở ngoại vi phía Đông Nam thành phố. Toà nhà mới xây xong trên khu vực đang xây dựng. Cần cầu, bê tông tấm lớn ngổn ngang phía xa xa. Xa trung tâm, thiếu phương tiện đi lại, thôi chú mũi vào làm đi các đồng chí Việt Nam nhé.

Mất một giờ mới ổn định chỗ ở. Căn hộ khép kín khá tiện lợi, có nhà bếp, nhà tắm, toa lét. Giường lò xo êm ái, chăn đệm trắng muốt đã sẵn sàng, mời gọi. Quản trị ốp người Tây cởi mở. Nhưng cảm giác tù hãm cứ đầu độc chúng tôi. Cả một ốp chỉ có một cửa ra vào khoá cứng. Ngay giữa tầng 1 là cái chòi canh có người gác kiểm soát nghiêm ngặt người qua lại. Ăn cơm nhà nước ở nhà công, đi đâu cũng có lính tháp tùng nay mai.

Quá 14 giờ mới được đi ăn bữa trưa. Chen chúc đông đặc người chờ ăn. Bình luận, làm quen, chửi bới ầm ĩ. Đã đói lại phải chờ lâu. Lại thiếu suất. Bữa ăn Tây đầu tiên gồm: 1 đĩa súp lông bông ít cải bắp chua, lều bều lát thịt mỡ trắng như tuyết; 1 cốc mêtan; 2 lát bánh mì; 1 đĩa cháo đặc kèm 1 miếng côtlet rán; 1 cốc nước quả nấu. Đối chiếu với bài học tiếng Nga thấy thiếu hoa quả, rượu vang, bánh mì không đủ ăn no. Đối chiếu với văn học Nga, với điện ảnh Xô Viết thì lại càng khác xa một trời một vực. Bữa ăn đạm bạc quá. Nhưng do dạ dày chúng tôi quá lép nên ăn như vậy cũng thấy tạm tạm rồi. Viễn ảnh của thiên đường đang được thực tế hoá, cụ thể hoá. Ôi, cái giá của nhận thức thật đắt, thật chua xót. Hàng loạt những tiên đề định lý trước đây đang phải xét lại một cách rợn rã trong nhận thức.

Sau bữa tối chúng tôi đến phòng Đồ xem ti vì cảnh đón Giao thừa của Tây. Cũng vui vẻ, rôm rả như Tết. Đặc trưng nổi bật là cây thông trang trí sắc sỡ. Trên đường phố có một nhóm người ăn mặc sắc sỡ vừa đi vừa đàn hát, giông giống trò múa lân chúc Tết xin tiền ở ta.

Ngày mùng Một (Tết Tây), cũng là ngày đầu tiên chúng tôi ở Cadan nên được nghỉ tự do. Tôi và ba người cùng phòng rủ nhau đi phố ngắm Tết, tiện thể sắm thêm quần áo rét. Mặc trời lạnh 30 độ âm chúng tôi cứ đi. Anh Hồng bị rơi đồng hồ phải quay lại tìm. Tới bến xe buýt anh Xuân bị ngã đập một bên má vì trượt chân, đường đóng băng rất trơn. Lần đầu ra phố như chim ra rãng tập bay, như thú non rập rình cửa hang, chúng tôi không dám đi xa, chỉ đi đến khu cửa hàng gần nhất cách ốp chừng 2 cây số thôi. Chúng tôi vào tất cả các cửa hàng để nhìn ngó và tránh rét. Cảnh Tết ở đây không có gì mới. Mà cảnh sống ở đây cũng vậy. Người ta đã bị gột (tiêu chuẩn quốc gia) hoá mấy chục năm rồi. Cuộc sống tập trung trong những căn hộ kín đáo tựa như thú ngủ đông vậy. Đường trơn, bài học anh Xuân bị ngã còn nóng hổi, chúng tôi đi dò dẫm rất buồn cười. Vào cửa hàng thể thao thấy bày xe Minkhor khiến chúng tôi phần nào cũng cố được hi vọng mong manh.

Lúc về thì bị lạc. Tôi biết tiếng Nga khá nhất bọn. Hồi ở nhà tôi mê tiếng Nga vì đây là tiếng của Lenin, tôi tự học, dịch được sách, vậy mà bây giờ phải bó tay. Hỏi ai người ta cũng đáp Nhedonnaiu ulitxa Minxkaia (Không biết phố Minxkaia). Cách nhau có một đoạn đường mà người ta không biết phố Minxkaia nơi chúng tôi ở có lạ không. Kinh nghiệm lạc không nên đi xa chỗ đứng chân thì hỏi mới dễ hơn, mới không đi xa hơn chỗ ở của mình. Nhưng nếu đi xe buýt thì sao? Cứ ngồi mãi khắc tới bến, hoặc nhờ lái xe chỉ giúp. Lên xe buýt mới thoát được giá rét. Dù xe đi ngược đường rồi cũng phải về bến Min.

Chờ đúng xe số 71 chúng tôi lên xe. Cửa kính bị tuyết phủ chẳng nhìn thấy gì. Nhà cửa phố xá gột hoá hết, giống nhau như đúc. Tên biển hiệu cơ quan, cửa hàng cũng giống nhau, khó nhận điểm chuẩn vô cùng. Được sự giúp đỡ của lái xe, chúng tôi về đến nhà ngay chuyến xe ấy. Về đến nơi ở rồi mới thấy ghê sợ cái rét Nga. Chả trách Napôlêông, Hitle nổi nhau gục ngã trước cái giá lạnh Nga. Chúng tôi còn hơn khối người đi chơi cũng bị lạc, phải cuốc bộ về mới sướng chứ. Số này lúc đi sợ lạc đã lấy một ống khói chưa nhả khói gần nhà làm chuẩn, thế là về được đến nhà. Có điều khi về thì chân không còn là của mình nữa.

Buổi tối họp Đội lao động. Các tổ chức trong đội được thiết lập và kiện toàn. Tôi là Phó bí thư Chi bộ (21/50 đảng viên), Lớp trưởng lớp học tiếng Nga và Trưởng căn hộ (gọi tắt là còva). Toàn ốp có Hội đồng kí túc xá thì tôi lại được cử vào Hội đồng. Có nghĩa là tôi khá nhiều chức. Chưa kể chức phiên dịch hộ chuyên đi giúp bạn bè nữa. Họp Đội xong còva làm quen với nhau. Còva 27 có 7 người, toàn bộ đội, gồm 4 sĩ quan và 3 chiến sĩ. Già nhất là đại úy Phạm Mạnh Xuân, 35 tuổi, quê Hạ Giáp (Thường Tín), trẻ nhất là Nguyễn Thức Hiền, 23 tuổi, chiến sĩ, quê Tam Anh (Núi Thành). Về câu hỏi “Vì sao chúng ta sang đây?” thì thật khó trả lời. Bàn đi tán lại, cuối cùng thống nhất thế này:

Liên Xô là thiên đường, là ưu việt nhất trong mọi ưu việt, là mô hình, là mẫu mực của chủ nghĩa xã hội đã tiến sát sản sạt chủ nghĩa cộng sản. ở Liên Xô cực sướng, làm theo năng lực hưởng theo nhu cầu. Hàng hoá thừa thãi ê hề, dạt dào gần như

không khí. Được đi Liên Xô là vinh dự tự hào hơn bất cứ phần thưởng nào với mọi đảng viên ưu tú. Sang Liên Xô chỉ đi nhất cửa rơi cửa vãi cửa bỏ đi cũng đủ giàu nứt đổ đổ vách. Ở bộ đội gian khổ nhiều, chia li lắm mà suốt đời vẫn cứ nghèo. Lương thấp. Trượt giá nhanh. Không đủ tiền hút thuốc. Không đủ tiền vá quần lót. Quân đội chiếu cố sự cống hiến cho đi Liên Xô thật là cơ hội hiếm có ngàn năm có một với những sĩ quan hạ sĩ quan ưu tú. Nó còn là niềm vinh dự bất ngờ, là niềm hi vọng và tự hào của cả nhà cả ổ nữa. Đi để biết thế nào là đi máy bay. Đi để biết một vùng đất mới, một dân tộc mới mà vùng đất này, dân tộc này đang là lí tưởng của mỗi đảng viên, là ước mơ của mỗi tâm hồn cộng sản chủ nghĩa. Đi để biết thế nào là băng là tuyết. Đi để chiêm ngưỡng thành quả văn minh hàng đầu thế giới, tuyệt đỉnh văn minh nhân loại, đó là văn minh Xôviết. Đi để củng cố niềm tin cộng sản chủ nghĩa. Đi để học và nâng cao tay nghề sau này về phụng sự đất nước. Đi để cứu nhà, để đổi đời. Đi để biết mùi Tây. Đi để đại tu sức khoẻ.

Người Tây không được nghỉ Tết Tây. Họ chỉ tổ chức đón Giao thừa rôm rả để biết đã sang năm mới thôi. Còn làm việc đã có chế độ ngày nghỉ riêng rồi. Riêng ở Liên Xô còn có phong trào mỗi tháng một ngày “Chủ nhật Đỏ”, nghĩa là đi làm vào ngày nghỉ. Gọi là phong trào nhưng duy trì như bắt buộc. Bù lại, làm nửa ngày ăn công cả ngày và có ghi sổ thành tích khen thưởng cả năm. Vì thế từ ngày 02/01 chúng tôi đã bước vào ngày làm việc đầu tiên. Do mới đến nên chúng tôi được hưởng chế độ gà rán chín, tức là cấm trại nội bất xuất

ngoại bắt nhập 3 tháng. Để miễn dịch tuyệt đối trước khi tiếp xúc với đất và người Xô Viết. Ba tháng vô trùng. Chúng tôi ở Việt Nam dù ưu tú đến đâu vẫn bị nhiễm khá nhiều vi trùng phong kiến thực dân. Ba tháng này cũng là 3 tháng học tiếng, bước chuẩn bị cần thiết trước khi học nghề, học chuyên môn để sống và lao động 6 năm dài phía trước. Chỉ bỏ cho số cán bộ các Đội lao động. Họ thả cửa mua hàng của anh em rồi đi bán giá cao hơn nhiều lần. Qua họ mà tôi biết ở Cadan đã có đông người Việt Nam, gần 1.500 người. Và rất lạ, chính người Việt chúng ta lại gọi nhau là cộng nên xin phép từ nay gọi là cộng cho đúng từ thuần Việt ở bên này.

Tết ta

Mặc dù chế độ làm việc không được nghỉ nhưng anh em vẫn hồ hởi chuẩn bị đón Tết như tháng củ mật ở quê nhà. Ốp ra tờ báo tường Người xây dựng số 2 chào mừng năm mới. Anh Thiệp, Đội trưởng, Bí thư Chi bộ Đội là Tổng biên tập. Tôi phụ trách nội dung. Vì chúng tôi trong Hội đồng kí túc xá. Xin nhớ, Hội đồng nghĩa là Xô Viết, là chính quyền đấy.

Tôi viết bài **Người mơ lên thiên đường**. Nội dung đại khái: Một người lính mãn hạn về nhà đúng dịp 23 Tết. Anh suốt đời vất vả đói kém, nay rượu say nằm lăn quay ra ngủ, được Táo công cho cười nhờ con chếp IL-86 lên chơi thiên đình. Không ngờ mãi đi ngó nghiêng bị Táo công bỏ rơi, Ngọc Hoàng cho ở lại chờ năm sau Táo công lên thì về. Tưởng ở thiên đình sướng lắm, ai dè đồ ăn thứ gì cũng nhàn nhạt, luật lệ thì hà khắc. Lại nhớ nhà. Một ngày dài bằng một năm

trong nỗi nhớ. Anh muốn về mà chẳng còn đường về. Đây chính là ảnh hình của chúng tôi hiện tại. Bây giờ ai đó có muốn về cũng chẳng được nữa. Đành phải gielai thôi. Anh em rất khoái bài viết này.

Chúng tôi đón Tết cố gắng theo phong vị quê nhà. Có canh đào giả. Có bánh chưng, nem rán, măng nấu và một số món khác. Có điều lòng dạ chúng tôi ngổn ngang như thuyền mất lái giữa đại dương. Cảnh tuyết trắng bên ngoài càng làm lòng dạ chúng tôi lạnh giá hơn. Cánh trai trẻ say khướt, nhảy nhót lung tung. Cánh có vợ chụm đầu tâm sự và ... khóc thỏn thức. Đội trưởng, Bí thư Thiệp mắt mờ, tóc bạc, đã ba lần ở Liên Xô, lần này là ăn cái tết thứ sáu ở đây mà khóc to nhất, nhiều nhất.

Cô giáo dạy tiếng tổ chức cho lớp tôi kết nghĩa với lớp cô dạy ở trường trung học để tăng hiểu biết lẫn nhau và tăng kết quả học tiếng. Các em lớp 10 (lớp cuối cấp) tuổi chừng 17, tuổi xinh tươi nhất của con gái Nga và khá chững chạc, rất có cảm tình. Các em có học thật khác xa với đa số trẻ ở ngoài đường cóc lảo du côn du đồ. Không biết các em có ấn tượng thế nào về chúng tôi. Trong buổi tối giao lưu có nhảy disco. Máy chàng trai trẻ miền Nam được dịp trở tài. Cánh lạc hậu chúng tôi cũng được mời nhảy. Tôi nhảy đôi với Enmira. Tôi ôm eo, em khoác tay dìu tôi lượn theo nhạc. Sau vài bước bờ ngõ tôi đã nhảy tạm được. Dư vị ngọt ngào của thân thể em làm tôi mê mẩn mụ mị đi. Tôi nhớ đến Natasa hồn nhiên trong trắng của Lep Tonxtoi. Đến Hitle cũng ngã gục trước vẻ đẹp của gái Nga mà thôi.

Chúng tôi thử ăn các món kiểu Nga

nhưng nuốt không trôi. Thật là những con người yêu nước kiên định. Tôi kết luận Com muôn năm và trở lại ăn kiêu com. Nghĩa là phương Nam đã được thượng đế định đoạt ăn hạt rồi thì cứ vui theo sự thiên định ấy. Nhưng ăn hạt ở vùng ăn bột thì thực phẩm khó kiếm, cách rách lắm. Nhất là đang ở cái thời tem phiếu này. Mà thực phẩm cũng chả có thứ gì ngon, cái gì cũng nhạt phèo không hương vị. Trong tất cả các thứ ăn được tôi thấy chỉ có táo là hay hơn cả. Ăn hạt còn bị thiếu chất chống rét. Tôi bổ sung bằng món trứng. Trứng rất rẻ, chỉ bảy cốp một quả. Xoi chục quả một bữa thì trứng nhạt hơn bánh đúc. Chả bù cho con gái ở nhà, quả trứng trứng mặn ăn dè làm hai bữa. Thương con mà không gửi trứng cho nó ăn chán được. Còn nhớ, dù chưa biết nói nhưng hề bữa nào có trứng là nó lại vỗ tay ầm ĩ và ăn com ngon lành chẳng cần đồ dành gì.

Tết ta lặng lẽ qua đi trong bồi ngòi cảm nghĩ của tôi và của mỗi người Việt lần đầu xa xứ, nhất là ở nơi băng tuyết mênh mông thế này. Cái giá lạnh của thời tiết dường như đóng băng mọi cảm xúc của chúng tôi. Bao giờ mới lại ăn cái Tết ta đậm ấm ở quê nhà!

GHI CHÉP

Cơm

Kinh
Bắc
tiền
năm
Giáp
Thìn
Long
Vân
khánh
hội
kinh
tế
thuận
đà
phát
triển.

Bắc
Ninh
đón
tết
Ất
Tỵ
Rồng
Rắn
lên
mây
dân
sinh
tối
vạn
hưng
long.

NGUYỄN KHẮC BẢO

Tắm vé

MÙA XUÂN

NGUYỄN HÀ HẢI

Những ngày cuối năm, sợi nắng hanh hao cuối cùng của mùa đông như bung lụa để đón sứ giả mùa xuân đang chùng chình qua ngõ. Chẳng biết nên gọi là sứ giả hay nàng tiên, bởi lẽ trong lòng mỗi con người bỗng cảm thấy lâng lâng khó tả, cái cảm giác vừa tắt bật lại vừa chậm rãi, vui tươi. Ta thả mắt nhìn ra khoảng trời xanh bao la, nơi có nắng và gió, ta lắng nghe bằng cả trái tim mình nhịp bước của thời gian. Nàng tiên mùa xuân đang thì thầm bên tai bỗng trầm những nốt nhạc được lên men từ phù sa của dòng sông quê suốt bốn mùa đắp bồi trần trở, từ tiếng ho đêm thao thức của mẹ trở mình lo cho các con ăn học ngày mai, từ những hạt mầm đang cựa mình tách vỏ sau lớp đất thấm vị mặn mòi hôi cùng bàn tay chai sạn của cha, từ màu dưa vàng đầy vại giấm mặt trời qua đêm để rồi sớm ban mai bùng lên ánh nắng chín đỏ, tròn đầy gọi riu rít bao thanh âm quen thuộc. Ôi! Xuân đã đến thực rồi. Trong miền ký ức thăm sâu, từ cuối tháng Chạp, chái bếp của mỗi nhà lại đỏ lửa rộn rã tiếng nói cười. Những bó củi được kéo cửa trước đó, xếp

lại gọn gàng chất phía sau nhà, bên cạnh những đụn rơm rạ sót lại sau vụ mùa được dùng làm chất đốt. Lũ trẻ chúng tôi hồi ấy háo hức với nét mặt hớn hở khi ngồi cạnh bà làm mứt Tết, những mẻ mứt dừa, mứt gừng, mứt lạc được bà khéo léo đảo quanh trên chảo khiến chúng tôi phát cuồng, thỉnh thoảng lảo liên lại bóc một hai miếng cho vào miệng để tận hưởng vị ngọt ngào, vị cay nồng trong giá rét se se, trong lòng khê reo lên vị Tết đang về.

Ngoài sân, cha và mấy chú thoăn thoắt lọc xương con lợn cỏ béo ú mẹ nuôi từ đầu vụ mùa để làm giò, chuẩn bị gói bánh chưng. Tiếng cối chày giã giò lúc nhanh, lúc chậm, cùng tiếng nói cười làm rộn rã cả một khoảng sân. Mẹ vẫn tỉ mỉ bên giếng vo gạo nếp cái hoa vàng để đồ xôi gấc, tay mẹ nhanh thoăn thoắt, vừa vo gạo, vừa rửa lá dong, những chiếc lá xanh mượt được gột rửa kĩ càng trên sân giếng. Những nụ cười bùng trong nắng mới, con cháu quây quần trong không khí đoàn viên đón cái Tết với niềm hân hoan rạng ngời. Tiếng củi kêu lách tách phả hơi ấm vào đôi má đỏ ửng hồng của những đứa trẻ, ngon

lửa như reo vui, nhảy múa trong ánh mắt ngây thơ trong trẻo ngồi bên mẹ chắt nồi bánh chưng sôi sùng sục, nước bắn xèo xèo, cái âm thanh ấy hòa cùng tiếng gió như khúc nhạc giao mùa hòa tấu với đất trời. Chúng tôi thao thức cùng mẹ canh nồi bánh cho đến tận lúc Giao thừa. Chao ôi! Sao mà tâm hồn thấy thanh thản đến lạ kì, ngoài kia, những làn gió đang đuổi nhau qua cánh cửa thời gian, mây buông màn năm cũ, bầu trời như rộng hơn, cao hơn, dải Ngân hà nằm vắt vẻo tựa như nàng tổ nữ vừa bước sang tuổi xuân thì căng tràn sức sống, mềm mại thêu lên mình tấm khăn voan trong trắng, lấp lánh những vì sao.

Trong tâm khảm mỗi trái tim thiên di luôn có miền cổ hương để hoài niệm, bồi hồi. Những ngày cuối năm, giữa những bước chân vội vã, từ khắp ngõ của mọi miền đất nước lại tìm về tiếng gọi quê hương. Giờ đây, khi quê đã khoác lên mình tấm áo mới, làng lên phố, lũ trẻ chúng tôi đã khôn lớn trưởng thành, mỗi đứa một phương trời nhưng mỗi khi nhìn cánh đào phai mỏng manh dưới giọt sương chùng chình trước ngõ, trong lòng lại xao xuyến, vẫn vương nhớ chái bếp năm nào, nhớ nồi bánh chưng của mẹ, nhớ phong bao lì xì đỏ, bên trong chỉ vài nghìn tiền lẻ cùng những lời chúc giản đơn và cái xoa đầu với ánh mắt trìu mến, yêu thương, sao mà thấy vui và hạnh phúc đến thế. Nhớ những ngày đầu xuân được mẹ dẫn ra sân đình nghe các liền anh liền chị hát Quan họ, những làn điệu mượt mà được cất lên từ mảnh đất quê hương, nơi “một làn nắng cũng mang điệu dân ca”, thời gian dường như đang dừng lại trước ngưỡng cửa mùa xuân chứng kiến những cặp đôi Quan họ nón thúng quai thao bịn rịn, tay trong tay tương ngộ tương phùng.

Lẩn trong sợi khói lam chiều vờn quanh mái tóc hoa râm của cha, thấm những nếp thời gian trên làn da của mẹ, ngập ngừng mong ngóng cánh chim thiên di về thăm chốn cũ. Giữa bộn bề lo toan, có khi nào ta một lần dừng lại để cảm nhận hương vị tình thân đọng đầy trong khóe mắt, để được đoàn viên, sum họp sau tháng ngày cách xa.

Mỗi khi xuân về, dẫu chùn chân mỗi bước trên hành trình vạn dặm, ta luôn mong ngóng ngã lòng mình vào hồn cốt quê hương. Nếu phương Nam ngập tràn trong sắc nắng hoa mai thì cánh đào phai là linh hồn của mùa xuân xứ Bắc. Ta mong một lần thôi lại được đứng giữa mảnh vườn xưa của ngoại, được nghe con chim chìa vôi hót ríu ran cất tiếng gọi bình minh, được hít hà cái vị thơm nồng của hương cau, được hái lá trầu xanh, bồ quả cau nho nhỏ để đậm ngỗ mùa xuân. Để một lần được chạm môi vào làn nắng quê hương, vừa ngọt dịu, vừa mon man âm áp, được cầm trên tay tấm vé tuổi thơ bước lên chuyến tàu mùa xuân, chuyến tàu đặc biệt cuối năm hành trình về với sân ga quê nhà./.



PHẠM ĐÌNH THÁI

Chiều Quan họ

Một chiều qua miền Quan họ
Lặng nghe khúc hát giao duyên
Quan họ ai đã đặt tên
Câu hát vang, rền, nèn, nây.

Mớ bảy, mớ ba khoe đầy
Khéo đội đầu khăn mỏ quạ vắn vương
Đôi guốc mộc với cặp áo lương
Cùng giao duyên giữa miền quê mẹ.

Chiều Quan họ giảng giảng lời ngỏ
Mời bạn bè khách lạ, khách quen
Hội Xuân về đến hẹn lại lên
Chiều nghiêng nghiêng vui miền Quan họ.

Miền di sản của quê tôi đó
Với năm Châu vui kết bạn hội mùa
Giữa một miền Kinh Bắc mộng mơ
Như sông Cầu đợi chờ sông Đuống.

Chiều Quan họ xin đừng luống cuống
Vấp màn trời mưa bụi giảng giảng
Hãy về đây nghe đêm hát tàn canh
Để già bạn long lanh nỗi nhớ.

Chiều Quan họ như ai đứng đó
Đón bạn hiền và tiễn bạn đi xa
Rời một ngày vui trở lại quê ta
Thành phố Bắc Ninh nở hoa bát ngát./.

NGUYỄN KHẮC ĐÀM

Nâng chén đầu xuân

Bao năm mình xa biên biệt
Quê mẹ xuân về ta gặp nhau
Cây đa đầu xóm đường ra giếng
Cắt cỏ chăn trâu cái thuở nào.

Chén thứ nhất mừng ngày hội ngộ
Sóng sánh đầy hương vị nếp quê ta
Nào ai biết lắng sâu trong đáy cốc
Bao chuyện vui buồn đã trải qua.

Chén thứ hai mừng nhau nghề nghiệp
Chẳng cao sang nhưng đủ việc làm
Nắng buổi sớm tràn vào bữa tiệc
Giã bạn rồi Quan họ hẹn nhau sang.

Chén thứ ba mừng đất trời đổi mới
Mây đen tan lộ ánh bình minh
Củ đã cháy trong lò đỏ rực
Trúc vẫn xinh đứng cạnh ao đình./.



PHƯƠNG HỮU THIÊN

Xuân về đất mẹ

Xuân về xao xuyến lòng ta
Tô thêm vẻ đẹp quê nhà Bắc Ninh
Cây đa, bến nước, mái đình
Cảnh quê ai hoạ lung linh sắc màu.

Thuyền tình thả lái về đâu
Núi câu Quan họ qua cầu gió bay
Em đi trẩy hội sớm ngày
Quai thao nón thúng nắm tay bạn tình.

Phố - Phường trong ánh bình minh
Cờ - hoa khoe sắc thắm tình nước non
Chúc cho muôn sự vẹn tròn
Bắc Ninh điểm sáng vàng son tháng ngày./.

MAI HOÀNG HANH

Hội xuân

Chuông chùa văng vẳng nhật thừa
Tháng Giêng gói ghém hạt mưa nguyện cầu
Hội làng em nấp đầu đầu
Mặc ta cầm gió đi câu... bóng mình!

VŨ ANH ĐỨC

Mưa xuân

Xuân đã đến rồi mưa bụi bay
Mênh mang hương sắc đã dâng đầy
Mưa xuân gieo hạt mùa xuân ấm
Thức dậy ngàn hoa đàn bướm bay.

Từng hạt mưa xuân nhẹ nhẹ đưa
Mưa rơi làng xóm ẩn trong mơ
Mặt hồ mưa kết làn sương mỏng
Đàn trẻ đến trường lẫn bụi mưa.

Lúa chiêm xanh mượt đứng song song
Gió thoảng đưa mưa bụi trắng đồng
Sóng lúa dập dềnh dài rộng mãi
Đầy trời - Xuân đến trải mênh mông.

Đình làng vào Hội trống rền vang
Kẻ lại người qua rộn ngõ làng
Quần áo sáng màu trong đám Hội
Mở lòng phơi phới đón xuân sang.

Xuân đến xóm làng chẳng vội đi
Người ơi! Xa xứ hẹn ngày về!
Hội làng còn mãi muôn năm cũ
Mưa bụi Xuân về nghe hát ru./.



ĂN TẾT Ở NƯỚC BẠN



VŨ THẾ THUỘC

Cái Tết ấy còn lưu giữ bên tôi như là mỗi tình đầu, tôi yêu và nhớ mãi. Mỗi lần gặp nhau, đồng đội tôi cũng chỉ nhắc tới kỷ niệm ấy là vui thú nhất. Đó là cái Tết cổ truyền dân tộc năm 1974 trên nước bạn Lào vừa mới hòa bình còn nóng bỏng hơi nóng chiến tranh. Đó là cái Tết có một không hai của đời tôi. Đời tôi có khác chi cổ tích: Sinh ra ở nơi tản cư trong chín năm kháng chiến chống Pháp, đi học phải đeo mũ rơm, lớp phải sơ tán khi học ở đình lúc vào chùa để tránh bom bi và máy bay giặc Mỹ. Ba năm học cấp 3, mỗi năm hai bạn chia tay nhau đi tòng quân cứu nước. Đến khi nhận giấy báo đậu đại học thì xin đi bộ đội. Không ở tỉnh mà vào Thanh Hóa huấn luyện, sang chiến đấu bên Lào. Chiến tranh kết thúc cho đi học để phục vụ quân đội lâu dài không đi lại xin sang Bungari học nghề, học xong ở lại lao động thì Liên Xô cải tổ phải về nước trước hợp đồng, rồi lại lao vào công tác ở quê, làm bất cứ việc gì khi tổ chức phân công, hết tuổi 60 mới nhận được quyết định nghỉ hưu.

Bạn đã vào quân đội hay chưa? Đã qua các cuộc chiến đấu trực tiếp với quân thù hay chưa? Bạn đã đọc bài thơ **“Tiếng bom ở Seng Phan”** của Phạm Tiến Duật hay chưa? Seng Phan là chiến trường của nước bạn Lào ta đây. Tôi không ở Trung Lào nên không biết mặt trận Seng Phan nhưng tôi ở D.923 Thượng Lào cũng nán như ở Seng Phan Trung Lào, Thượng Lào có mặt trận Pha Thý 35 ngày đêm giữ vững điểm cao như bên ta bảo vệ thành cổ Quảng Trị 1972 vậy. Điểm cao này có hai tiểu đoàn lính Mỹ và Thái Lan đóng. Từ đây chúng không chế toàn miền Bắc Việt Nam, đánh đâu trúng đấy. Nhiệm vụ là phải bằng mọi giá đánh chiếm và giữ lấy điểm cao này.

Năm 1975 trước khi ta rút quân về nước, nguyên điểm cao Pha Thý là hơn một ngàn liệt sỹ được bốc hốt đưa về quê mẹ. Lúc ấy lính chiến chúng tôi cứ nghĩ chiến tranh nó cứ đên cù: ta chiếm địch dùng hỏa lực lấy lại ta lại chiếm, cứ chạy dài như thế hỏi biết đến bao giờ mới kết

thức, nếu không sốt ác tính hay bị thương thì chả biết đến khi nào mới được về thăm quê mẹ. Đây là tôi nói chân thành không đường lối tư tưởng gì đâu nhé. Vậy mà câu nói “Ta nhất định thắng, địch nhất định thua” đã là sự thực. Đầu năm 1974, nước bạn Lào ký hiệp định hòa bình, hòa hợp dân tộc thống nhất đất nước.

Hòa hợp dân tộc để có hòa bình là giải pháp tối ưu mà các chiến sỹ tình nguyện quân chúng tôi hét lên vì sung sướng. D. 923 là số hiệu của một tiểu đoàn thuộc Bộ Tư lệnh Đoàn chuyên gia 959, nó được thành lập vào tháng 9 năm 1959 sau binh đoàn Trường Sơn 559 bốn tháng. Tiểu đoàn 923 có bốn đại đội trong đó có 3 đại đội trực thuộc còn đại đội C23 đóng ở điểm cao Pha Thỷ là độc lập. Đa số là người Tày, người Thái Tây Bắc và người Mường Thanh Hóa họ nói sõi tiếng Lào, có người sang đã 10 năm, có ông bác sỹ của đảng Dân chủ tốt nghiệp từ thời Đông Dương sang lập bệnh viện đầu tiên bốn năm tuổi chưa lập gia đình, có ông chính trị viên bệnh viện là người Mường Thanh Hóa là lính đánh Pháp, còn tôi lính 1972 tôi vô cùng khâm phục họ. Họ hy sinh vô bờ cho cách mạng.

Bỗng một ngày hệ thống radio của bạn vang lên bản nhạc bài hát “Đẹp thay quê hương” sau đó là “Thông báo đặc biệt” từ nay hai Chính phủ Lào sẽ tiến hành thực hiện “Hiệp định hòa bình, hòa hợp dân tộc thống nhất đất nước”. Quân tình nguyện Việt Nam sung sướng muôn phần thì dân bản lại lo lắng hãi hùng, họ leo đèo lội suối đến gặp Tha hán Việt Nam (bộ đội Việt Nam) để hỏi một câu: “Các con sẽ về nước

hay ở lại? Các con về bọn Phi nó đến giết hết dân bản mất!” Chúng tôi hứa bà con tuyệt đối an tâm, người già buộc chỉ cổ tay cầu phúc cho chiến sỹ ta để chúng ta bảo vệ lấy dân Lào, đừng bỏ về để dân Lào lại khổ. Tôi là y tá đại đội 2. Người Lào coi trọng nhất là con gái và thầy thuốc. Vào nhà người ta bạn phải chào con gái người ta trước, nếu đi đâu đó bạn đeo cái túi thuốc có hình chữ thập đỏ bạn sẽ được chào mời trước. Cả hai bên đánh nhau không ai bắn vào thầy thuốc cả. Cái chức tẻo teo mà mình cũng thấy yên tâm. Đại đội 2 của tôi có ba tiểu đội chiến đấu, và ba tiểu đội phục vụ là tiểu đội vận tải có hai con ngựa thồ, có tiểu đội nòng cốt gồm cối, B40 và trung liên, tiểu đội cơ quan có lính đạo đại đội, liên lạc, anh nuôi, thủ kho kiêm kế toán và y tá. Tiểu đội cơ quan của tôi là đông nhất 12 người, mỗi tôi là người Kinh còn từ thủ trưởng tới anh em đều là người đồng bào Tây Bắc. Nghe họ nói chuyện với nhau cười nói hoan hỷ vui lắm, tôi chỉ lồm bồm hiểu, họ bảo mau mau về phép còn bắn pháo hoa cho vợ nó sướng! Tết năm 1974 chúng tôi được phép cử người mang muối, gạo, mắm tôm vào dân đổi thực phẩm. Hai kg gạo tẻ lấy một kg gạo nếp, một kg muối lấy ba kg thịt chó, hai thỏi mắm tôm một con gà, ngựa thồ kìn kìn về sân đại đội. Xứ Lào mùa đông hầu như không có thứ hoa gì. Quân ta lấy tre, lá đan thành cái cổng chào hoành tráng, lấy dây leo Tết dòng chữ Chúc mừng năm mới nên không khí thật mới mẻ, ấm áp rộn ràng, còn làm cả giàn sấy cá suối, thịt trâu từ mấy ngày trước Tết, cử người tìm đến các khe suối lấy lá dong, hái măng trúc, mộc nhĩ... một

cái Tết quá đủ đầy về vật chất, sáng khoái về tinh thần. Sáng sáng chạy thể dục vừa chạy vừa hô vang: “Hòa bình muôn năm!” “Hòa bình - độc lập - tự do muôn năm”. Chiều chiều đánh bóng chuyền ở sân đại đội. Xung quanh sân đại đội là nhà ở của các trung đội, nhà của các tiểu đội phục vụ phía sau nên người xô ra xem gần như tuyệt đối. Tối tối tập trung nghe đọc báo, ngâm thơ, hát múa thật tung bừng. Ngày nào lãnh đạo đơn vị cũng đi giao ban với cấp trên, ngày nào cũng có người nhận thư, báo, khi là mấy cặp pin con thỏ nghe đài, khi vài cuốn sách. Tôi đọc báo Nhân dân có mẩu tin về quê tôi được trường Đại học Nông nghiệp I giúp đỡ đã thí điểm trồng giống lúa mới của Nhật, thấp cây năng suất cao gấp đôi, huyện thu hết để gây giống cho cả huyện, họ lại trả cho dân tôi gạo rưỡi, đúng là thắng lợi kép. Mẹ tôi viết thư bảo làng còn thả giống cá mè hoa trăm cỏ, sáng sáng cá nổi kín mặt ao toàn loại to như cái quạt nan mà mát dạ mát lòng. Thú vị nhất là tin các đoàn văn công từ Điện Biên, Lai Châu, Thanh Hóa và các đoàn của nước bạn về đơn vị phục vụ. Đường vào đơn vị tôi phải qua một con suối có tên là Nậm Khan, tuy nhỏ thôi nhưng mùa mưa hung dữ vô cùng, mùa khô nước chỉ liu riu, trong vắt. Lòng suối lớn nhẵn đá, những viên đá bị nước mài nom xinh xắn bị rêu bám tạo nên sự hoang sơ và kỳ bí. Các đoàn văn công về quân ta phải ra đường lớn cách hàng km để đón, khuôn giúp hành trang, chúng tôi cử nhau cống các cô văn công qua suối. Những chàng trai tên Nóm, Phận, Xá, Sề, Bảo là chiến binh người dân

tộc chưa hề có tình thư giờ được công nữ văn công qua suối thì đứng tim. Cậu Nóm to như gấu hoang lại vờ choạng choạng để giữ lâu cảm xúc. Đây là giây phút thần tiên nhất của đời lính, cả triệu người lính mấy ai có cơ hội được giúp đỡ bà con như thế và các cô văn công đã đi xung kích khắp các chiến dịch cũng thừa biết đời lính là quãng đời sung sức nhất lại bị giam hãm nhất nên họ yêu đời thiết tha. Cô Lan diễn viên chèo còn bảo Ma Văn Nóm: “Vai anh chắc như cánh phản vừng vàng quá anh ơi. Em cảm ơn anh và em thương anh một cái ôm”. Cái ôm không đủ lâu nhưng Ma Văn Nóm mắt xéch cứ dờ ra chả biết nói câu gì vì hạnh phúc quá đổi bất ngờ. Đất nước hòa bình ta sẽ về với đất nước của ta là ta thỏa nỗi ước mong. Còn bây giờ hãy nghe cô gái văn công đoàn Sầm Nưa hát: *“Ngày chiến thắng mời anh về bản em/ Ta múa hát thâu đêm/ Ta say mê cùng sao trời...”*. Không chỉ có tinh thần văn hóa văn nghệ, chúng tôi còn có quà của tỉnh đội Thanh Hóa gửi mỗi người bao thuốc lá Lạch Trường, Bộ Quốc phòng gửi mỗi người một bao thuốc lá Điện Biên. Đại tướng gửi mỗi bệnh nhân một lọ thuốc thập toàn đại bổ. Tôi thích thú vô cùng với giọng hát của ca sỹ Quốc Hương bài **Cô gái Sầm Nưa** và ca sỹ Tường Vy thể hiện bài hát **Hoa Châm Pa** bằng cả tiếng Việt và tiếng Lào. Cả núi rừng âm vang và sôi động. Các bạn Lào xem đã quá, hét toáng lên: “Thần Quốc Hương khắp ngam ty sút”. - Ông già Quốc Hương hát hay vô cùng! Rồi sương sa, lửa đốt, tất cả diễn viên và chiến sỹ nắm tay nhau tung hứng quanh đồng lửa hồng, hát vang rừng

bài “Dài như nước sông Cửu Long/ Cao như dãy núi Trường Sơn/ Tình đoàn kết hai dân tộc đã thấm thiết bao đời”... rồi tất cả ulla vào nhau hát Lăm toi, múa Lăm vòng quanh ngọn lửa bập bùng và trống nhạc hết sức sôi động dội vào đá núi vọng lại như muôn sóng âm thanh huyền ảo, các điệu lăm, điệu khắp của dân ca Lào dành cho tập thể hay tuyệt vời mà đất nước chúng ta không có. Sáng ngày mùng hai Tết, dân kéo về ăn Tết đông quá, trong đó có người chị mang đứa con 3 tuổi xanh xao bảo con bộ đội Việt Nam, đòi theo về Việt Nam. Tâm Đen người Thái sang Lào đã sáu năm, tiếp xúc và trò chuyện, Tâm bảo cô này tên Bun My ở bản Có cách đây bốn mươi cây số. Cô yêu anh bộ đội tên Phúc làm y tá. Mấy năm nay không thấy anh Phúc về. Tâm Đen dặn dày kinh nghiệm, anh bảo các năm 1967, 1968, 1969 mặt trận Sầm Nưa Xiêng Khoảng vô cùng ác liệt, Bộ Quốc phòng phải điều lính đặc công, trinh sát, công binh sang mới giải quyết được mấy cái bong ke trong đó có điểm cao Pha Thỷ, họ đến, họ đi chỉ lãnh đạo Bộ Tư lệnh biết. Chuyện quân dân tình nghĩa này yêu đương rất bình thường, mỗi lần hành quân ngủ bản là y có chuyện, có người cha mang con gái gặp chỉ huy báo cáo không yêu thì bồi thường. Hồi ấy lính ta rất kiêng kỵ, chuẩn bị xuất quân mà cơm sống cơm khô là y xui xẻo, ra trận mà tay nào xí xốn tới gái gú là đen lắm nên số liệu mình như chả có tranh thủ mùi đời không khéo chẳng dính quả nọ cũng dính quả kia. Rất nghiêm đấy. Chúng tôi bày cỗ mời dân ăn, người Lào không ăn thịt chó, chó nuôi già chó chết không ăn nhưng bộ đội làm,

bao xương ninh, thịt lòng dân vét hết, bất cứ món ăn nào của chúng ta họ cũng đều kêu là phi sệt - nghĩa là ngon tuyệt. Ẩm thực Lào đơn điệu, họ chỉ có hai cách là nướng trần nghĩa là hơ vào lửa mà không tẩm ướp và món hấp, rau bí, rau dền không ăn mà ăn rêu đá. Cán bộ các cơ quan của Lào đều được đào tạo văn hóa ở Vinh - Nghệ An và Xuân Thành - Thanh Hóa nên liên hoan, tổng kết họ đều làm cỗ y hệt của ta.

Tết năm ấy, ba ngày đêm liên vui vẻ nhưng cũng mệt bã người, chúng tôi vẫn nghệ giao lưu với các đơn vị thanh niên xung phong, các đoàn văn công của tỉnh Hòa Phăn và nhân dân Sầm Nưa thâu đêm, ngày thì bóng chuyền, hứng lên còn kéo nhau ra suối té nước như Tết của các bạn Lào. Tết ấy, mỗi chiến sỹ được tặng, được chia tới mười chiếc bánh chưng xanh, có kẹo Hải Hà, rượu Cam, rượu Chanh, thuốc lá, một cái Tết của bộ đội tình nguyện quân của Việt Nam ta không chỉ được ăn Tết cổ truyền mà còn ăn mừng nước bạn Lào hòa bình thống nhất được đầy đủ, ấm áp tuyệt vời đến thế.

50 năm đã trôi qua mà vẫn như đang diễn ra trước mặt về cái Tết hòa bình đầu tiên thiêng liêng đầm ấm ở xứ sở hoa Chăm Pa xinh đẹp. Ngày 22/12 năm nay mừng quân đội ta 80 tuổi. Chúng tôi có cuộc gặp mặt toàn thể cựu binh Bộ Tư lệnh của các địa phương: Thanh Hóa, Hà Nội, Bắc Giang, Thái Nguyên, Điện Biên, số đảng ký hơn 300 người về thành phố miền Quan họ gặp mặt. Chuyện lính không bao giờ tê nhạt mà còn rất tình tứ mặn mà, không thể làm sao ta chiến thắng được quân thù./.

Đất Sạch

NGUYỄN THÁI SƠN

Hắn hỏi, tôi không biết trả lời ra sao đành thủng thẳng buông: “Thôi thì tùy ông”.

Ném chùm chìa khóa xuống bàn, giọng hắn buồn buồn: “Thỉnh thoảng sang xem cho tôi nhé, nhà không có người ở nhanh xuống cấp lắm. Tết tôi về”. Thế là từ bữa ấy hắn đi. Hắn đi làm cái việc không ai có thể ngờ: dò gỡ bom mìn làm sạch đất cho một công ty nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu nông, lâm sản. Trước đó cả tháng hắn đã dò đưa: “Tôi phải đi kiếm tiền ông ạ”. Tôi ngỡ ngàng: “Các cụ đã nói rồi. 50 tuổi không làm nhà, 60 tuổi không may thêm quần áo, ông đã 65 lại có lương hưu, đi kiếm tiền để mang theo xuống mồ à”. Hắn cười khà khà: “Nhưng ở nhà nó chán”. Hắn đi đã hơn một năm rồi, tôi không thể liên lạc được bởi điện thoại của hắn luôn ngoài vùng phủ sóng. Tết này chẳng biết hắn có về không?

Hắn tên đầy đủ là Thân Đức Hạ, bộ đội nghỉ hưu, cũng như tôi là dân ngụ cư

nhưng là hàng xóm kề tường nên tôi biết khá rõ. Hạ quê Thái Thụy, Thái Bình là con cả trong một gia đình có nghề rèn truyền thống, vợ Hạ đã mất cách đây gần chục năm. Hai cô con gái đều lấy chồng xa, hết giỗ đầu vợ có người mai mối, Hạ cưới bà hai. Bà hai xinh xắn ít hơn Hạ cả chục tuổi, mấy tháng đầu hai người tâm đầu ý hợp, nhưng những tháng sau đó thì như cái nồi hơi hừng hực nóng và sẵn sàng nổ tung bất cứ lúc nào.

Vợ hai của Hạ tên Hồng, rất cá tính. Ngày Hồng chẳng làm gì ngoài lên tầng ba ngồi đọc kinh, gõ mõ. Nơi ấy trên tường cô có dán một bức tranh đức Phật Thích Ca Mâu Ni và hàng trăm lá bùa xanh đỏ với đủ kích cỡ. Hồng ăn chay trường, ngày mới cưới thì một mâm, cơm chung, món ăn riêng, tất cả đều do Hồng nấu. Bốn tháng sau thì hai mâm, Hạ ăn trước, Hồng ăn sau, bởi cô còn phải ngồi đọc kinh không thể nghỉ: sáng trước 12 giờ, chiều trước 6 giờ. Tám tháng sau với lý do ăn cho nóng,

nên cơm ai người ấy nấu, thích ăn gì, miễn nhát ra sao thì tự thân đi mà chế biến.

Một hôm Hạ chạy sang nhà tôi mặt đỏ phừng, trút giận: “Điên cả người, đang yên đang lành đi rước của nợ về. Làm tình thì nó không cho bảo để giữ giới, thêm miếng thịt gà thì nó ngấm ngấy nhảm nhăng chửi thảm: đồ sát sinh. Đêm qua tôi chẳng ngủ được tẹo nào, nghĩ chán rồi ông ạ, phải tổng cổ nó ra khỏi nhà thôi”. Tôi bó tay trước sự giận dữ của Hạ, chỉ biết đặt chén nước vào tay hắn: “Ông uống nước đi cho hạ hỏa”. Như nhận ra thái độ vô lý của mình, Hạ nở nụ cười mà như mỉa. Hạ không nói chơi, khoảng một tuần sau, vợ chồng hắn ly hôn. Hạ có công việc mới: đi câu. Hạ sát cá lắm ngày nào cũng mang về cả rô: rô đồng, rô phi, chép mè đủ cả. Hôm nào câu được con cá to hắn cũng giữ lại làm món uống rượu. Những buổi như thế rất ít khi thiếu sự có mặt của tôi. Bởi hắn thích tôi, bởi chỉ có tôi mới đủ kiên nhẫn để ngồi nghe hắn chém gió. Nguyên do tính hắn thẳng như thước kẻ, sẵn sàng nói ra những lời người khác ngại nói, hoặc sợ mất lòng mà không dám nói. Ở khu phố có ông Giám đốc Sở về hưu rất hay làm đơn kiến nghị, rồi điện cho lãnh đạo vốn trước kia là cấp dưới của ông, yêu cầu, đề xuất giải quyết việc nọ việc kia. Hôm liên hoan nhân ngày “Đại đoàn kết” ông cứ thần thờ một mình, đợi mà không thấy ai đến ngồi cho đủ mâm, ông vẫy tay gọi Hạ, Hạ đến bên nói thẳng tưng: “Ông có biết tại sao không ai đến ngồi cùng ông không?” Nguyên Giám đốc Sở nhăn mặt hỏi lại: “Tại sao”? “Tại vì lúc còn đương chức, ông như cường hào, khi về hưu ông lại vẫn tưởng mình là lãnh đạo”. Nguyên Giám đốc Sở nghe nói thế mặt đỏ phừng

phừng, đứng dậy chuồn thẳng. Không phải hắn chém gió khi nào cũng hay, nhưng quả thật không ít lần nghe hắn nói, tôi sững sờ.

Hắn kể: Năm chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc, đơn vị hắn bị rơi vào thế bị bao vây, không còn gì để ăn, ngoài móm lá rau tàu bay rửa qua ăn sống, đói vàng mắt. Mở đường máu thoát thân thì không đủ sức vì cả đơn vị trong tay chỉ còn 20 khẩu AK với vài viên đạn, liều mạng mà xông ra thì khác gì tự sát. Nhưng như trời cứu đến ngày thứ 14 bỗng có con trâu xuất hiện nơi bìa rừng, không chân chừ đại đội trưởng Thịnh nâng súng lên xiết cò, viên đạn găm trúng đầu, con trâu lăn quay, đại đội xẻ thịt thề là qua cái đói. Ngày thứ 28 địch rút quân, lính từ trong rừng ra, dân từ nơi sơ tán trở về, không ai ngu như hắn trong hành trang mang theo của mình lại có thêm cái đầu trâu. Bởi hắn thích cặp sừng đẹp, hắn thích có cái đầu trâu được treo trên tường phòng khách nhà mình. Ông chủ đã ba ngày đi tìm con trâu là “đầu cơ nghiệp” của mình mà không thấy, bỗng nhiên lại thấy anh bộ đội vác cái đầu trâu qua ngõ. Ông nhận ra cặp sừng đúng là con trâu nhà mình, ngạc nhiên ông hỏi: “Tại sao anh lại có cái đầu trâu này? Anh giết trâu nhà tôi phải không?” Hạ rụng rời lúng túng, không biết giải thích ra sao, nói thật thì đại đội trưởng Thịnh ăn chắc án kỷ luật: cách chức, hạ quân hàm. Như gà mắc tóc hắn đành vò đầu gãi tai: “Cháu tưởng trâu rừng”. “Rừng đến con dúi cũng chẳng còn, làm gì còn trâu, với bò. Nó là con trâu của nhà, tôi lừa vào rừng tránh bom rơi đạn lạc”. Tai bay vạ gió thế là Hạ phải nhận cái quyết định cách chức Trung đội trưởng, chuẩn úy xuống thượng sỹ. Đại đội trưởng

Thịnh vô can, nhưng trong tâm thì cắn rứt không yên. Một hôm mặt buồn rười rượi, Thịnh đến cúi vào tay Hạ 225 đồng: “Đây là ba tháng lương Trung úy của tao, mày cầm lấy để mà đền người ta. Tao xin lỗi mày”.

Ngay từ lần đầu tiên nghe Hạ kể chuyện này tôi đã tò mò hỏi ngay: “Thế cái ông Thịnh ấy bây giờ ra sao?”. Hạ kéo tôi lên phòng thờ ở tầng hai chỉ vào cái đầu trâu gắn trên tường: “Ông ấy thăng tiến lắm, lên đến Phó Tư lệnh Binh chủng, cách đây mấy năm, trước khi nghỉ hưu, lão đến thăm tôi mang theo nó đây. Thăng Hà Giám đốc công ty may Hải Anh gạ mua, trả 20 triệu tôi không bán, nó là kỷ niệm, nó là vô giá ông ạ”. Thuở Hạ mới nghỉ hưu có một đạo làm Trưởng khu phố một hai nhiệm kỳ gì đó, đến bây giờ người ta vẫn nhớ và kể lại chuyện của Hạ với Ngừ cụt. Gọi Ngừ cụt bởi lão bị cụt ba ngón của bàn tay trái, được xếp loại thương tật hạng 4/4. Đạo nâng cấp đường Mạc Đĩnh Chi đổ áp phan, mở ra hai bên cho đủ rộng 12m tất cả các nhà mặt đường đều phải mất đất: nhà ít 8m² nhà nhiều có đến 30m², riêng nhà Ngừ cụt 17m². Tất cả các hộ đều vui vẻ nhận tiền đền bù, riêng nhà lão kiên quyết không nhận. Rất nhiều cuộc họp, rất nhiều các cuộc vận động thuyết phục, hòa giải nhưng đều thất bại. Lão Ngừ một mực kiên quyết: “Đất của ông, cha tôi không thể bán nhượng cho bất kỳ ai được”. Thành phố đã lên kế hoạch cưỡng chế, nhưng tỉnh dừng lại với lý do gia đình thương binh, phải tiếp tục vận động thuyết phục. Đến hơn một năm, con đường đã hoàn thành gần như toàn bộ, chỉ còn một đoạn ngắn trước cửa nhà lão Ngừ thất lại chiều rộng

chỉ có 6m. Không kiên trì được nữa, tỉnh đồng ý cho thành phố tổ chức cưỡng chế. Hôm lão Hạ được phường thông báo ngày giờ cưỡng chế, lão trầm ngâm: “Đến nước này rồi cơ à, lão Ngừ rắn thật”. Hạ xòe tay bấm ngón: “Thế là còn 5 ngày nữa nhỉ, các anh để tôi dùng cách này xem sao”. Ba ông cán bộ phường tò mò: “Cách gì thế bác?”. Hạ không trả lời, chỉ biết tối hôm ấy Chi hội trưởng Cựu chiến binh kể lại: “Ông ấy gọi em đến nhà bảo em chuyển một phong bì dán rất kỹ đến cho lão Ngừ, ngay trong đêm lão Ngừ phá tường bao và điện cho phường tự nguyện hiến đất chứ không lấy tiền đền bù”. Thành phố hỏi, phường hỏi, tôi và nhiều người nữa trong khu phố cũng hỏi: “Trong thư ấy viết gì”? Hạ chỉ cười trừ, còn Chi hội trưởng Cựu chiến binh thì lắc đầu: “Bí mật thư tín, tôi đâu có biết”. Đường Mạc Đĩnh Chi đã được nâng cấp thêm một lần nữa, nhưng nội dung trong cái bì thư dán kín Hạ gửi cho Ngừ viết gì năm ấy vẫn ám ảnh, khuấy động sự tò của rất nhiều người trong đó có tôi. Tôi cứ định ninh chờ một ngày nào đó thời cơ đến, tôi sẽ lại hỏi Hạ câu hỏi mà đã hàng chục lần tôi hỏi: “Trong thư gửi lão Ngừ đạo ấy ông viết những gì”?

* *

*

Hai mươi ba Tết ruột gan nóng như có lửa, như mọi năm tôi vẫn sang nhà Hạ thấp hương, ngoài hoa quả trên ban thờ chưa khi nào tôi quên chậu thả ba con cá chép. Hạ giờ này đang ở đâu, khi nào thì trở lại? Không khí Tết tràn ngập phố phường, đào, quất đã được bày bán chật vỉa hè. Tôi đi trên phố bước chân hờ hững, qua cổng nhà lão Ngừ bỗng như có người níu chân.

Tôi quay lại nhận ra lão đang tưới cây. Ngừ nhận ra tôi bỏ chiếc bình tưới cây xuống sân hồ hỏi:

- Ông đi đâu đấy, vào nhà uống nước đã.

- Đi dạo phố phường xem không khí Tết năm nay ra sao? Ông chuẩn bị Tết đến đâu rồi?

Vừa mở công Ngừ vừa thững thững:

- Con cháu thì ở xa, Tết nhất ghé qua nhà chưa ấm chỗ đã về, chỉ còn hai ông bà, ăn uống là bao mà phải chuẩn bị hả ông?

Nhà lão Ngừ ngăn nắp và sạch sẽ, dãy cây cảnh được lão tỉa tót khá công phu nhất là giàn hoa giấy hình đôi rồng ngự trên cánh cổng, nở rực rỡ với đủ sắc trắng, đỏ, vàng. Lão Ngừ cũng chỉ tầm tuổi tôi u70 nhưng nhìn lão trẻ như u60, khỏe và nhanh nhẹn. Cái mảnh sân nhỏ lão bày đủ thứ nhưng tất cả đều bóng lên không có một hạt bụi. Ngừ ở quân ngũ chưa đủ 15 năm, lúc phục viên về với hàm Thượng úy. Tiền phục viên thuở ấy đa số mang về đưa vợ, riêng Ngừ thì không. Khi có quyết định cầm tay, tư trang chỉ giữ lại một bộ đang mặc trên người, còn tất cả: nào là chăn màn, quần áo, ăng gô, mũ cối, lão mang ra chợ bán hết. Cầm số tiền đã có trong tay lão vào bản Thí mua ngựa, một chú ngựa non chưa đầy hai tuổi. Ngày ấy phương tiện chuyên chở rất khó khăn, có thuê thì cũng không thể đủ tiền, thế là lão dắt bộ, đúng nghĩa một mình một ngựa. Sáu ngày, nước sông, cơm chợ tới ngủ nhờ nhà dân hoặc gầm cầu, Ngừ cút dắt ngựa về đến phố. Chăm ngựa hơn cả chăm con, năm sau Ngừ có cái xe ngựa thứ hai trong phường, sau cụ binh Thao ở khu phố 6. Kinh tế nhà Ngừ cút khá lên nhờ vào cái xe ngựa chuyên đi

chở hàng thuê. Lão được đồng ngũ nhất là các cựu binh phục viên, ca ngợi là người có tầm nhìn xa, trông rộng.

Ngừ cút pha trà lóng không có lẽ vì bàn tay trái thiếu ngón, tôi chợt nhớ lại câu chuyện của Hạ với lão thuở nào. Tò mò tôi lần la thăm dò:

- Tôi trông nhà cho lão Hạ hơn một năm rồi mà chẳng thấy hấn về, gọi điện hỏi nhưng không thể liên lạc được.

Ngừ đáp tỉnh khoeo:

- Gọi thế đếch nào được, vùng ấy chưa có sóng?

- Chả nhẽ một công ty nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu nông, lâm sản lại ở vùng sâu vùng xa không có sóng viễn thông thì giao dịch, liên lạc thế nào?

Ngừ tròn mắt nhìn tôi:

- Ông ấy nói với ông thế à?

Tôi gật đầu.

- Nói dối đấy. Hiện lão Hạ đang ở điểm cao 399 Hà Quang, gỡ mìn làm sạch đất, để các ông ấy xây đài tưởng niệm những đồng đội đã hy sinh.

- Sao ông biết?

- Ông anh con bác ruột tôi đứng đầu cái Ban liên lạc Cựu chiến binh chiến trường này mà, ngày còn tại ngũ ông ấy là thủ trưởng của lão Hạ đấy.

Tôi vỡ òa, thì ra Ngừ cút và Hạ có mối quan hệ dây dợ chỉ đơn giản thế thôi. Chưa tin tôi như vô tình băng quơ:

- Thế mà tôi cứ tưởng ông và Hạ cùng đơn vị.

- Không. Lúc tôi ra quân, Hạ ở trên quân khu, còn tôi ở dưới Trung đoàn trực thuộc tỉnh đội có biết nhau đâu.

Tôi nâng chén nhập một ngụm trà cho tâm thế thật bình tĩnh, đây chính là dịp

để biết nội dung trong lá thư thuở nào Hạ gửi cho Ngữ. Không thể chần chừ, giả như ngây ngô:

- Thế mà cái dạo ông hiến đất cho thành phố mở đường, người ta cứ xì xào: ông với ông Hạ là bạn bè chiến đấu chí cốt, nên chỉ có vài chữ ông Hạ gửi, ông đã nghe theo và quay xe ngay.

Tay Ngữ run run, gương mặt tái đi. Tôi biết mình đã động vào nỗi niềm sâu kín của Ngữ cụt. Không nên tiếp tục chủ đề này thêm nữa, tôi nắm lấy hai bàn tay Ngữ:

- Xin lỗi, tôi xin lỗi.

Một khoảng lặng khá dài, Ngữ nhìn ra ngoài ô cửa đôi mắt thần thờ. Có chú chim vành khuyên đỗ trên cây khế cảnh đang mùa hoa tím ngát. Đôi mắt chú như đeo gọng kính trắng tròn xoe, chú nhảy nhót hót lên chúu chúu. Ngữ thở dài buồn bã đứng lên kéo cánh tủ, lấy ra chiếc phong bì được bỏ trong cái túi ni lon:

- Tôi biết, rất nhiều người muốn biết ông Hạ đã viết gì trong cái phong bì năm ấy. Tôi cũng biết, rất nhiều người đã suy diễn, bịa tạc ra thế nọ, thế kia. Bao nhiêu ngày tôi đắn đo, có nên cho một vài người biết hay không, một vài người biết nghĩa là cả khu phố biết và biết thì sẽ ra sao nhỉ, nhưng thôi tuổi 70 rồi, ra sao thì ra.

Ngữ cụt đặt chiếc phong bì xuống bàn:

- Ông cứ tự nhiên mở nó ra mà đọc.

Tôi giật bắn người, bỗng nhiên không còn đủ tự tin nữa. Ân hận sao mình lại vô duyên thế. Vội đứng lên chào Ngữ để ra về. Nhưng Ngữ kéo tay tôi lại:

- Ông cứ đọc đi. Chính ông là người giải tỏa nỗi niềm cho tôi đây.

Tôi đành phải ngồi xuống, Ngữ mở

phong bì lấy lá thư ra đặt vào tay tôi. Tôi như cái máy đón lấy tờ giấy chắc nó được xé ra từ cuốn sổ, qua thời gian đã vàng ố. Những hàng chữ viết tay màu mực Cửu Long đều tăm tắp hiện ra. Một lá thư tay:

"Hà An ngày... tháng... năm..."

Thân ái gửi Hạ, Ban chính sách!

Anh có thằng em (con ông chú)

Nguyễn Duy Ngữ, cấp bậc Thượng úy, Đại đội trưởng ở d4 e255 tỉnh đội... đợt này ra quân. Mấy năm trước vì quan hệ cá nhân, ngày chủ nhật nó đi đào giếng giúp một gia đình ở nơi đóng quân, không may bị đá rơi làm dập nát 03 ngón tay phải cắt bỏ. Nghe bạn bè mách nước và các anh trong Ban chỉ huy trung đoàn biết Ngữ là em họ mình, nên đã bật đèn xanh, cho Ngữ làm hồ sơ đi giám định thương tật. Giám định: Ngữ được xếp loại thương tật 4/4, nhưng thật trớ trêu mới nhận được ba tháng trợ cấp thì Ngữ có đơn kiện, qua xác minh nội dung đơn có cơ sở, Quân khu phải ra quyết định thu hồi thẻ thương binh và ba tháng trợ cấp của Ngữ, đồng thời kỷ luật một số cán bộ có liên quan.

Còn vài ngày nữa Ngữ ra quân, mấy đêm nay mình không ngủ cứ trăn trở không biết với bàn tay như thế về nó sẽ làm gì để nuôi vợ, nuôi con. Bữa trước anh em gặp nhau nó nói muốn mua con ngựa, mình đã góp cho nó một ít tiền, thương nó quá. Càng thương càng ân hận, bởi ngày xưa nó không hề muốn đi học sỹ quan, chỉ mong hết nghĩa vụ rồi về, nhưng mình đã ép nó, bây giờ đứt gánh giữa đường.

Mình có một đề nghị thế này, nếu giúp được, Hạ cố gắng tìm lại hồ sơ thương tật và thẻ thương binh đưa lại cho Ngữ nhé, để nó về có thêm đồng trợ cấp rau dưa. Hy

vọng Ngừ ra quân rồi, câu chuyện sẽ trở về quên lãng.

Rất cảm ơn em, chúc em mạnh khỏe và thành đạt.

Anh: Nguyễn Duy Hùng".

Đọc xong nước mắt tôi cứ rung rung. Là con người cái lý cái tình đâu phải lúc nào cũng rạch ròi được.

* *

*

Hai mươi tám Tết, Hạ về, bước vào khoảng sân nhỏ nhà tôi cất giọng oang oang:

- Ông Thái đâu rồi?

Từ trong bếp tôi mừng rỡ chạy ra, sững người, giật thót. Trước mắt tôi không phải là dáng hình của Hạ hôm sang đưa tôi chòm chìa khóa. Hạ gầy, đen vai đeo tòng teng, cái ba lô con cóc đã bạc màu, thân hình hăng hực, phải đi trên hai cái nạng thép trắng.

- Trời ơi sao lại thế này? Tôi thảng thốt.

Hạ kéo ống quần chân trái rỗng đang bay lất phất lên:

- Mẹ nó gỡ cả ngàn quả ngon lành, đến quả này rỉ sét, tôi chủ quan tưởng đã mất tác dụng, không ngờ nó vẫn bật lên nổ tiện phăng chân trái.

Tôi dìu Hạ vào nhà, đặt vào tay hấn cốc nước cam. Lòng nặng trĩu:

- Bây giờ còn đau nữa không?

- Hôm mới cắt thì đau và nó cứ chông chênh thế nào ấy. Buồn mất cả tháng, nhưng bây giờ thì đỡ rất nhiều rồi.

Ái ngại tôi hỏi:

- Có được hưởng chế độ, tiêu chuẩn gì không?

Hạ cười:

- Chế độ, tiêu chuẩn cái gì, tự mình làm tự mình chịu, nhưng thôi, nó cũng là cái giá để đổi lấy đất sạch.

Chiều buông xuống một màu chì vời vời, không gian se lạnh, xuân đang về ngoài ngõ. Hạ rít một hơi thuốc Lào rồi ngả ra ghế nhả khói lên trần nhà, hết khói hắt đứng lên lấy từ trong ba lô ra một gói ni lon.

- Biểu ông cân chè tuyết uống Tết. Cho tôi xin chòm chìa khóa, tối sang tôi uống nước nhé. Tết này vợ chồng cái Nhân, cái Hạ đều về.

Tôi nhìn theo, bóng Hạ khuất dần sau cánh cổng, băng khuâng, lặng lẽ nghe thấy tiếng con tim mình đang đập như loạn nhịp./.



PHAN TRỤ

Mùa xuân Quan họ

Giêng - Hai lát phát mưa phùn
Tay gầy vốc gió mà vun thành chiều
Tưởng mình đã cạn niềm yêu
Ngờ đâu lòng vẫn động nhiều mộng mơ
Ngẩn ngơ một sớm... Chờ chờ
Con đò cập bến bên bờ sông xưa
Bến Ngắm một sớm gió mưa
Dùng dằng hai đứa tiễn đưa nhau về
Ơi người con gái chân quê
Dòng sông còn đó lời thề còn đây
Bờ đê tím ngắt cỏ may
Rung rung lại nhớ một ngày nào xưa
Cầu vòng ngăn gió ngăn mưa
Tình xưa ngăn bởi đôi bờ sông Ngân
Ơi gió Bắc! Ơi mùa xuân!
Lòng ta thấp thỏm bước chân một người./.

NGUYỄN XUÂN HUY

Xuân chiều

Xuân đến cùng ta lúc đã chiều
Nhớ mùa xuân trước biết bao nhiêu
Kí ức vui buồn thời trai trẻ
Xuân chiều thao thức nỗi thương yêu!

DƯƠNG ĐỨC NGHIÊM

Xuân về trên phố

Xuân đã về rồi em biết không?
Đào mai khoe sắc má thêm hồng
Chúm chím xinh xinh làn môi mọng
Anh mãi ngắm nhìn mắt biếc trong
Nắng nhẹ buông rơi chiều tím biếc
Thần thờ qua phố bước thong dong
Xuân đến mang bao niềm hạnh phúc
Anh vẫn lại yêu lại nhớ mong./.





XUÂN DOÃN

Miền Quan họ

Miền Quan họ biết bao là nỗi nhớ
 Gửi tâm hồn trong mỗi áng thi ca
 Dòng sông thơ dào dạt đôi bờ
 Để vàng trắng khát khao lời hò hẹn
 Mùa xuân về hoa đào đi trẩy hội
 Cho thỏa lòng mong đợi trúc với mai
 Câu "Còn duyên", "Lúng liếng" cứ nối dài.
 Để tình yêu đắm say miền Quan họ./.

PHƯƠNG ĐĂNG

Tìm em ngày Hội

Nón ba tầm ai đợi giữa Hội xuân
 Chợt bắt gặp ánh mắt nhìn lúng liếng
 Nhớ ngày nào cùng soi chung đáy giếng
 Cùng mỉm cười lưu luyến chẳng muốn xa.

Rồi năm tháng... mỗi đứa một phương trời
 Tiếp bước cha anh viết thêm trang sử mới
 Đất nước anh hùng ngời ngời những chiến công.

Em trở về - Một bông hồng thắm đỏ
 Sáng nay giữa hội Lim quê mình
 Anh tìm mãi người em yêu dấu ấy
 Chỉ thấy yếm đào áo mớ ba, mớ bảy
 Mà chẳng thấy bông hồng đỏ nơi đâu?

ĐÌNH VĂN Y

Nếm xuân

Nắng ngời như còn xanh lăm
 Mà gió đậm hương đầy thoi
 Vừa chạm môi vào nếm thử
 Mới hay: Xuân chín thật rồi!



NGUYỄN THÀNH HƯƠNG

Còn mây ngũ sắc quai trời

Mỗi lần ta đến Hội Lim
 Lại băng khuâng nhớ len tìm quai thao
 Chỉ vì đôi mắt năm nào
 Chứ đâu có hẹn có trao miếng trầu...

Biết giờ người ở nơi đâu
 Ta thì lên lão bạc đầu càng mong
 Còn bao năm để đợi trông?
 Hội Lim còn mãi, mình không sống đời!

Lẽ nào đành vậy mà thôi
 Kia mây ngũ sắc quai trời... Hội Lim./.





LỊCH SỬ VÀ TRUYỆN KÝ VỀ TIẾN SỸ THƯỢNG THƯ LƯƠNG PHÙNG THỜI



LÊ VIẾT NGÀ

Tiến sỹ Lương Phùng Thời, tự là Ngô An, thụy là Như Túc tiên sinh, sinh năm Nhâm Ngọ (1552). Đó cũng là năm Trần Cung - con Trần Cảo nổi dậy từ năm 1516, trốn lên ở Lạng Nguyên (Lạng Giang - Hà Bắc), bị Mạc Đăng Dung mang quân lên đàn áp. Chế độ phong kiến lúc này thực chất thuộc về tay họ Mạc. Quê hương Lương Phùng Thời - Lương Xá, huyện Lang Tài chịu nhiều cảnh do hậu quả của nội chiến Lê Mạc diễn ra liên tiếp. Mạc Đăng Dung và Vua Lê Chiêu Tông trực tiếp cầm quân chống nhau quyết liệt.

Những yếu tố xã hội, thời đại trên đã tác động sâu sắc đến tình cảm và ý chí của tiên sinh Lương Phùng Thời ngay từ khi còn niên thiếu. Truyền thống hiếu học của quê hương sứ sở đã gieo vào lòng tiên sinh mạnh mẽ và sâu sắc. Những tấm gương khoa danh tiêu biểu của các bậc cha anh như Hoàng Sỹ Dịch (đỗ Hoàng giáp năm

1502), Đào Phùng Thái (đỗ Hoàng giáp năm 1505) Phương Kính Trung (đỗ Tiến sỹ năm 1514), Vũ Kính (Đình nguyên năm 1544) và Hoàng Sỹ Khải (đỗ Tiến sỹ năm 1544)... đã ảnh hưởng sâu sắc tới tinh thần học tập dùi mài kinh sử của Lương tiên sinh.

Ông là con thứ của Huệ trung đại phu nho sinh trúng thức Lương Tiên Giảng, hiệu là Văn Nho tiên sinh.

Năm 32 tuổi Lương Phùng Thời đi thi Đình, đó là Quý Sửu năm thứ 5 (1553) (Mạc Cảnh Lịch năm thứ 6, Minh Gia Tĩnh năm thứ 22). Sau khi Vua dời hành trại đến xã Yên Trường, họ Mạc mở khoa thi Hội, lấy Nguyễn Lượng Thái, Hoàng Tuân, Trần Vĩnh Tuy, đỗ Tiến sỹ cập đệ, Nguyễn Nghĩa Lập 5 người đỗ Tiến sỹ xuất thân, Nguyễn Công Tộc, Lương Phùng Thời 12 người đỗ đồng Tiến sỹ xuất thân. Cộng là 20 người

Khoa thi Tiến sỹ này (1553) toàn quốc có 20 vị đậu đại khoa, trong số đó Kinh Bắc

có tới 8 vị, chiếm gần 50%, còn huyện Lang Tài có 2 vị:

1. Nguyễn Lương Thái: quê ở Bình Ngô, Gia Bình đậu Trạng nguyên, khi đó 29 tuổi.

2. Lương Phùng Thời: quê Lương Xá, Lang Tài, đậu Tiến sỹ khi đó 32 tuổi.

3. Phạm Thiệu: quê ở Châu Khê, Quế Dương, đậu Hoàng giáp khi đó đã 42 tuổi.

4. Nguyễn Bình Quân, quê ở Nội Duệ, Tiên Du - đậu Hoàng giáp sau được tặng Thượng thư.

5. Nguyễn Đoan Trung: Quê Hoài Bảo, Tiên Du, đậu Hoàng Giáp, sau giữ chức Thượng thư lần lượt cả 6 bộ.

6. Nguyễn Khắc Tuy: Quê ở Trạn Du, Lang Tài - đỗ Tiến sỹ khi đó 32 tuổi (bằng tuổi ông Thời).

7. Ngô Cháp Trung: Quê Hà Lô, Từ Sơn - đậu Tiến sỹ.

8. Mai Công: Quê ở Đức Tái, Quế Dương, đậu Tiến sỹ khi đó 24 tuổi.

Truyện ký: Sau khi thi đậu đại khoa, Tiến sỹ Lương Phùng Thời được triều đình cho vinh quy bái tổ, lễ đưa tiễn và đón rước được tổ chức hết sức long trọng trang nghiêm. Sau 9 năm quê hương Lương Xá lại được đón nhận vinh dự này, thật là tự hào cho cả làng xã.

Trở lại triều đình, Lương Phùng Thời được nhận chức ngay cùng với các quan tân khoa khác. Ngay năm sau (1554) Giáp Dần thứ 6 - Thái sư Lạng Quốc Công Trịnh Kiểm dời hành dinh đến xã Biện Thượng, quân khí mạnh thêm, hiền sỹ bốn phương nhiều người quy phục.

Cũng năm này, triều đình bắt đầu đặt chế khoa chọn nhân tài, cho Đình Bạt Tuy 5 người đỗ Đệ nhất giáp chế khoa xuất thân. Chu Quang Trứ 8 người đỗ Đệ nhị giáp đồng chế khoa xuất thân.

Do có tài năng đức độ, cho nên Lương tiên sinh đã được triều đình tin tưởng giao cho nhiều trọng trách như Thượng thư, đi sứ Trung Quốc, sau đó được tặng Thiếu bảo, tước Lương Khê hầu.

Năm Canh Thìn thứ 3 (Mạc Diên Thành năm thứ 3, Minh Vạn Lịch năm thứ 8), nhà Mạc cho mở khoa thi Hội, tháng 10 năm đó. Mạc Kính Điển chết. Đến tháng 12, ngày mồng 3 họ Mạc sai Lương Phùng Thời, Nguyễn Nhân An, Nguyễn Uyên, Nguyễn Khắc Tuy, Trần Đạo Vỉnh, Nguyễn Kính, Đỗ Uông, Vũ Cẩn, Nhĩ Tông, Lê Đình Tú, Vũ Cẩn, Vũ Tĩnh sang nước Minh cống hàng năm. Điều đặc biệt trong phái bộ đi sứ lần này là quê hương Lương Xá có hai vị tham gia - đó là Lương Phùng Thời và Vũ Cẩn. Hơn thế nữa là khi đoàn đi sứ trở về, triều đình phái người lên tận biên giới đón lại là quan Thượng thư Hoàng Sỹ Khải (cùng quê với hai ông trong đoàn đi sứ).

Sách "**Đại Việt sử ký toàn thư**" chép rằng: "*Năm Nhâm Ngọ thứ 5 (1582), Mạc Diên Thánh năm thứ 5, Minh Vạn Lịch năm thứ 10), tháng 2 ngày 26 họ Mạc sai Hộ bộ thượng thư kiêm quốc Quốc Tử Giám tể tửu Vỉnh kiêu bá là Hoàng Sỹ Khải và bọn Nguyễn Năng Nhuận, Nguyễn Lê, Vũ Văn Khuê lên địa đầu Lạng Sơn đợi mệnh đón tiếp sứ thần là bọn Lương Phùng Thời trở về*".

Sách "**Lịch triều hiến chương loại chí**" chép: "*Thế Tông năm Quang Hưng thứ 3 (1580), ngang với năm Vạn Lịch thứ 8 nhà Minh, năm Diên Thành thứ 3 nhà Mạc), Mạc Mậu Hợp sai bọn sứ thần là Lương Phùng Thời, Nguyễn Nhân An, Nguyễn Uyên, Nguyễn Khắc Tuy, Trần Đạo Vỉnh, Nguyễn Cảnh, Đỗ Uông, Vũ Cẩn, Lê Đình Tú, Vũ Cẩn và Vũ Tĩnh, cộng 16 người sang*

cống nhà Minh và nộp bù số lễ cống còn thiếu những năm trước".

Với chức Thượng thư Hộ bộ - Lương Phùng Thời có nhiệm vụ trọng trách lớn nhất trong việc giữ công việc về ruộng đất, hộ khẩu, phu thuế, thuế thổ sản, tiền thóc, kho tàng và việc lương bổng quan binh.

Xét lường các khoản xuất nhập về tiền tài, thuế má, mỗi năm cứ đến cuối năm thống kê cả năm thu nhập bao nhiêu, tiêu ra bao nhiêu, so sánh hai bên, nếu thấy tiêu phát rộng quá thì nên chước lường bớt đi. Phàm về tài chính nên bớt hay thêm mà lợi được cho cả công và tư, thì theo từng điều mà tâu lên, đợi chỉ mà phụng hành. Các khoản nói phá, tử dữ, cấp phát ruộng đất bạc tiền mà nếu xét thấy không thiết đáng thì cho tâu nên.

Về các việc thu vào phát ra, thì chọn giao thuộc lại biên tra rõ ràng và thường tra xét đề đề phòng bớt xén (có thể bổ sung thêm).

Về bổng lộc: chiếu theo bổng lộc cấp cho các quan thời Lê chức quan Thượng thư như ông Lương Phùng Thời thuộc hàng Tòng nhị phẩm, được hưởng 62 quan (mỗi tháng 5 quan 43 đồng). Đất thế nghiệp được 12 mẫu, ruộng từ 50 mẫu, bãi dâu từ 10 mẫu, ruộng tế 40 mẫu, dân lộc được 3 xã, chuẩn định tiến giám 300 quan, người theo hầu 30 người.

Về lộc ruộng cho các sứ thần: Chánh sứ được 50 mẫu (cày cấy 10 mẫu, thu thuế 40 mẫu), Phó sứ 45 mẫu (cày cấy 10 mẫu, thu thuế 35 mẫu). Nội sai mỗi viên được 10 mẫu (cày cấy), Thông sự, Lương y, mỗi viên 10 mẫu (cày cấy), Tuỳ nhân mỗi người 10 mẫu (cày cấy).

Về lễ nghi: Theo quy chế phẩm phục cho các quan thời Lê thì chức Thượng thư như ông Lương Phùng Thời khi châu ở triều

thì dùng mũ phác đầu, áo màu hồng, bỏ tử thêu con tiên bạc, đai đính những miếng sừng tê bịt bạc, đi hia và đi tất, khi hầu phủ chúa, đội mũ ô sa, áo thanh cát có lá phủ đằng sau, dây thao kép sâu hạt ngọc.

Về hành nghi: Chức Thượng thư như ông Lương Phùng Thời được dùng một cái dù mưa màu xanh, có riềm, vòng bầy đôn sơn đen, đầu đôn sơn tía, yên ngựa sơn đen thếp vàng, ở ngoài thành được thêm một cái quạt vả màu xanh, có riềm bành voi bên ngoài sơn sơn thếp vàng, trong sơn sơn, mũi bành voi ngoài sơn đen trong tía. Khi vào châu cho đem theo ba người hầu.

Sách "**Các nhà khoa bảng Việt Nam**" có chép về Tiến sỹ Lương Phùng Thời cụ thể như sau: "*Lương Phùng Thời (1552), người xã Lương Xá, huyện Lang Tài nay là thôn Lương Xá, xã Phú Lương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh. Năm 32 tuổi đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sỹ xuất thân khoa Quý Sửu, niên hiệu Cảnh Lịch 6 (1553) đời Mạc Phúc Nguyên. Ông từng được cử đi sang nhà Minh, làm quan đến chức Thượng thư, Thiếu bảo, tước Lương Khê hầu*".

Trong bia hiện nay còn lưu giữ ở thôn Lương Xá và truyện ký ở địa phương có ghi khắc rất rõ về ông Lương Phùng Thời như sau:

"Lương Phùng Thời, chức Thiếu bảo, Lương Khê hầu, Thượng trụ quốc, tự là Ngô An, thụy là Như Túc tiên sinh, khi mất được tặng Thị lang bá tước Chư đệ, bách hộ Văn xuyên bá, Thiên úy về Trung úy, tri huyện Thanh Xuyên. Ông đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sỹ xuất thân khoa Bình Thìn năm 32 tuổi, đi xứ phương Bắc, làm quan đến chức Thượng thư bộ Hộ, đô ngự sử, nhập thị kinh diên, Xuân hà hầu" /.

Tướng Cao Lỗ

NGƯỜI CHẾ NỔ THẦN NGÀY ĐÀU GIỮ NƯỚC

QUANG THUẬN

Trong thần thoại, truyền thuyết hay dã sử Việt Nam, thuở ấy, có biết bao con người - dấu từ đời thực hay từ trí tưởng tượng dân gian - đã bước vào đời sống tinh thần dân gian, trở thành những người bảo hộ cho cuộc sống an bình của con người. Cao Lỗ Vương, vị Tướng - có thể coi là đầu tiên trong sử Việt Nam theo đúng nghĩa của nó là nhân vật như thế.

Dòng Thiên Đức trong hành trình hướng ra bể đã kịp để lại đôi bờ - nơi nó đi qua - dòng phù sa màu mỡ, góp nên những ruộng đồng, cánh bãi, những xóm làng trù mật, và cả bao dấu tích vật chất và tinh thần đã trở thành vô giá, được hậu thế muôn năm trân trọng và ghi nhận, gìn giữ như hồn phách khí thiêng sông núi nước Nam ta. Nơi hội tụ cuối cùng của nó cùng các dòng Cầu - Thương - Lục Nam - Phả Lại - Kinh Thầy hòa vào dòng Thái Bình tạo thành dòng Lục Đầu nổi danh lịch sử để rồi xuôi về phía bể chính là quê hương của vị tướng quốc Cao Lỗ. Nơi đây giờ có tên gọi xã Cao Đức, thuộc huyện Gia Bình của đất Bắc Ninh cổ kính, vùng tâm điểm, chính yếu nhất của Xứ Bắc - Kinh Bắc võ công, văn trị lừng lẫy suốt bao năm tháng

trường kỳ lịch sử phong kiến Việt Nam.

Chẳng phải chỉ có mấy trăm năm, mà đã mấy nghìn năm từ thuở hồng hoang cha ông ta mở đất, dựng nước và chiến đấu để giữ nước đã trôi qua. Vậy nên, như sương khói thời gian, những câu chuyện về ngài cũng ảo huyền, hình tượng về vị danh tướng chế nổ thần đánh giặc cũng như con rồng thiêng ẩn hiện trong mây giăng vô thường của tâm linh người đời hằng tưởng. Và những câu chuyện người dân trong mấy làng Than của đất quê Cao Lỗ kể cũng không nhằm khẳng định một điều xác tín, mà chỉ để tăng thêm niềm tự hào về truyền thống lịch sử sâu dày và thượng võ của quê hương mình.

Theo dã sử, Cao Lỗ Vương còn có tên là Thông, người làng Đại Than, huyện Gia Định (nay thuộc xã Cao Đức - huyện Gia Bình). Thuở trai tráng, Cao Lỗ là người rất khoẻ, lại chăm chỉ luyện tập, nên rất giỏi võ nghệ, đặc biệt là môn đấu vật. Những khi có giải đấu trong vùng, ông luôn giành nhất, nên được gọi là đô Lỗ. Theo truyền thoại dân gian, khi trưởng thành, Cao Lỗ theo Thục Phán đánh giặc lập nhiều công tích nên được phong tước hầu. Và cũng

chính Cao Lỗ là người đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng thành Cổ Loa (hay còn gọi thành Ốc) - một kỳ công về kỹ thuật quốc phòng. Dấu tích Cổ Loa thành cùng những câu chuyện xa xưa ấy giờ vẫn hiện hữu trên đất Đông Anh, Hà Nội. Tương truyền, sau khi xây xong thành Cổ Loa, Cao Lỗ được Thanh Giang sứ hiện thân trong hình dạng rùa vàng cho chiếc móng và ngài đã dùng nó chế tạo ra chiếc nỏ thần có sức mạnh vô địch, bắn một nhát hàng trăm mũi tên, được gọi là Linh quang kim trảo thần nỏ. Khi Triệu Đà đem quân đánh Thục Phán An Dương Vương, Cao Lỗ là người có nhiều công lao trong việc cùng nhân dân đánh bại quân Triệu. Trong cuộc chiến đó, uy lực của nỏ thần đã khiến quân Triệu Đà phải nhiều phen khiếp sợ. Biết không đánh nổi quân Thục An Dương Vương, Triệu Đà ranh quái, đặt ra kế cầu thân, cho con trai là Trọng Thủy sang làm con tin gá nghĩa với My Châu - công chúa, và là con gái độc nhất của Thục Phán An Dương Vương. Cuộc hôn nhân đầy toan tính này đã để lại cho đời sau thiên tình sử bi tráng vào bậc nhất của dân tộc, với kết cục khiến mỗi người sau đều phải động lòng suy ngẫm.

Là cánh tay phải của nhà Vua, rường cột của triều đình, được Vua rất quý trọng và tâm đắc, Cao Lỗ đã bày tỏ sự nghi ngờ lòng trung thực của Triệu Đà với Vua Thục, khuyên can nhà Vua không nên kết thân với nhà Triệu, nhưng nhà Vua không nghe. Sau khi đến ở rể đất Thục An Dương Vương, Trọng Thủy đem lời gièm pha Cao Lỗ, khiến nhà Vua không dùng Cao Lỗ nữa. Trước khi rời khỏi sân rồng, Cao Lỗ không quên dặn lại Vua Thục: Giữ được

nỏ thần thì làm Vua thiên hạ, không giữ được nỏ thần thì mất thiên hạ. Quả như lời ông nói, lịch sử ghi lại là: “Đó là mưu mẹo của Triệu Đà dùng để chiếm nước Âu Lạc. Trong những năm ở rể, Trọng Thủy đã dò xét tình hình Âu Lạc, học phép chế nỏ và phá nỏ của người Âu Lạc (truyền thuyết nói đánh tráo lẫn nỏ rồi trốn về nước dâng cho Triệu Đà). Có được nỏ, Triệu Đà cất quân đánh chiếm nước Âu Lạc. An Dương Vương thua trận phải nhảy xuống biển tự tử”.

Đối với Cao Lỗ, sau khi rời khỏi vị trí tướng nhà Thục, ông nhận lấy cuộc sống lam lũ. Vốn có sức khỏe lại xuất thân thôn dã, ông về làm nghề chum vại ở Hương Canh. Có tài liệu nói ông mất ở quê, trong cuộc chiến đấu sống mái với quân xâm lược.

Những chuyện trên, dầu mang đầy màu sắc huyền hoặc, nhưng vẫn được lưu truyền trong dân gian, qua bao lớp thời gian đến tận hôm nay. Và dầu chẳng ai dám khẳng định tính xác thực của chuyện, nhưng người Việt bao năm qua vẫn tin có một Cao Lỗ từng sống và đánh giặc, như tin vào những Thánh Gióng, ông Cộc, ông Dài, ông Đống... đã làm rạng danh non sông ngày đầu mở nước và giữ nước. Hiện tại, nhiều làng quanh vùng Đại Than - Cao Đức - Gia Bình thờ ông làm thành hoàng, họ kiêng tiếng “lỗ” gọi là “lọt”.

Đền Cao Lỗ Vương nằm ở bãi sông, khuôn viên rộng rãi, cao thoáng ba mặt giáp sông, quay theo hướng Đông, nhìn ra bãi Nguyệt Bàn và đền Tam Phủ - nơi mà đến nay đã được các học giả xác định chính là khu vực diễn ra hội nghị Bình Than của vương tôn nhà Trần thời đại Đông A.

Ngôi đền, cùng với đình Tiểu Than và lăng Cao Lỗ Vương (thuộc xã Vạn Ninh cùng huyện) tạo thành quần thể di tích lưu niệm tướng quân Cao Lỗ. Trải nhiều thế kỷ, ngôi đền luôn được nhân dân địa phương gìn giữ, trùng tu, mở rộng; song vẫn giữ được những đường nét kiến trúc truyền thống, với ba tòa: đền Ngoài, đền Trung và đền Thượng. Tại đây, người dân địa phương đã tạc tượng tướng quân Cao Lỗ được đặt tại điện thờ nơi đền Thượng, bên cạnh Thục An Dương Vương và Thanh Giang sứ (Thần Kim Quy). Tượng đức Cao Lỗ được tạc trong tư thế ngồi, đầu đội mũ quan võ, khuôn mặt nghiêm nghị tinh anh, mắt nhìn thẳng, mình khoác áo giáp in nổi hình long mã, tay trái úp lại lên gối, tay phải cầm lệnh, chân đi hia. Tượng có chiều cao 1,2m; rộng 2 gối 0,55m; hình thể cân đối hài hoà theo tỷ lệ, chạm nổi rõ từng chi tiết nhỏ từ khoé mắt đền bờ môi, nếp gấp của tà áo... Kỹ thuật tạc tượng tài nghệ, điêu luyện, nhìn sống động, nhưng toát lên thần thái, trang nghiêm. Cùng với hệ thống tượng thờ, đền Cao Lỗ Vương còn bảo lưu được nhiều cổ vật có giá trị khác như: bản thân phả soạn năm Tự Đức 32 (1879), 22 đạo sắc phong có niên đại thời Lê và Nguyễn; hệ thống hoành phi, câu đối, ngai thờ, bài vị, siêu đao bát biểu, cùng nhiều đồ thờ tự cổ quý khác... Những tài liệu cổ vật này vừa là chứng tích lịch sử minh chứng cho sự tồn tại của ngôi đền, vừa là những tác phẩm nghệ thuật đặc sắc, tiêu biểu của hai thời Lê - Nguyễn. giúp cho việc tìm hiểu về quê hương, nguồn gốc, cuộc đời và sự nghiệp của Cao Lỗ - nhân vật lịch sử tiêu biểu dưới triều Vua An Dương Vương; người đã có công lao lớn trong việc xây

dựng, bảo vệ nhà nước Âu Lạc. Những nguồn tài liệu di vật phong phú tại khu di tích này đã bổ sung cho nguồn thư tịch và sử cũ ghi chép về Cao Lỗ vốn sơ sài và giản lược.

Hàng năm, nhân dân địa phương vẫn tung bừng tổ chức hội tưởng niệm tướng quân Cao Lỗ vào ngày mùng 10 tháng 3 âm lịch. Đây là lễ hội của 8 làng cùng có chung tín ngưỡng thờ thần Cao Lỗ của xã Cao Đức, gồm: Đại Trung, Đông Trung, Bình Than, Tiểu Than, Văn Than, Phù Than, Kênh Phố và Mỹ Lộc. Trong đó, đền thờ Cao Lỗ Vương tại thôn Đại Trung (Lớ) chính là trung tâm của lễ hội vùng Than. Trong những ngày lễ hội, sau phần lễ là phần hội với nhiều tục trò hèm huý diễn lại sự tích của Thần như: Thôn Đại Trung có trò "Múa mo múa mộc" tượng trưng cho Cao Lỗ khi đánh giặc. Thôn Tiểu Than có trò "Múa bông", "Múa rồng", "Đánh bệt", đặc biệt tục "Đánh bệt" là diễn lại sự tích Cao Lỗ bị chết oan được mãnh hổ mang xác ngài về quê hương để nhân dân biết mà chôn cất; riêng võ vật thì thôn nào cũng có, bởi vùng Đại Than xưa là đất thượng võ. Lễ hội cũng diễn ra với nhiều hoạt động văn hoá văn nghệ dân gian vui tươi lành mạnh mang đậm bản sắc quê hương, dân tộc. Đây là dịp để người Cao Đức, Vạn Ninh, Gia Bình, Bắc Ninh cùng thập phương nói chung tưởng nhớ và tri ân vị tướng tài đã có công lao đánh giặc giữ nước thừa bình minh dân tộc, thể hiện niềm tự hào, củng cố khối đại đoàn kết cộng đồng con Lạc - cháu Rồng; để từ đó động viên nhau cùng hăng hái thi đua lao động, học tập và công tác, đóng góp vào công cuộc xây dựng, phát triển quê hương, đất nước đẹp giàu./.

Văn chỉ làng Ngọc Quan

VŨ NGỌC HÒA

Làng Ngọc Quan hiện có ba di tích đã được xếp hạng. Đó là Đình làng di tích Kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia, Nhà thờ gia tộc Tiến sỹ Vũ Miên và Văn chỉ Ngọc Quan là di tích Lịch sử Văn hóa cấp tỉnh. Ba di tích trên cùng với các di tích chùa Sùng Quang, Giếng cổ, Lăng phu nhân Tiến sỹ, hệ thống bia đá, tượng đá ở các khu mộ Tổ, nhà thờ các dòng họ... tạo nên một quần thể đậm đặc công trình kiến trúc, điêu khắc mang nhiều dấu ấn về giá trị lịch sử và văn hóa tín ngưỡng.

Người Ngọc Quan tự hào về truyền thống của một làng văn chương khoa hoạn. Sách **Bắc Ninh địa dư chí** của cụ Đỗ Trọng Vỹ chép “Ngọc Quan là một làng văn học nổi tiếng”. Văn Chỉ của làng còn ghi tên 48 vị hương hiền khoa giáp. Trong đó có hai vị đỗ đại khoa còn lại là đỗ trung khoa và Tú tài, Sinh đồ. Đặc biệt có 3 vị danh khoa nổi tiếng mà sử sách còn ghi đậm là các cụ Vũ Miên, Vũ Trinh và Vũ Quyền.

Vũ Miên là người thông minh xuất chúng, 15 tuổi thi đỗ đầu xứ, 18 tuổi đỗ cử nhân, 31 tuổi đỗ Hội nguyên Tiến sỹ đệ tam giáp đồng xuất thân (khoa Mậu Thìn

niên hiệu Cảnh Hưng thứ 9 - 1748). Ông làm quan tới chức hành Tham Tụng tước Liên Khê Hầu, Nhập Thị Bồi Tụng, Lại Bộ Thị Lang kiêm Quốc tử giám Tế Tửu Quốc sử Tổng tài, gia tặng Binh bộ Thượng thư. Ông để lại nhiều tác phẩm có giá trị như: Quốc sử tục biên, Đại Việt lịch triều đăng khoa lục, Lê Triều Vũ Liên Khê Công ... Tên ông được khắc bia đá dựng tại Văn miếu Hà Nội và Văn miếu Bắc Ninh. Sách **Bắc Ninh địa dư chí** ghi về Vũ Miên như sau: “Đồng Tiến sỹ Vũ Miên người xã Xuân Lan huyện Lang Tài đỗ đầu thi Hội, làm đến Tham tụng, tặng Thượng thư nối đời trăm anh là một vọng tộc ở Lang Tài.”

Sau Tiến sỹ Vũ Miên, ở Xuân Lan phải kể đến một nhà thơ, một cây bút truyện ngắn có tài đó là Vũ Trinh tự là Duy Chu, hiệu là Lai Sơn, tự hiệu Lan Trì Ngư Giả Huệ Văn tiên sinh. Vũ Trinh là cháu đích tôn của Tiến sỹ Vũ Miên. Sách **Đại Nam chính biên liệt truyện** chép rằng: Vũ Trinh hồi còn nhỏ thông minh hơn người, đọc qua đã thuộc, hạ bút thành văn, 14 tuổi đỗ đầu xứ, 17 tuổi đỗ thủ khoa - khoa thi Hương Tiến. Ông làm quan chức Lại Bộ

Hữu Thị lang và Hành Bộ Hữu Thị lang sau thăng Tham Tri chính sự tể nạn công thần, tước Lai Sơn Hầu. Vũ Trinh hai lần được cử đi sứ nhà Thanh. Và cả hai lần ông đều được đánh giá là một nhà ngoại giao có tài. Nhờ vốn học thuật uyên bác và tài ứng đối nên Vũ Trinh đã có công lớn trong việc giữ gìn mối bang giao hữu hảo giữa Đại Việt với Trung Hoa và góp phần làm cho nhà Thanh vĩnh viễn từ bỏ ý đồ xâm lược nước ta.

Tác phẩm Vũ Trinh để lại cho đời ngoài Bộ **Hoàng Triều Luật Lệ** (Soạn chung) còn phải nói đến **Cung oán Thi, Sử Yên thi tập** và đặc biệt là **Lan Trì Kiến Văn Lục**. Đánh giá về **Lan Trì Kiến Văn Lục** nhà nghiên cứu Tiến sỹ Nguyễn Huệ Chi viết: “Có thể nói trong chính trị Vũ Trinh là người nặng nề bảo thủ thì trong sáng tác ông lại là một cây bút hết sức nhạy bén với cái mới, những tư tưởng tình cảm có phần táo bạo (...) Truyện ông viết thường vắn tắt mà truyện nào cũng là một câu chuyện kỳ thú có sức gợi cảm mạnh. Đó chính là một cây bút có tài”.

Vũ Quyền là cháu nội của Tiến sỹ Vũ Miên, đỗ Hương Cống khoa Kỷ Mão (1819) làm Đốc học Hải Dương rồi Thị giảng học sĩ, sau lấy có mẹ già xin về phụng dưỡng và mở trường dạy học. Học trò của Vũ Quyền có nhiều người thành đạt nổi tiếng như ông Nghè Thượng Cốc Nguyễn Quý Tân hiệu là Văn Minh điện đại học sĩ, Nguyễn Tường Công ở Kim Lũ, Tổng đốc Bắc Ninh Nguyễn Trọng Hợp v.v ... Ngoài ra, Ngọc Quan còn nhiều người văn

chương nổi tiếng như cụ Kép Trại, cụ Mền Vũ, cụ Đồ Giáp...

Mặc dù thời gian, chiến tranh tàn phá, đó đây nhiều di tích bị hủy hoại hay bị lãng quên, song thôn Ngọc Quan vẫn bảo tồn khá nguyên vẹn nhiều công trình văn hóa vật thể và phi vật thể. Chẳng những được bảo tồn mà người dân Ngọc Quan luôn chăm sóc tu bổ và phát huy những giá trị của các công trình văn hóa tín ngưỡng. Một trong các công trình văn hóa luôn được người dân Ngọc Quan tự hào là biểu tượng của một làng khoa bảng, làng văn học, đó là Văn chỉ.

Trong hệ thống bia đá hiện còn dựng tại Văn chỉ Ngọc Quan duy nhất có tấm bia Tiến sỹ Vũ Miên không bị xây bịt kín hết mặt sau, nên còn đọc được dòng chữ Hán ở phía sau tấm bia đó. Dòng chữ Hán dịch ra là “Thiệu Trị tứ niên, ngũ nguyệt, nhị thập ngũ nhật ...” và một chữ cuối đã bị mờ. Căn cứ vào dòng chữ này, chúng tôi xác định khu Văn chỉ này có lẽ được xây dựng vào năm Thiệu Trị thứ tư (1844).

Ngay phía Đông cửa Đình, nhìn xuống lớp ao hồ trùng thủy là Văn chỉ của làng. Văn chỉ được xây dựng trên một khu đất cao và bằng phẳng có diện tích vài ngàn mét vuông. Khu trung tâm có bệ thờ Không Tử. Bên cạnh là hệ thống bia đá khắc tên các vị hương hiền khoa bảng của làng. Giữa có hương án. Toàn bộ hệ thống bia đá đều được đặt trên bệ cao có mái che và tay ngai trang trọng. Trước cổng vào là một tấm bình phong giả đá với ba chữ Danh thanh dương bằng chữ Hán như

biểu thị sự tôn vinh muôn đời đối với Đức Khổng Tử và các Hương Hiền khoa giáp. Xung quanh có hệ thống tường bao bằng gạch cao khoảng trên một mét. Khu Văn chỉ Ngọc Quan chỉ càng được tôn nghiêm bởi những hàng cây lim cao to tỏa bóng mát quanh năm.

Hơn hai trăm năm đã qua, đặc biệt qua hai cuộc chiến tranh khốc liệt, Ngọc Quan là địa bàn chịu nhiều bom đạn của giặc Pháp và đế quốc Mỹ, Văn chỉ Ngọc Quan không còn nguyên vẹn như trước. Cây cối trơ trụi, hệ thống tường bao bị đổ vỡ. Bia Khổng Tử bị thất lạc. Diện tích bị xâm lấn. Người ta xây cả mộ ngay sát các bệ thờ. Những năm 1970, 1980, khu Văn chỉ như một phế tích.

Từ cuối những năm 80 của thế kỷ trước, chi bộ Đảng và nhân dân Ngọc Quan đã cho tôn tạo lại khu Văn chỉ, tu sửa hệ thống bệ thờ, làm tường bao, lát gạch bên trong nền, xây bình phong, trụ cổng. Nhưng diện tích hẹp hơn so với quy mô ban đầu. Văn chỉ hiện tại chính là kết quả của công tác tu bổ từ cuối những năm 80 của thế kỷ trước.

Văn chỉ Ngọc Quan hiện còn 8 bia đá. Các bia đá đều được đặt trên mỗi ban thờ. Kích thước các ban thờ không bằng nhau, có ban dài 2,65m rộng 1,60m cao 0,80m; có ban dài 2,45m rộng 1,20m cao 0,75m. Các bia đều được đặt giữa khám thờ xây bằng gạch đặc có bề dày từ 0,40m đến 0,60m, chiều cao từ 1,20 đến 1,45m. Mỗi tấm bia không kể phần xây chum lên đều có kích thước từ 0,45m đến 0,46m x 0,85m

đến 0,92m. Chính giữa là hai ban thờ hai vị đại khoa là Tiến sỹ Vũ Miên và Phó bảng Vũ Giác. Riêng bệ thờ Tiến sỹ Vũ Miên to và cao hơn, mái trên có cấu trúc như người đội mũ cánh chuồn, còn các ban thờ khác đều xây mái vát vuông vức. Hai bên tả hữu, mỗi bên có ba bệ thờ được sắp xếp theo thứ bậc học vị. Hai tấm bia trước là ghi tên 13 vị đỗ Hương cống và Cử nhân. Hai tấm bia kế tiếp ghi tên 33 vị Sinh đồ và Tú tài. Hai tấm bia ngoài cùng, một tấm ghi tên Giáo sư Tiến sỹ Vũ Văn Ngũ chuyên viên đầu ngành ngành Vi trùng học Việt Nam và một bia vẫn để trống. Cả hai tấm bia này đều mới dựng từ năm tu bổ lại gần đây (năm 1987-1988). Trước tấm bình phong là hai trụ cổng bằng gạch có ghi đôi câu đối: *Văn đàn tân cựu hồn như ngọc/ Chi trụ lâu dài tại Khổng quan*. Ghép hai chữ đầu và hai chữ cuối thành Văn chỉ Ngọc Quan. Các cụ già trong làng kể lại, ngày xưa mỗi năm xuân thu nhị kỳ các quan về tế lễ ở Văn chỉ rất đông, voi ngựa buộc dây ở năm đa đình.

Văn chỉ là nơi lưu danh những người có học thức, vốn hiểu biết rộng trong làng nên được nhân dân bao đời nay hết sức trân trọng. Văn chỉ trở thành nơi tôn nghiêm, là biểu tượng về sự học, sự thành đạt của quê hương. Tiến sỹ Vũ Đức Trung nguyên Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh, đại tá an ninh Vũ Văn Nhã đã nghỉ hưu và nhiều người kể lại rằng khi còn nhỏ được cha mẹ dắt ra thăm Văn chỉ và căn dặn phải cố gắng học hành cho giỏi để được ghi tên vào bia

đá ở đây. Những lời căn dặn ấy đã thôi thúc các ông nỗ lực vươn lên. Bằng con đường tự học, Vũ Đức Trung đã phấn đấu trở thành Tiến sỹ, được giao chức Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh, Vũ Văn Nhã là sĩ quan cao cấp có trình độ đại học, chuyên gia an ninh có uy tín. Và còn nhiều tấm gương vượt khó thành đạt ở quê hương như Tiến sỹ Nguyễn Bảo Hoàn, Tiến sỹ Vũ Trụ, Tiến sỹ Vũ Văn Cường, PGS TS Vũ Thành Hưởng, NGƯT Vũ Ngọc Hòa, Đại tá, Luật sư, hội viên Hội Nhà văn Vũ Tuấn Anh, cử nhân Vũ Đề...

Bước vào thời kỳ đổi mới, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện, nhiều hoạt động văn hóa lễ hội ở địa phương được khôi phục. Ngọc Quan là thôn luôn dẫn đầu xã Lâm Thao về các phong trào phát triển kinh tế xã hội và xây dựng đời sống văn hóa. Ngọc Quan có đến mười năm liền đạt danh hiệu Làng văn hóa cấp tỉnh. Công tác chăm sóc bảo tồn các di tích lịch sử văn hóa luôn được chính quyền địa phương rất quan tâm. Đáng chú trọng hơn là công tác giáo dục truyền thống nhằm phát huy các giá trị của các di tích. Đặc biệt sau khi các di tích được Nhà nước xếp hạng thì công tác bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích không chỉ còn là nhiệm vụ của Đảng, chính quyền mà là mối quan tâm của toàn dân, là trách nhiệm bảo vệ hàng ngày của những người ở quê, là mối quan tâm, sự hướng về của cộng đồng con em Ngọc Quan đang làm ăn sinh sống xa quê.

Không phải công tác giáo dục truyền thống chỉ được thực hiện từ khi các di tích

được xếp hạng, mà từ lâu đã trở thành lệ, mỗi khi làng tổ chức sự kiện như khai mạc Hội làng hàng năm, Đại hội Chi bộ hay Đại hội các đoàn thể, đều tổ chức dâng hương tại Văn chỉ như một nghi thức báo công trước các bậc tiên hiền của làng. Nhất là hàng năm, mỗi kỳ tổng kết công tác giáo dục - khuyến học, tuyên dương khen thưởng thành tích học tập của các em, từng đoàn học sinh lại cờ dong trống mở, tề tựu tại Văn chỉ, dâng hoa, thắp hương các ban thờ, kính cẩn tỏ lòng tri ân các bậc tiên hiền. Các cháu lại được nghe cán bộ Ban quản lý di tích giới thiệu về di tích, được nghe về thân thế sự nghiệp các bậc đại khoa, trung khoa, những người được sử sách lưu danh, được nghe kể về những tấm gương kiên trì, vượt khó thành tài... Sau mỗi lần như thế, các cháu học sinh như được tiếp thêm nghị lực, được củng cố niềm tin, được bồi đắp thêm tình yêu quê hương để nỗ lực vươn tới.

Nếu như xã Lâm Thao nhiều năm nay được đánh giá là một địa phương làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục và khuyến học của huyện Lương Tài thì thôn Ngọc Quan lại luôn luôn dẫn đầu của xã. Từ khi Đảng có chủ trương thành lập Hội Khuyến học, Ngọc Quan là địa phương đầu tiên của xã tổ chức các hoạt động khuyến học rất sôi nổi. Thôn thành lập ban khuyến học, lập quỹ khuyến học, các dòng họ cũng hình thành ban khuyến học và tổ chức tuyên truyền giáo dục. Rồi sau đó là hưởng ứng phong trào xây dựng gia đình hiếu học, dòng họ hiếu học. Họ Vũ Ngọc Quan là

dòng họ có bề dày về thành tích hoạt động khuyến học. Theo gương họ Vũ, các dòng họ khác của Ngọc Quan cũng xây dựng quỹ khuyến học, phát động nhà nhà làm khuyến học. Từ Ngọc Quan, phong trào nhanh chóng lan rộng ra khắp xã. Trong các kỳ Đại hội Khuyến học của Huyện hay của tỉnh, Ngọc Quan luôn có đại biểu đi dự và nhiều lần được tham luận tại Đại hội. Tính từ năm 2000 đến nay, họ Vũ Ngọc Quan được thưởng 1 Bằng khen của Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam, 3 Bằng khen của UBND tỉnh Bắc Ninh và nhiều Giấy khen, phần thưởng của Hội Khuyến học tỉnh Bắc Ninh, UBND huyện Lương Tài và xã Lâm Thao.

Đánh giá về hoạt động giáo dục và khuyến học của thôn Ngọc Quan, các vị lãnh đạo cũng như các nhà quản lý giáo dục của huyện Lương Tài đều ca ngợi Ngọc Quan là địa phương giàu truyền thống khoa bảng và hiếu học. Nhưng quan trọng hơn, lãnh đạo và nhân dân thôn Ngọc Quan đã làm tốt công tác giáo dục những truyền thống ấy cho các thế hệ cháu con.

Để vừa làm tốt công tác giáo dục truyền thống, vừa làm tốt nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị di tích đã xếp hạng, mấy năm gần đây, địa phương còn liên kết với các trường học trên địa bàn. Các nhà trường Tiểu học và Trung học cơ sở của xã thường xuyên phân công học sinh đến quét dọn, lau chùi, bảo vệ các di tích như Văn chỉ, Đình, Nhà thờ Tiến sỹ Vũ Miên... Mỗi lần đến các di tích lịch sử văn hóa, các em lại như được khơi gợi niềm tự hào về quê hương và càng nhắc nhở các em tình cảm,

trách nhiệm với quê hương nói chung với các di tích lịch sử văn hóa nói riêng.

Ngoài việc cử giáo viên phụ trách, phân công học sinh chăm sóc các di tích trên địa bàn, các trường Tiểu học và Trung học cơ sở còn giáo dục truyền thống cho học sinh thông qua các cuộc nói chuyện, các cuộc thi tìm hiểu và đặc biệt tổ chức cho học sinh đến thăm các di tích trên địa bàn xã.

Nhờ làm tốt công tác giáo dục truyền thống và công tác khuyến học khuyến tài mà thành tích học tập của con em Ngọc Quan luôn phát triển. Học sinh Ngọc Quan luôn được các nhà trường đánh giá ngoan ngoãn và học giỏi hơn các thôn trong xã. Tỷ lệ học sinh giỏi, học sinh đạt giải, học sinh đỗ đại học hàng năm của Ngọc Quan luôn đứng đầu toàn xã. Tổng hợp thành tích học tập theo số liệu chưa đầy đủ Ngọc Quan hiện có 2 Giáo sư, 4 Phó Giáo sư, 2 Thầy thuốc Ưu tú, 1 Nhà giáo Ưu tú, 18 Tiến sỹ, hơn 20 Thạc sỹ, hàng chục sỹ quan cao cấp và hàng trăm cử nhân đại học, nhiều người giữ các chức vụ quan trọng trong các cơ quan nhà nước. Nhiều gia đình đa số con em đều có trình độ đại học. Điển hình là gia đình cụ Vũ Phú có 2 Tiến sỹ, 2 Thạc sỹ, gần 30 cử nhân; gia đình cụ Vũ Kha có 1 Tiến sỹ gần 20 cử nhân, gia đình ông Vũ Đức Trung có 1 Tiến sỹ 4 Thạc sỹ...

Nhằm bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hóa trên quê hương, năm 2014 - 2020, nhân dân Ngọc Quan đã tu bổ nâng cấp khu di tích Văn chỉ. Tổng kinh phí trên 3 tỷ đồng hoàn toàn bằng nguồn xã hội hóa. Toàn bộ khu Văn chỉ và lăng

Phu nhân Tiến sỹ có diện tích trên một ha. Ngoài việc chỉnh trang hệ thống bia đá của Văn chỉ (vườn bia Hương hiền đăng khoa), một số hạng mục làm mới như: Cổng tam quan, tường bao xung quanh, Nhà Bái đường nơi có Tượng thờ Khổng Tử, Chu Văn An, Tiến sỹ Vũ Miên đồng thời là nơi tổ chức các hoạt động văn hóa giáo dục, xây mới Vườn bia ghi danh Tân học và phối cảnh khuôn viên cây xanh toàn bộ khu di tích.

Cụm di tích làng Ngọc Quan nói chung, cũng như Văn chỉ Ngọc Quan đã trở thành một khu công viên văn hóa tâm linh thu hút đông đảo du khách gần xa. Hàng năm công trình vẫn thường xuyên được tu bổ, tôn tạo khang trang nhằm không ngừng phát huy những giá trị to lớn của một di tích Nho học tiêu biểu của một làng quê có bề dày truyền thống khoa bảng. Văn Chỉ Ngọc Quan, biểu tượng của truyền thống khoa bảng, hiếu học đậm chất văn hiến không chỉ là niềm tự hào, tài sản riêng của thôn Ngọc Quan, xã Lâm Thao mà còn là điểm đến hấp dẫn, là sự ngưỡng mộ của du khách gần xa./.

BẠCH LIÊN

Mời bạn về Kinh Bắc

Mời bạn về Kinh Bắc
Say hồn ánh thi ca
Diết da làng Quan họ
Dùng dằng chẳng muốn xa.

Mời bạn về Kinh Bắc
Người lịch sự hào hoa
Đất địa linh nhân kiệt
Giữ nước bản hùng ca.

Mời bạn về Kinh Bắc
Ôi giàu đẹp nên thơ
Thôn trang như phố thị
Ngõ ngàng tưởng trong mơ.

Chia xa hẹn tái ngộ
Tháng ngày ước trôi mau
Bâng khuâng trầu cánh phượng
Xuân sau ta gặp nhau./.

VŨ HẰNG

Chiều đông

Đồng khô gốc rạ úa tàn
Bóng ai tưới tắm chăm hàng rau xanh
Muộn chiều gọi giọt nắng hanh
Má em ửng đỏ trời xanh sáng hồng

Hoa vàng đồng cải mùa đông
Gửi hồn mái ấm nặng lòng quê xa
Nhấn về non nước hoan ca
Lời thương hẹn ước mặn mà tình quê
Mong ngày xuân đón nắng về
Làng quê như phố, bốn bề xanh tươi./.

CHUYỆN VỀ DÒNG HỌ NGUYỄN THẠC VÀ BÀ CHÚA NGUYỄN THỊ NGỌC LONG

HOÀNG NGỌC BÌNH

Đình Bảng một ngày cuối đông, nhưng bầu trời vẫn trong veo, hắt từng vạt nắng tinh khôi xuống con ngõ nhỏ mà tôi đang thả bước. Ngõ nhỏ nên con đường chạy dọc ngõ cũng rất hẹp, chỉ đủ chỗ cho hai xe máy tránh nhau. Hai bên đường dân cư đông đúc, những ngôi nhà cao tầng như xếp chồng lên nhau, như muốn vươn lên để theo kịp anh em, bè bạn, như muốn khẳng định cuộc sống của người dân quê tôi nay đã đủ đầy, sung túc. Con ngõ này có tên gọi là Ngõ Lãng, nơi có Lãng mộ Bà chúa Nguyễn Thị Ngọc Long, người con gái của dòng họ Nguyễn Thạc, Vương Phi của Thái Vương Trịnh Kiểm.

Mấy tháng nay tôi mới có dịp vào đây thắp hương Bà. Gọi là Lãng, nhưng mộ Bà nhỏ bé, nằm khiêm nhường trên mảnh đất chỉ rộng hơn chục mét vuông, quanh năm bốn mùa xanh mát bởi những hàng cây xum xuê tỏa bóng. Trong không gian tĩnh lặng, tôi trầm ngâm hồi tưởng lại những gì đã biết, đã hiểu về Bà, người phụ nữ tài sắc vẹn toàn, đã có nhiều công lao đối với quê

hương đất nước. Tôi tự hào vì trên mảnh đất Bắc Ninh quê tôi đã sản sinh ra biết bao phụ nữ tài năng đức độ, họ không chỉ xuất sắc trong vai trò của người vợ, người mẹ trong gia đình, còn gánh vác nhiều vị trí quan trọng xã hội, một lòng một dạ phụng sự cho dân, cho nước.

Gia phả của dòng họ Nguyễn Thạc ở phường Đình Bảng (thành phố Từ Sơn) còn ghi lại: Thủy tổ của dòng họ là cụ Nguyễn Thạc Thành, tự Mẫn Huệ, vợ là Nguyễn Thị Công, hiệu Từ Nhân. Hai cụ sinh được hai người con là Nguyễn Thạc Tâm và Nguyễn Thạc Bác. Cụ Nguyễn Thạc Bác, có vợ mang tên hiệu là Từ Tâm, sinh được hai người con một gái, một trai. Người con gái là Nguyễn Thị Ngọc Long, tài sắc vẹn toàn, sau này là Vương phi của Thái vương Trịnh Kiểm. Con trai là Nguyễn Thạc Căn, tướng mạo khôi ngô tuấn tú, phong thái phi thường, một danh tướng tài năng, trung quân ái quốc.

Dòng họ Nguyễn Thạc ở Đình Bảng là dòng họ lớn, hiện có 6 chi, gồm 400 xuất

đình và hàng nghìn con cháu. Trải qua gần 500 năm lịch sử, hàng vạn người con của dòng họ Nguyễn Thạc đã bôn ba, mưu sinh và lập nghiệp trên khắp các vùng miền Tổ quốc. Những công hiến của dòng họ Nguyễn Thạc đối với quê hương đất nước là rất lớn. Thời phong kiến, dòng họ Nguyễn Thạc có 7 đời làm quan dưới thời hậu Lê (1559 - 1780), được Vua Lê phong tặng 12 Bảng và Sắc phong, được Chúa Trịnh ban 12 Bản lệnh. Cụ Nguyễn Thạc Lượng, một người con của dòng họ Nguyễn Thạc làm quan trấn thủ ở Thanh Hóa thời Vua Lê Duy Phường (1729 - 1732), đã hưng công xây dựng ngôi Từ đường dòng họ với kiến trúc độc đáo, trưng bày nhiều hiện vật có giá trị cho đến ngày nay. Năm 2004, Từ đường được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa thế giới. Dòng họ Nguyễn Thạc còn có công xây dựng chùa Quỳnh Lâm, nay là chùa Kim Đài, thuộc khu phố Xuân Đài, là di tích lịch sử văn hóa đã được xếp hạng. Đặc biệt, cũng từ bàn tay khối óc của những người con của dòng họ Nguyễn Thạc, đã xây dựng lên một ngôi đình với kiến trúc rất đặc sắc, giờ đây đã trở thành ngôi đình cổ đẹp nhất xứ Bắc, đó là đình Đình Bảng. Sau nhiều lần trùng tu tôn tạo, đình Đình Bảng đã được nhà nước công nhận là “Di tích Quốc gia Đặc biệt”.

Gia phả của dòng họ còn ghi lại: Bà Nguyễn Thị Ngọc Long sinh năm 1541, ngay từ nhỏ đã là người con gái thông minh, nét na xinh đẹp. Năm 1559, khi Bà 18 tuổi, một hôm Thái vương Trịnh Kiểm đi dẹp giặc nhà Mạc về qua làng Đình Bảng,

thấy một người con gái xinh đẹp đang cắt cỏ bên đường. Trời rất nắng, nhưng nàng đi tới đâu cũng có mây che mát cho mình đến đó. Mặc cho quân lính rầm rộ đi qua, bà vẫn bình thản vừa cầm liềm cắt cỏ vừa hát rằng: “Tay cầm bán nguyệt xênh xang/ Hàng trăm ngọn cỏ lai hàng tay ta...”. Thái vương Trịnh Kiểm nghe giọng hát ngọt ngào nhưng lại mang khí phách hiên ngang của một thiếu nữ có khuôn mặt sáng trong, xinh đẹp đến lạ thường, lại thấy có đám mây luôn đi theo che mát cho nàng, cho là điềm lạ bèn dừng lại, gọi người con gái lên hỏi chuyện. Nghe lời đối đáp lưu loát, khôn ngoan hiền dịu từ một cô gái xinh đẹp ở chốn thôn quê, biết đây là người hiền tài thủy chung nhân hậu, Trịnh Kiểm đã mời bà vào cung lập Vương phi.

Từ ngày vào cung, Nguyễn Thị Ngọc Long không chỉ là người vợ hiền đảm, nâng khăn sửa áo cho chồng, bà còn có nhiều việc làm thiết thực giúp triều đình “phù Lê diệt Mạc”, trong đó có việc tuyển mộ nhiều tướng sỹ tài năng, cùng quan quân triều đình giữ yên bờ cõi, trong đó có người em ruột của mình là danh tướng Nguyễn Thạc Căn. Nhờ dũng lực tuyệt vời, lại có tám lòng trung quân ái quốc, Nguyễn Thạc Căn đã lập nhiều công trạng, được phong tới chức Đặc Tiên Phụ Quốc Thượng Tướng Quân, Công Thần Thái Bảo Tuyên Quận Công. Không chỉ tạo dựng cho nhiều người phát triển tài năng giúp dân, giúp nước, bà còn cho xây dựng, tu bổ nhiều công trình như đường xá, chùa chiền phục vụ sinh hoạt và tín ngưỡng của

nhân dân. Ngôi chùa Quỳnh Lâm, nay là chùa Kim Đài còn tồn tại đến ngày nay tại khu phố Xuân Đài, phường Đình Bảng là minh chứng sống động, ghi lại công lao của bà đối với quê hương, đất nước. Đặc biệt, nhờ lời cầu khẩn tận tâm của bà, Thái vương Trịnh Kiểm đã ban lệnh bãi bỏ thuế Bạch bố, (một loại thuế được coi là rất nặng lúc bấy giờ) cho dân làng Cẩm Giang, thuộc phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn ngày nay.

Bà chúa Nguyễn Thị Ngọc Long mất ngày mùng 3 tháng 9 năm Quý Hợi 1626, hưởng thọ 85 tuổi. Linh cữu bà được an táng tại Ngõ Lãng, khu phố Xuân Đài phường Đình Bảng. Tấm bia đá trên Lãng mộ bà còn ghi dòng chữ: “Trịnh Thái Vương Phi Chi Mộ”. Sau khi bà qua đời, quan Nguyễn Thạc Lượng và vợ là Nguyễn Thị Nguyên đã công đức xây nhà thờ Bà, lấy tên gọi là Nhà thờ Bà Chúa. Trải qua biết bao thời gian mưa nắng, nhà thờ Bà Chúa qua nhiều lần trùng tu tôn tạo, năm 2012, con cháu dòng họ Nguyễn Thạc đã hưng công xây mới Đền thờ Bà trên nền đất cũ, với khuôn viên rộng gần 300 mét vuông để ngày ngày nhang khói.

Ông Nguyễn Thạc Vinh, nguyên Chủ tịch UBND phường Đình Bảng, nay là Chủ tịch Hội đồng dòng họ phấn khởi cho chúng tôi biết: Phát huy truyền thống vẻ vang của tổ tiên, dòng họ, lớp lớp thế hệ của dòng họ Nguyễn Thạc đã nỗ lực phấn đấu và rèn luyện, cống hiến trí tuệ, tài năng của mình cho quê hương, đất nước. Hàng nghìn người con của dòng họ đã anh dũng

hy sinh trong các cuộc trường chinh giải phóng dân tộc và bảo vệ tổ quốc. Không ít người đã trưởng thành về mọi mặt, trở thành Giáo sư, Tiến sĩ, nhà nghiên cứu khoa học, sỹ quan cao cấp trong quân đội, trở thành cán bộ công tác trong các cơ quan, tổ chức của Đảng và Nhà nước từ Trung ương đến địa phương, nhiều người đã thành đạt, thành danh trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa và xã hội. Không ít người vẫn bám đất, bám làng, trở thành nông dân, doanh nhân sản xuất kinh doanh giỏi. Trong cuộc sống đời thường, họ vẫn luôn đoàn kết gắn bó, sống thuận hòa, tình nghĩa với mọi người, động viên nhau ra sức lao động và học tập, trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Công lao, cống hiến của dòng họ Nguyễn Thạc và Bà Chúa Nguyễn Thị Ngọc Long không chỉ là niềm tự hào của những người con trong dòng họ, còn là niềm tự hào chung của người dân Bắc Ninh và đồng bào cả nước, trở thành tấm gương trong sáng, điểm tựa tinh thần để mỗi chúng ta cùng phấn đấu vươn lên, khẳng định giá trị của mình đối với gia đình, với quê hương đất nước.

Tư liệu lịch sử có liên quan đến dòng họ Nguyễn Thạc và Bà Chúa Nguyễn Thị Ngọc Long đến nay vẫn chưa được khai thác hết, chưa được tuyên truyền, quảng bá một cách sâu rộng, bởi thế vẫn có nhiều người chưa biết, hoặc còn hiểu rất ít. Như vậy là chúng ta phần nào đã có lỗi với dòng họ Nguyễn Thạc, có lỗi với Bà Chúa và có lỗi với lịch sử. Dư luận chung mong

muốn rằng, các ngành chức năng từ Trung ương tới các địa phương cần quan tâm hơn nữa trong việc đầu tư kinh phí tu bổ, nâng cấp các công trình của dòng họ Nguyễn Thạc, trong đó có Lăng mộ và nhà thờ Bà Chúa Nguyễn Thị Ngọc Long, không thể để dòng họ tự mình xoay sở, chăm lo như hiện nay. Và nên chăng, cần tổ chức các hội thảo khoa học, nêu bật và khẳng định giá trị, cùng những công lao cống hiến của dòng họ Nguyễn Thạc và Bà chúa Nguyễn Thị Ngọc Long đối với dân tộc. Đây là những việc làm thiết thực, không chỉ để chúng ta cùng trân trọng, vinh danh công đức của các vị tiền nhân, còn tạo cơ hội để các thế hệ hôm nay và mai sau hiểu sâu sắc hơn về lịch sử dân tộc, qua đó vun đắp thêm tình yêu quê hương đất nước, cùng ra sức học tập và rèn luyện, cống hiến trí tuệ và tài năng trong công cuộc bảo vệ và dựng xây Tổ quốc./.

NGUYỄN THẾ THUY

Xuân

Gọi mùa vạn vật thức hòa âm
Chao liệng én bay... hé nụ mầm
Ôi mắt ai cười... thoa nắng dịu
Ô xòa thôn nữ rõ ràng xuân./.

DUY ĐẮC

Tháng Giêng

Tháng Giêng bùng mắt lá
Nũng nịu lời cỏ cây
Tháng Giêng như giọt mật
Bướm vẽ vòng ong say.

Hoa đào hồng thơ thới
Líu ríu trong nụ cười
Trống chèo ngân tong tả
Câu hát giòn trên môi.

Tháng Giêng như mâm xôi
Cây xoà hoa đóm tán
Hội làng vui đình đám
Kéo nghiêng trời tháng Giêng.

Hạt mưa phùn bung biêng
Trắng tinh như hạt ngọc
Mưa vòn trên mái tóc
Rồi đậu vào môi hôn.

Tháng Giêng mùa lộc non
Cả bầu trời tinh túy
Tháng Giêng như quả thị
Bước ra từ mặt trời./.

THÁI KHOÁT

Trước xuân

Biết nói gì với những non tơ
 Cây lộc vùng nẩy bung trời biếc
 Biết nói gì với chúm chim nụ đào
 Vừa qua ngày đông giá rét!
 Mây lặng lơ trôi
 Chim vang tiếng hót
 Đánh thức cả không gian xao động ngoài kia
 Thời gian đang dần lối xuân về.
 Xuân về
 Qua cảnh non lộc biếc
 Qua rục rờ sắc hoa
 Qua làn môi em thắm
 Dáng em hay dáng xuân nồn nà?
 Trước xuân
 Lòng lâng lâng như vừa uống rượu
 Và nhẹ tênh như đang bay cao.
 Xuân về!
 Là khát khao
 Là hy vọng
 Là sinh sôi... mạch sống dâng trào./.



NGUYỄN VĂN HÀO

Chào xuân Ất Tỵ

"Xà" rộn tung bừng đón tiết xuân
 Bắc Ninh hào khí tiếp tinh thần
 Trăm nghề mát mái vui doanh nghiệp
 Muôn việc thuận buồm thoả chúng dân
 Tình nghĩa bốn phương người vẫn vít
 Thiết tha Quan họ bạn quây quần
 Thiên thời địa lợi nhân hoà quỵện
 Tỏa sáng danh ngời tiếng vọng ngân./.



TRẦN THIẾT

Coi trâu của mẹ

Coi trâu của mẹ còn đây
 Tết này lòng dạ con đầy nhớ thương
 Đường về Tây Trúc dặm trường
 Con đường Bát Nhã dẫn đường mẹ đi.

Mồ xanh cỏ vẫn xanh rì
 Đêm sương lạnh giá, ngày thì quạnh hiu
 Lam làm đời mẹ chất chiu
 Liều xiêu cơm áo đồ chiều hanh hao.

Bán buôn nhặt nhanh từng hào
 Tết về thấp thỏm hầu bao voi đầy
 Gánh chiều rong ruổi Đông - Tây
 Lo ba ngày Tết đủ đầy chồng con.

Coi trâu gìn giữ mãi còn
 Nâng niu tình mẹ... vẹn tròn đời con./.



HỒNG THỨC

ĐÀO QUANG THẮNG

Bắc Ninh quê tôi

Ất Ty trời xuân đã sắp đến
Giáp Thìn đi, quyến luyến khôn vơi
Một năm đổi mới cảnh, đời
Lắng câu Quan họ: Người ơi! Đừng về...

Lăng Thủy Tỏ trên quê giàu đẹp
Chùa trăm gian, tháp đứng cao vời
Xin chào bạn đến quê tôi
Tích xưa vẫn mãi rạng ngời sử xanh.

Lúa bát ngát như tranh huyền thoại
In cánh cò trắng trải bên mây
Khói lam nhà máy vờn bay
Cảnh tình, tình cảnh đẹp thay quê mình!

Bắc Ninh đó, phúc vinh rạng rỡ
Văn hiến xưa còn đó muôn sau
Một thành phố mới đẹp giàu
Mùa xuân Quan họ càng sâu nghĩa tình!

Tự tình mùa xuân

Mùa xuân
Em không nói em bao nhiêu tuổi
Chỉ môi cười hé nụ đào xinh
Phép màu nào đưa em trẻ lại
Thanh xuân rời rợi đương thì...

Không dài các kiêu sa lộng lẫy
Em lặng thầm rạo rực tình xuân
Dáng liễu thanh thanh vườn thơm cuối phố
Chim động tình ríu rít chiều xanh...

Không son phấn điệu đà em vẫn thế
Cứ vô tư, bình dị, thảo hiền
Nư quê hương ngàn năm dâu bể
Mãi tươi hồng quả ngọt hoa thơm.

Xuân giăng mắc hai đầu thương nhớ
Câu thơ tình tím nỗi chờ mong./.



Những giọt mưa xuân

TỔ QUYÊN

Gần mười hai giờ đêm tôi vẫn cố tranh thủ miệt mài làm việc. Con buồn ngủ kéo đến trĩu nặng trên mi mắt. Rút điều thuốc khỏi bao thuốc lá, tôi lặng lẽ mở cửa bước ra ngoài hành lang. Cái hành lang chật hẹp đến nỗi tôi có thể nghe tiếng đánh máy lách cách của cô gái ở phòng bên cạnh, chắc cũng đang hối hả hoàn thành công việc. Hôm nay đã là hai mươi sáu Tết rồi...

Đêm khuya khoắt ken trong xóm trọ nhỏ. Ánh đèn cao áp trên phố ở títt xa trở nên vàng vọt, gió lạnh buốt vun vút đập vào đầu đó rít lên gầm gừ làm mấy con chó thỉnh thoảng lại gâu lên cắn hóng. Loáng thoáng có những giọt mưa hắt vào mặt giá buốt làm tôi thoáng rung mình kéo mũ áo trùm lên đầu. Tôi lặng lẽ mở điện thoại lướt nhanh. “Con đã ăn cơm tối chưa? Nhớ ăn uống, giữ gìn sức khỏe con nhé. À, bố hỏi con định hôm nào về đấy?”. Đó là tin nhắn của mẹ. Những câu hỏi ngày nào cũng lặp đi lặp lại như một vòng tuần hoàn mà không thể thiếu mỗi ngày. Tôi vội vã nhấn

like và trả lời “Con sẽ cố gắng về trước hai mươi chín nhé”. Mẹ hồi âm ngay lập tức bằng một cú đúp năm like. Chắc giờ mẹ mới yên tâm đi ngủ. Hơn mười hai giờ rồi. Tôi tự trách mình không đọc tin nhắn của mẹ sớm hơn. Ba năm sau đại học ở lại thành phố làm tôi mòn mỏi cả người. Tôi cũng ít về quê. Hầu như công việc của tôi gắn với căn phòng không có lấy một cửa sổ nào, ngoại trừ lúc không bật điều hòa, có thể mở được cánh cửa ra vào để nhìn ra không gian bên ngoài là một hành lang hun hút. Về quê thì không thể kiếm mỗi tháng mười lăm, hai mươi triệu được. Và lại muốn làm một chân bé nhất như công chức cấp xã bây giờ cũng khó, mẹ tôi thôn thức gọi điện bảo vậy. Lần nào gọi điện về mẹ cũng sục sục thương tôi vì nhà tôi chủ yếu vẫn làm nông, họ hàng chẳng có ai làm đến chức Trưởng thôn chứ đừng nói đến chức cao hơn, cứ như thể việc tôi ở lại thành phố là do lỗi của bố mẹ vậy.

“Trời ạ! Anh làm em giật cả mình”. Một cái bóng chòm kín đầu xuất hiện bên



cạnh làm tôi cũng giật mình. Đó là cô gái trọ phòng bên cạnh. Cô ra trường sau tôi một năm. Chúng tôi vốn là hàng xóm liền kề, cách nhau đúng một bức tường con kiến, thỉnh thoảng có gặp nhau ở hành lang chỉ đủ một người đi, hai đứa cười xòa, nghiêng người cho khỏi chạm vào nhau. Đó là một cô gái điềm tĩnh và chừng mực. Trong khi các cô gái trạc tuổi thường rất chăm chút cho khuôn mặt, hình thức của họ thì cô ngược lại - giản dị và mộc mạc. Bình thường, cô đi làm về sớm hơn tôi. Cô vốn hay làm việc khuya, tôi đoán vậy, vì ngoài ánh sáng hắt ra từ qua khe cửa, tôi vẫn nghe tiếng lách cách của tiếng gõ máy tính. Có lẽ đây là lần đầu tiên chúng tôi đứng cạnh nhau ở hành lang trò chuyện. “Em vẫn chưa về quê à?”, “Em cố làm

nốt đêm nay để mai về luôn thể anh ạ”, “Luôn thể là như nào vậy?”, “Tức là em sẽ ở lại, không ra thành phố nữa”. “Định từ bỏ chốn đô hội à?”. “Vâng! em nghĩ chốn đô hội này không dành cho mình. Và lại cơ hội việc làm ở đâu cũng có. Chỉ là do mình có muốn làm hay không thôi. Anh có nghe thấy tiếng mưa xuân đang rơi tí tách không? Ở nhà, em rất thích nghe tiếng mưa rơi. Những cơn mưa mùa hạ đập lên mái tôn nhà em như bản nhạc lúc cao trào mạnh mẽ, lúc mưa thật to kèm thêm tiếng sấm sét như thể DJ của ban nhạc chơi đầy máu lửa. Những cơn mưa rào thoáng qua như một người quen mới gặp, mưa bóng mây giống như người đẹp lướt qua ta. Nhưng em thích nhất là những giọt mưa xuân. Mưa xuân thường tí tách cả đêm chẳng khác nào hai

người bạn tri kỷ đàm đạo chuyện trên trời... rả rích, rả rích như xoáy ngược thời gian, rồi cùng nhau ngắm những mầm xanh chừa mình hoan hỉ... Ở đây thì đúng là khó nghe thật. Vậy đó anh. Nên em nghĩ, nếu cứ theo đuổi điều gì đó không thuộc về mình, chắc không có tâm trí nào để cảm nhận tiếng mưa rơi đâu ạ”.

Trở về phòng, tôi cố vắt óc suy nghĩ tại sao cô gái đó lại quan tâm đến việc cảm nhận tiếng mưa rơi? Thời buổi 4.0 mà còn thích nghe tiếng mưa rơi? Người này đúng là người trên trời rơi xuống. Bây giờ người ta thích nghe tiếng sột soạt của đồng tiền hay tiếng ting ting đổ về tài khoản và những thứ tiếng thiết thực khác. “Anh có nghe thấy tiếng mưa xuân đang rơi tí tách không?”. Bỗng dưng tôi cảm thấy trống vắng rồi chìm vào giấc ngủ xa vời. Ở đó tôi thấy ngôi làng ven sông nhà mình hiện ra. Nơi đó ở ven đê, tôi cùng mấy đứa bạn chạy chơi khắp bãi sông. Lúc chạy lấp sập mé bãi bẻ trộm ngô mang về chân đê vun cỏ khô mà nướng. Lúc mò cua, bắt cá dưới ruộng lấm lem bùn đất. Vào những buổi chiều hè gió lồng, chúng tôi thi nhau thả diều, bàn chân trần chạy thoăn thoắt trên mặt đê chẳng thấy đau... Lớn dần lên thì thoảng vẫn vui khoai, ngô, rồi mùa hanh khô nghịch ngợm đốt cháy cỏ và những bụi cây nhỏ triền đê tạo thành những đám đen thui ngoằn ngoèo. Đốt cháy đấy, nhưng đầu xuân lũ chúng tôi lại háo hức đợi chúng xanh mượt trở lại. Bởi vì dù có bị đốt cháy, những giọt mưa xuân lột phốt vẫn kiên nhẫn đánh thức từng mầm cây, ngọn cỏ. Năm trước mẹ cũng kể chuyện ở xã, sau Tết cũng vì chuyện cỏ mọc trời lên

trên mặt đê đổ bê tông mà thành chuyện lớn, đến mức lãnh đạo xã bị kiểm điểm vì độ dày của bê tông không đúng yêu cầu. Cũng là do những giọt mưa xuân tí tách đấy. Những mầm cỏ hoang dại ấy đúng là có sức sống mãnh liệt thật. Gọi là làng, nhưng giờ làng có khác gì hàng phố mấy đâu, mẹ kể vậy. Nhà nào nhà nấy giờ cũng hay đóng cổng sớm. Bọn trai tráng cũng không tùm năm tùm ba đầu làng như trước nữa. Bọn trẻ ham học đều tìm đường ra thành phố, sau đó là xoay sở mọi cách để trụ lại sau khi tốt nghiệp. Những đứa trẻ còn lại cũng rời làng đi làm công nhân khu công nghiệp hay tìm cách ra đi khỏi làng. Bọn trẻ bây giờ không thích làm việc đồng áng. Cái chung nhất là đứa nào dù ở thành phố hay về làng là ôm khư khư cái điện thoại chả ai buồn nói chuyện với ai. Thường kể đến đây, mẹ lại hay thở dài...

Tỉnh dậy rồi trong tôi bỗng cảm thấy trống vắng. Ừ mà tâm này không biết cây gạo đã ra nụ chưa nhỉ? Hay những bàn tay khúc khuỷu mới bắt đầu đón những chồi non. Từ lúc nào mình không còn biết cây gạo nào ra hoa vào tháng mấy? Mình chỉ nhận ra chúng khi chúng là những đóm lửa nhỏ bay giữa bầu trời. Đã bao năm rồi, mình không được ngắm những bông hoa gạo đỏ rực dưới mưa... Mưa xuân vẫn lất phất bay tấp vào mặt lạnh lạnh. Cửa phòng bên cạnh đã khóa trái. Bâng khuâng thật đấy cô gái phòng bên. Tôi ước mình có thể cùng cô gái phòng bên cảm nhận được những giọt mưa xuân tí tách như hai người bạn tri kỷ và cùng nhau ngắm những mầm xanh chừa mình hoan hỉ trời lên... Bỗng dưng tôi muốn trở về nhà thật nhanh./.



NGUYỄN QUYỀN NHÂN VẬT LỊCH SỬ TIÊU BIỂU

PHAN THỊ AN NGỌC

Trong số những nhân vật lịch sử tiêu biểu tỉnh Bắc Ninh có giám học Nguyễn Quyền sinh năm Kỷ Ty 1869, mất năm Tân Ty 1941, người làng Thượng Trì (làng Đìa), Hoài Thượng, Thuận Thành là một trong những người khởi xướng phong trào Đông Kinh Nghĩa thực vào năm 1907 chủ trương mở trường dạy học, canh tân đất nước, tiến tới sự nghiệp giải phóng đất nước.

1. Nguyễn Quyền - người viết đơn xin mở trường Đông Kinh Nghĩa thực

Sinh ra trong một gia đình có truyền thống Nho học, khoa Tân Mão năm 1891, Nguyễn Quyền thi đỗ Tú tài, được bổ làm Huấn đạo - chức quan trông nom việc học của một huyện thuộc tỉnh Lạng Sơn, nên thường gọi ông là Huấn Quyền. Mặc dù được bổ nhiệm làm quan nhưng Nguyễn Quyền phần lớn chú trọng việc dạy học cho con em địa phương và dành thời gian đọc tân thư, tân văn của Trung Quốc như Trung Quốc hồn, Quân kỹ quyền giới luận - những tư tưởng tiến bộ đương thời. Đầu năm 1907, qua một số lần tiếp xúc với Lương Văn Can và một số nhà nho yêu nước

đương thời như Phan Bội Châu, Lương Trúc Đàm, Đỗ Chân Thiết, Phương Sơn... Nguyễn Quyền từ chức Huấn đạo về Hà Nội cùng với Lương Văn Can và một số sĩ phu Bắc Hà chủ trương thành lập trường tư thực đầu tiên ở Việt Nam với tên gọi Đông Kinh Nghĩa thực tại số 4 phố Hàng Đào, Hà Nội. Ngày 1/5/1907, Nguyễn Quyền là một trong 2 người viết lá đơn gửi ông Đốc Lý thành phố Hà Nội xin mở trường Đông Kinh Nghĩa thực. Trước đây, tại Hà Nội cũng có không ít cơ sở giảng dạy văn hóa Nho giáo như các lớp học tại gia của thầy đồ, lớn nhất là Văn Miếu Quốc tử giám hoặc một số trường tiểu học Pháp - Việt do chính quyền thực dân dựng lên nhưng mọi hoạt động giáo dục này đều nhằm đào tạo quan lại cho chính quyền phong kiến hoặc người làm việc cho thực dân Pháp.

Mục đích của việc thành lập trường Đông Kinh Nghĩa thực là: “dạy tiếng Pháp, chữ Quốc ngữ và chữ Hán theo chương trình mới đã được Toàn quyền chuẩn y” tức là theo phương châm “khai hóa” của chính quyền thực dân (theo đơn xin mở trường). Song thực chất, Đông Kinh Nghĩa

thực chú trọng giáo dục lòng yêu nước, lối sống mới và văn minh phương Tây cho quần chúng thông qua các môn học: chữ Quốc ngữ, chữ Hán, tiếng Pháp, khoa học thường thức (vệ sinh, địa dư, lịch sử, văn chương, công dân giáo dục, kinh tế...). Phạm vi hoạt động khắp các vùng Hà Nội, Hà Đông, Sơn Tây, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Thái Bình... Nguyễn Quyền là cựu Huân đạo được cử làm Giám học, Phó Ban giám hiệu, phụ trách Ban tài chính (giữ quỹ), đồng thời tham gia xây dựng chương trình (Ban Tu thư) và trực tiếp giảng dạy.

2. Nguyễn Quyền với cuộc cách mạng giáo dục đầu tiên ở Việt Nam

Là một trường tư hợp pháp, xuất hiện công khai ở Hà Nội nhưng Đông Kinh Nghĩa thực của Nguyễn Quyền và Lương Văn Can đã có tiếng vang lan rộng khắp cả nước khi làm cuộc cách mạng về đối tượng, mục đích và phương thức giáo dục: từ chỗ chỉ giáo dục một số ít người chuyên sang giáo dục số đông dân chúng; từ chỗ chỉ đào tạo người làm quan sang đào tạo người làm công dân, từ giáo dục tự nguyện sang giáo dục bắt buộc. Đông Kinh Nghĩa thực còn đề xướng học không vì bằng cấp, “chỉ cốt học để làm người dân, chứ không học lối từ chương khoa cử” (lời Giám học Nguyễn Quyền). Đông Kinh Nghĩa thực đặc biệt chú trọng việc biên soạn tài liệu giảng dạy, tuyên truyền. Những bài giảng, văn thơ của Đông Kinh Nghĩa thực đến nay vẫn còn lưu truyền với 3 nội dung chính:

Tân đính Luân lý giáo khoa gồm 26 bài với nhiều chủ đề khác nhau nhưng đều tập trung vào việc giáo dục tuyên truyền đạo đức, tư cách của người dân trong thời kỳ mới.

Quốc dân độc bản: gồm 79 bài nội dung đề cập tới nhiều vấn đề chính trị, xã hội, kinh tế, văn hóa, tư tưởng, giáo dục... nhằm mục đích tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước, ý thức đổi mới, tự lực tự cường trong nhân dân.

Quốc văn tập đọc: gồm 19 bài thơ viết bằng chữ Quốc ngữ do Đông Kinh Nghĩa thực tuyển chọn, biên soạn và ấn hành trong lần đầu năm 1907, trong đó có 2 bài của Giám học Nguyễn Quyền là Phen này cắt tóc đi tu và Chiêu hồn nước. Bài Phen này cắt tóc đi tu mượn hình tượng chủ tiêu đi tu, nhưng có lí tưởng “*Cầu cho ích nước lợi dân mới là/ Tu sao mở trí dân nhà/ Tu sao mộ được nước ta phú cường*”. Bài Chiêu hồn nước tỏ rõ tâm huyết với vận mệnh và tương lai của dân tộc. Bằng động thái “gọi hồn” nước, tác giả làm sống dậy niềm tự hào dân tộc cũng như sự trăn trở của lương tâm những người con của đất nước.

Những cuốn sách giảng dạy bằng chữ Hán được in ấn và che đậy rất khéo léo dưới dạng sách đạo đức, lịch sử, vệ sinh... song thực chất lại chứa đựng nội dung châm biếm, đả kích chính quyền Bảo hộ và những người đại diện cho chính quyền, tuyên truyền truyền thống yêu nước, đoàn kết và kêu gọi dân chúng nổi dậy.

3. Nguyễn Quyền - người tiên phong trong phong trào “nhà Nho đi buôn” để lấy kinh phí duy trì Đông Kinh Nghĩa thực

Đông Kinh Nghĩa thực khai giảng tháng 3/1907 tại Hà Nội, trước khi có giấy phép của chính quyền cai trị. Trường mở cửa ban ngày cho khoảng 50 trẻ em trai gái và hàng trăm người lớn vào buổi tối

từ 7 đến 9 giờ. Các lớp học đều miễn phí (không thu học phí, các tài liệu giảng dạy và tuyên truyền đều phát không và phát hành trên cả nước, những người quá nghèo được miễn phí ăn ở ngay trong ký túc xá của trường). Kinh phí hoạt động dựa vào sự đóng góp tùy tâm của dân; giáo viên thời gian đầu không lĩnh lương; nhà trường có một cơ quan ngôn luận riêng là tờ Đại Việt Tân báo; một thư viện nhiều sách báo với thủ tục cho mượn đọc xong thì trả lại; một hòm thư trưng cầu ý kiến nhân dân đóng góp xây dựng trường... Với nội dung hoạt động như vậy, Đông Kinh Nghĩa thực lập tức được nhân dân ta hăng hái hưởng ứng. Số học viên từ khoảng dăm chục lúc đầu sau tiếp tục tăng dần (lúc đông nhất lên tới 2.000 người).

Khi số lượng học viên ngày càng tăng, vấn đề tài chính của trường gặp nhiều khó khăn. Nguyễn Quyền cùng với Hoàng Tăng Bí mở Công ty Đông Thành Xương ở phố Hàng Gai vừa buôn bán tạp hóa vừa làm hàng công nghệ như dệt xuyên hoa, ướp trà sen. Các sản phẩm do công ty làm ra được khách hàng đánh giá chất lượng không kém gì hàng nước ngoài. Ông còn đứng ra lập hãng Hồng Tân Hưng tại phố Hàng Bò buôn bán và sản xuất đồ sơn nội hoá với mục đích tự cường kinh tế và cạnh tranh với các hãng buôn ngoại quốc đồng thời gây quỹ hoạt động cho nhà trường và mở rộng phong trào Duy Tân. Hồng Tân Hưng được thương gia lớn nhỏ các tỉnh nghe tiếng tới mua hàng tấp nập “có bữa bán được đôi ba ngàn, hôm nào ế lắm cũng bốn năm trăm” trở thành ngọn cờ đầu đưa phong trào nhà nho đi buôn nhanh chóng lan rộng ra cả nước.

Phong trào Đông Kinh Nghĩa thực phát triển mạnh mẽ và có ảnh hưởng rất rộng trong cả nước, tác động đến mọi mặt đời sống đương thời đã làm cho chính quyền thực dân hoang mang, lo sợ. Tháng 11 năm 1907, bọn chúng ra lệnh đóng cửa và cấm hoạt động vĩnh viễn Đông Kinh Nghĩa thực. Thống sứ Bắc Kỳ buộc Nguyễn Quyền phải trở về đảm nhận chức Giáo thụ huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ nhưng ông xin từ chức. Năm 1908, nhân vụ đầu độc quân lính Pháp ở Hà Nội thất bại, Nguyễn Quyền bị cho là có can dự tích cực vào sự kiện này nên đã bị bắt giam ở Hỏa Lò (Hà Nội), sau đày ra Côn Đảo. Năm 1911, ông được tha về “an trí” tại Bến Tre. Tuy bị giam lỏng và bị bọn thực dân theo dõi gắt gao nhưng Nguyễn Quyền vẫn tìm cách liên lạc với những nhà yêu nước trong vùng lục tỉnh Nam kì. Ông mở tiệm may tại thị xã Bến Tre để làm nơi liên lạc, trao đổi hợp pháp với bên ngoài. Năm 1916, ông bị Sở Mật thám Sài Gòn gọi lên xét hỏi, nhưng vì không đủ chứng cứ buộc tội, bọn chúng đành phải thả ông về. Năm 1920, ông chuyển qua sống ở Rạch Giá, Sa Đéc và mất tại đó vào năm Tân Ty 1941, hưởng thọ 72 tuổi.

Nguyễn Quyền là một danh nhân tiêu biểu có nhiều công lao trong phong trào Đông Kinh Nghĩa thực - một phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản đầu những năm 20 của thế kỷ XX. Để ghi nhớ công lao của ông, tên ông được đặt cho các tuyến đường tại thành phố Hà Nội, thành phố Hạ Long, thành phố Đà Nẵng và tỉnh Bắc Ninh quê hương ông.

VĂN BIA "HƯNG NGHIÊM TỰ BI" Ở LÀNG QUẾ Ổ, XÃ CHI LĂNG

NGUYỄN VĂN AN

Chùa Quế Ổ tên chữ là “Hưng Nghiêm tự” xưa nằm ở phía Tây Nam làng Quế Ổ (nay là khu vực trường THCS xã Chi Lăng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh). Chùa có lịch sử xây dựng từ lâu đời, đến thời Lê Trung Hưng (thế kỷ XVII) được trùng tu, tôn tạo quy mô lớn gồm nhiều hạng mục kiến trúc. Vào thời kỳ kháng chiến chống Pháp chùa bị phá hủy hoàn toàn, đến năm Canh Thìn (2000) nhân dân xây dựng lại ngôi chùa mới ở phía Đông của làng giáp với đê sông Đuống. Chùa có bình đồ kiến trúc kiểu chữ Đinh, gồm 5 gian Tiền đường và 3 gian Thượng điện. Toàn bộ hệ thống tượng Phật và đồ thờ tự đều mới được tạo tác sau này. Tại chùa Quế Ổ hiện còn lưu giữ được 4 tấm bia đá có giá trị gồm: “Tờ vũ bi ký” ghi chép việc xây dựng Tờ vũ tổng Đại Toán, huyện Quế Dương xưa, nội dung văn bia do Tán lý quân vụ Nguyễn Cao (1837 - 1887) người xã Cách Bi soạn năm Tự Đức 35 (1882), “Bản tự bi ký”

khắc năm Khải Định 9 (1924) và một tấm bia hậu Phật niên đại khoảng thế kỷ 17 - 18 hiện đã mờ hết chữ. Trong đó đặc biệt giá trị nhất là tấm bia “Hưng Nghiêm tự bi” khắc năm Cảnh Trị 7 (1669) dưới đời vua Lê Huyền Tông.

Tấm bia hình chữ nhật, được chế tác bằng đá xanh nguyên khối, dạng dẹt, kích thước khá lớn, cao khoảng 170cm, rộng 115cm, dày 23cm, gồm hai mặt: mặt trước, phần trán bia trang trí chạm nổi 3 băng hoa văn: lưỡng long châu nhật, hoa cúc, cánh sen đứng, chính giữa khắc nổi dòng chữ “Hưng Nghiêm tự bi” (Bia chùa Hưng Nghiêm). Mặt sau, phần trán bia trang trí phượng châu mặt nguyệt, hoa cúc, cánh sen đứng, chính giữa khắc nổi dòng chữ “Nghĩa điền ký” (Ghi chép ruộng nghĩa điền). Diềm bia xung quanh trang trí đao lư, hoa cúc dây xen lẫn ô trám lồng, cánh sen. Lòng bia cả 2 mặt đều khắc chữ Hán, thể chân phương còn khá rõ nét. Nội dung chính ghi chép lai lịch, công trạng của

người đứng ra hưng công trùng tu, tôn tạo và quy mô kiến trúc chùa Quế Ổ cùng tên họ những người cúng dường ruộng đất cho nhà chùa. Phần đầu văn bia cho biết:

“... Nay có vị Chánh Vương phủ Thị nội Cung tần Ưu bà di Nguyễn Thị Ngọc Bạch, hiệu Diệu Thời là người xã Quế Ổ, huyện Quế Dương, phủ Từ Sơn, đạo Kinh Bắc... [Bà] nổi tiếng là người xinh đẹp có đức lớn bao dung ôn hòa. Đến tuổi cập kê được sủng hạnh chốn cung cấm, nhận được nhiều ưu ái từ nhà Chúa, một lòng trung hiếu cung kính, đẹp như vì sao sáng, dáng vẻ đôn hậu vậy. [Bà] theo hầu Văn Tổ Nghị Vương (tức Thanh Đô Vương Trịnh Tráng) được coi như vật báu trong thiên hạ, đến lúc ngài mất vẫn giữ nguyên tiết hạnh. Khi tuổi già trở về quê hương với tấm lòng trong sáng như đóa hoa sen, [Bà] đã giáo hóa, quyên góp mưu dựng lên chùa Hưng Nghiêm nhà điện lộng lẫy, trở thành danh lam ở vùng đất Quế Dương. Dựng lên 5 cấp đài bằng đá sừng sững đối với đỉnh núi Lâm Sơn hòa nhập vào bức tranh cửa thiền nơi rừng núi...”

Mặt sau văn bia cho biết: “... Chánh Vương phủ Thị nội Cung tần Ưu bà di Nguyễn Thị Ngọc Bạch, hiệu Diệu Thời lại bỏ tiền riêng ra mua 10 mẫu 3 sào ruộng cúng dường Tam bảo làm ruộng hương hỏa đời đời...”. Đặc biệt, đứng đầu danh sách hưng công trùng tu thượng điện và đúc chuông đồng chùa Hưng Nghiêm là Thụy Quận công Nguyễn Đức Trung giữ chức Tiền kinh kỳ cai kỳ quan Đô đốc Đồng tri, vợ cả là Vương tử Quận chúa Trịnh Thị Ngọc Sanh, hiệu Diệu Trí cùng

lập “hậu Phật” cho thân phụ, thân mẫu của ông là: Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân Đông quân Đô đốc phủ gia tể tướng Thái bảo Hào Quận công Nguyễn Tường công, tự Uy Dũng, thụy Khoan Hậu phủ quân. Chánh phu nhân gia phong Quận phu nhân Nguyễn Thị, hiệu Vĩnh Tiến huyện quân.

Bia được lập vào ngày tốt, tháng 3, niên hiệu Cảnh Trị thứ 7 (1669) triều Lê. Nội dung do Thôn sĩ Nguyễn Khả Nhâm người huyện Tiên Du, phủ Từ Sơn, đạo Kinh Bắc soạn. Huyện thừa huyện Đường An, Thiện lộc Nam Nguyễn Viết Quý người xã Đại Bái, huyện Gia Định, phủ Thuận An khắc.

Văn bia “Hưng Nghiêm tự bi” ở chùa Quế Ổ là một tác phẩm nghệ thuật độc đáo chứa đựng giá trị to lớn về mặt lịch sử, văn hóa, khoa học và mỹ thuật. Nội dung ghi chép trên văn bia cho biết chi tiết quy mô, thời gian trùng tu, tôn tạo các hạng mục kiến trúc chùa Quế Ổ vào giữa thế kỷ XVII. Văn bia còn cung cấp thông tin chính xác về chức tước, địa vị, tên thụy, hiệu của hai cha con Hào Quận công Nguyễn Đức Nghiệp và Thụy Quận công Nguyễn Đức Trung thuộc dòng họ Nguyễn Đức nổi tiếng “to và mạnh” nhất ở trấn Kinh Bắc xưa. Ngoài ra, đề tài hoa văn trang trí, chạm khắc trên văn bia góp phần phục vụ công tác nghiên cứu, tìm hiểu về nghệ thuật điêu khắc tạo hình bia đá trong các công trình tín ngưỡng, tôn giáo dưới thời Lê Trung Hưng./



Biểu tượng nghệ thuật **TRONG LỜI CA QUAN HỌ BẮC NINH - NHỮNG THÔNG điệp GIÀU Ý NGHĨA**

NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG

1. Biểu tượng và biểu tượng nghệ thuật trong văn học dân gian

Xét từ góc độ văn hóa, mỗi một nền văn hóa được cấu thành bởi nhiều yếu tố khác nhau và một trong những yếu tố đó chính là biểu tượng. Trong cuốn Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới, nhiều tác giả cho rằng: “Mọi nền văn hóa đều có thể xem như một tập hợp các hệ thống biểu tượng trong đó xếp hàng đầu là ngôn ngữ, quy tắc hôn nhân, các quan hệ kinh tế, nghệ thuật, khoa học, tôn giáo...” [1]. Với cách hiểu như vậy, biểu tượng chính là một trong những cơ sở để xác định đặc trưng của một nền văn hóa cũng như mối quan hệ của các nền văn hóa với nhau.

Ngoài những đặc điểm trên đây, ta thấy mỗi nền văn hóa khác nhau thì hệ thống biểu tượng cũng khác nhau, do đó

biểu tượng dưới góc nhìn văn hóa còn mang tính ổn định tương đối. Như ta đã biết, cấp độ đầu tiên của biểu tượng là “mẫu gốc”. Khi đi vào đời sống văn hóa, mỗi mẫu gốc có thể sản sinh ra những biểu tượng văn hóa khác nhau như trong thần thoại, truyền thuyết, lễ nghi, phong tục tập quán. Vì vậy, biểu tượng dưới góc nhìn văn hóa luôn mang đậm hơi thở của dân tộc, của thời đại.

Các nhà nghiên cứu lí luận văn học cho rằng: “Biểu tượng là phương tiện tạo hình và biểu đạt” có tính đa nghĩa trong tác phẩm văn học. Trong lĩnh vực thơ ca, biểu tượng chính là một trong những phương tiện biểu đạt có hiệu quả. M. Bakhtin đã coi biểu tượng chính là đặc trưng khu biệt quan trọng nhất của các tác phẩm trữ tình với tiêu thuyết: “Chính sự vận động của

biểu tượng thì ca sẽ giả định phải có một ngôn ngữ thống nhất, tương hợp trực tiếp với đối tượng của mình” [2].

Biểu tượng xuất hiện trong văn học dân gian như những hình ảnh ẩn dụ đã được ý thức cộng đồng chấp nhận, sử dụng rộng rãi, phổ biến mà mang đặc điểm văn hóa truyền thống của cộng đồng... Trong thơ ca dân gian, những biểu tượng được xây dựng trên cơ sở những hình ảnh khách quan từ thiên nhiên, cuộc sống lao động sinh hoạt hằng ngày của người lao động. Nó được tập thể người lao động tham gia sáng tạo, bổ sung, cải biến. Ví dụ: biểu tượng trâu - cau; cây đa - bến nước; dòng sông - con đò...

2. Biểu tượng nghệ thuật trong lời ca Quan họ Bắc Ninh - những thông điệp giàu ý nghĩa

Quan họ có hệ thống làn điệu đạt tới một trình độ riêng, đáp ứng những nhu cầu văn hóa, nghệ thuật hiện đại có nhiều nét riêng của sinh hoạt văn hóa Quan họ. Nhưng cũng như phần nhạc, phần lời ca Quan họ đã du nhập, thu hút tinh hoa của kho tàng thơ ca dân gian, dân tộc. Để có những lời ca mượt mà đó, các nghệ nhân Quan họ, ngoài những sáng tác của họ là chủ yếu, đã biết khai thác các lời ca từ văn học dân gian, đó là thơ, ca dao Việt Nam và của các Truyện Nôm. Những bài ca Quan họ được sáng tạo ngẫu hứng trong các kỳ hội làng, hoặc ứng tác ngay trong một canh hát, một cuộc thi tranh giải của làng. Dân ca Quan họ phản ánh cuộc sống sinh hoạt, phong tục tập quán và cả tâm tư, tình cảm

của người dân xứ Kinh Bắc. Những vẻ đẹp phẩm chất, tâm hồn con người, vẻ đẹp của tình yêu, nỗi nhớ, niềm thương trong lời ca Quan họ được chuyển tải một cách khéo léo, tinh tế bằng thứ ngôn từ giàu tính ẩn dụ và đặc biệt là bằng hệ thống biểu tượng phong phú, đa nghĩa.

2.1 Biểu tượng “thân lươn”, “cánh bèo” diễn tả thân phận bé mọn, cô đơn, cam chịu của những kiếp người trong xã hội xưa.

Ngay từ buổi sơ khai của văn học dân gian với những câu ca dao, dân ca chúng ta đã thấy các nghệ nhân văn học dân gian đã mượn những hình ảnh nhỏ bé như: “con ong”, “cái kiến”, “cánh bèo”, “con cò”, “con hạc”, “thân em như con kiến”, “thân em như hạt mưa sa”... để nói về thân phận con người. Những biểu tượng cho thân phận bé mọn của kiếp người nghèo dưới đáy xã hội này cũng xuất hiện nhiều trong lời ca Quan họ.

Biểu tượng “thân lươn” tuy chỉ được dùng trong một bài ca Quan họ cổ nhưng vẫn gây ám ảnh cho người thưởng thức khi nghe các liền anh, liền chị ca bài này. Từ thực tế loài lươn là động vật chuyên sống trong bùn lầy, với lớp da trơn, di chuyển bằng cách bò trườn và khi bị làm cho đau thường quắn thân mình lên... khiến ta hình dung về cuộc sống nhục nhã, đau đớn, bị áp bức với đầy rẫy bất công của những kiếp người dưới đáy xã hội:

“Thân lươn bao quản lấm đầu.

Tính toán nữa làm chi, tính toán làm gì,

*Yêu nhau trò chuyện vân vi,
Kéo mai tiếng bắc, tiếng chày lại bảo
tại em”.*

Hình ảnh cánh bèo trôi nổi trên ao, đầm, sông, hồ rất quen thuộc với người dân đất nước nông nghiệp như Việt Nam. Bèo là loại thực vật gần như không có giá trị, chỉ dùng để làm mát ao hồ cho tôm, cá hoặc làm thức ăn cho gia súc, gia cầm. Ngay từ bèo khi phát âm đồng nghĩa với sự rẻ rúm (rẻ như bèo, giá bèo). Gần gũi với người dân, có giá trị thấp và nó còn có đặc tính rất nổi bật là trôi nổi vô định. Vì vậy, khi đi vào lời ca Quan họ nó trở thành biểu tượng của số phận nhỏ nhoi, bất định, nổi nênh, không biết đi đâu về đâu. Đó là thứ tình cảm bơ vơ, cô đơn, chờ đợi mỗi mòn: “*Bèo dạt, mây trôi/ Chốn xa xôi.../Anh ơi, em vẫn đợi.../ Bèo dạt...*”.

2.2. Biểu tượng “cây trúc”, “vàng trắng”, “con đò” - phẩm chất bình dị, tình cảm mộc mạc, đầm thắm, thiết tha của người Quan họ

Có những biểu tượng đã quen thuộc và được khẳng định giá trị nghệ thuật trong thơ ca và nghệ thuật tạo hình từ rất sớm, ví dụ biểu tượng cây trúc trong thơ ca và hội họa, điêu khắc... từ nhiều thế kỷ. Biểu tượng cây trúc thường xuất hiện trong thơ ca xưa là biểu trưng cho cốt cách, phẩm chất của người quân tử: cứng rắn, vươn thẳng, sức sống dẻo dai, bền vững trước mọi thử thách; ý chí kiên định “Trúc đầu cháy đốt ngay vẫn thẳng” (Nguyễn Trãi); nhân cách thanh cao... “Dáng buồn như trúc, điệu gầy như mai” (Nguyễn Du).

Nhưng biểu tượng cây trúc trong lời ca Quan họ lại gợi lên cảm giác gần gũi, thân quen, khiến người đọc, người nghe liên tưởng đến những chàng trai, cô gái thôn quê với tình cảm mộc mạc, bình dị những vẫn thiết tha, sâu lắng:

Hôm nay sum họp trúc mai

Tình trong một khắc,

nghĩa dài trăm năm...

Người như trúc mọc ngoài trời.

Hoặc:

Trúc xinh trúc mọc sân đình

*Anh (Hai) xinh anh (Hai) đứng một
mình cũng xinh*

Trúc xinh trúc mọc bờ ao

Anh (Ba) xinh anh (Ba) đứng

nơi nào cũng xinh

Trúc xinh trúc mọc đầu chùa.

Không yêu em lấy đạo bùa phải yêu.

Người Quan họ đã dành cả một bài ca cho trúc, không phải cho trúc quân tử mà cây trúc xinh, cây trúc gần gũi, đáng yêu, quen thuộc, biểu tượng cho anh Hai, anh Ba, chị Hai, chị Ba... xinh... “đứng một mình cũng xinh”, “đứng nơi nào cũng xinh”. Có thể thấy, mặc dù biểu tượng “cây trúc” trong lời ca Quan họ không phải là một phát hiện mới (đã xuất hiện nhiều trong thơ ca cổ). Nhưng điểm sáng tạo độc đáo, mới lạ của “cây trúc” trong lời ca Quan họ là nó biểu trưng cho vẻ đẹp phẩm chất, tình cảm của người bình dân: vừa mộc mạc, vừa tha thiết, vừa chân thành, vừa mãnh liệt: “Không yêu em lấy đạo bùa (cho) phải yêu”.

Không chỉ có cây trúc, vàng trắng, con đò, con thuyền cũng là những biểu

tượng đẹp, giàu ý nghĩa trong lời ca Quan họ. Một quê hương sông nước, đồng chiêm, hết thế hệ này đến thế hệ khác gắn bó với những chiếc đò ngang, đò dọc, những chiếc thuyền thúng suốt mùa mưa úng, những chiếc thuyền buôn trên nhiều ngả sông xuôi ngược... đã khiến con đò, con thuyền trên sóng nước đi vào cảm hứng nghệ thuật và trở thành biểu tượng gửi gắm biết bao nỗi niềm tâm sự về thân phận con người, về cuộc đời. Kết quả khảo cứu cho thấy, biểu tượng con đò, con thuyền có trong 63 bài Quan họ.

Có khi thuyền như người bạn tri âm trong những đêm "trăng in mặt nước" để cùng người bồng bênh trên sông nước quê hương, thưởng thức những thú vui tao nhã:

Ngồi tựa mạn thuyền

Trăng in mặt nước

càng nhìn non nước càng xinh

Có khi thuyền, đò hiện lên như biểu tượng về một sự "mong manh" trong cuộc đời "bãi biển mông mênh" để cho người chờ, người đợi, người gọi... và người tin con đò kia sẽ đến, vẫn "nhất tâm đợi chờ, dù "gọi đò chẳng thấy đò thừa" trong suốt cả bài ca "Gọi đò".

Có khi thuyền, đò, bè mảng là biểu tượng của một thân phận, một cuộc đời, một tình duyên... đi trong cuộc đời như đi trong một dòng sông nhiều ghềnh thác:

*... Nhấn cùng bầu bạn xuống bè xuôi
đông*

Lên thác (thì ai ơi) xuống ghềnh

Lên thác đã vậy, xuống ghềnh thì sao?

Có yêu nhau (thì) ngo cửa ra vào...

Để rồi dẫn đến những điều nhẩn nhủ người thương về một phẩm chất cần có trong tình yêu nam nữ, tình bạn, tình người:

... Có yêu nhau (thì) nón cũng như dù...

... Có yêu nhau (thì) đá cũng như vàng...

Cũng có khi "thuyền mở lái chèo, bắt lái chèo ra" được ví như con người vào đời để đi tìm hạnh phúc:

Thuyền mở lái chèo

Bắt lái chèo ra

Nhip hai, anh Hai đi tìm vợ

Nhip ba, chị Ba đi tìm chồng

Thương lấy nhau cùng

Có mũi, có lái, như rồng có mây...

Thuyền, đò trong nước lặng, sóng yên thì ít mà trong sự nổi nênh, lênh dênh, chòng chành... thì nhiều. Tuy nhiên, sự chòng chành, lênh dênh của thuyền, đò trên sóng nước như con người đi trong cuộc đời nhiều ghềnh thác, nhưng người Quan họ không bi quan mà trái lại luôn có một niềm tin vững chắc vào tình người, tình đời: Có yêu nhau... thì đá cũng như vàng. Thuyền dẫu đi qua bao ghềnh thác, cuộc đời dẫu có nhiều sóng gió nhưng người Quan họ sẵn sàng vượt qua bởi lẽ:

Muốn cho gần bến gần thuyền

Gần thày, gần mẹ nhân duyên cũng gần...

2.3. Biểu tượng "chén nước", "miếng trầu" và tình người Quan họ

Nhạc sĩ Trần Tiến, trong một sáng tác của mình đã viết: "Người Bắc Ninh vốn

trọng chữ tình”. Cái chữ tình ấy được thể hiện trước hết qua biểu tượng: chén nước, miếng trầu. Người Quan họ khi đến chơi nhà không thể bỏ qua tục “mời nước, mời trầu”. Chị Hai Quan họ duyên dáng trong tà áo tứ thân, nụ cười ngọt ngào, ánh mắt lúng liếng, tay nâng chén nước, coi trầu nhẹ nhàng mời khách: “đôi tay nâng lấy coi trầu - trà thơm thơm lòng cả mười ngón tay”; “trầu xanh, cau trắng, chay hồng - với pha với nghĩa, thuốc nồng với duyên”. Có thể thấy được cái nét “duyên” trong từng câu hát của làn điệu dân ca Quan họ, rất bình dị nhưng cũng không kém phần thắm thiết. Họ đặt vào trong những câu hát cái tình, cái tâm với mong muốn thể hiện sự thương mến lẫn nhau:

“Khách đến chơi nhà

*Đốt than, dọn nhà, quạt nước với pha
trà mời người xơi*

Quý vậy đôi người ơi...

*Mỗi người xơi mỗi chén cho em vui
lòng*

*(...) Ai ơi nay có thầu, người ơi nay
có nhớ chăng*

Chẳng là đến chúng em chẳng?”

Có nhiều cách để tỏ bày tỏ tâm tư tình cảm cũng như những triết lý về cuộc sống, nhưng thể hiện qua biểu tượng là một cách làm mới lời ca khỏi những cái nhàm chán, quen thuộc. Biểu tượng vốn dĩ bắt nguồn từ vô thức tập thể. Biểu tượng trong thơ ca dân gian nói chung và trong lời ca của người Quan họ nói riêng phần nào phản ánh con người và xã hội đương thời với những kiếp người nhỏ bé, luôn bị chà đạp

đến quyền sống. Đồng thời hệ thống biểu tượng giàu ý nghĩa quăng góp phần thể hiện phẩm chất, tâm tư, tình cảm, khát vọng và “cái duyên, cái tình” của người Quan họ. Khám phá biểu tượng nghệ thuật trong lời ca Quan họ tức là khám phá đời sống tinh thần của con người xứ Kinh Bắc. Như là một sứ giả nghệ thuật trung thành, không biết nói dối, chuối biểu tượng nghệ thuật phần nào phản ánh một cách trung thực và khái quát về phẩm chất, về cốt cách cũng như về đời sống tinh thần của người Quan họ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới (1997). Nxb, Đà Nẵng.

[2]. Nguyễn Văn Hậu (2001), *Tính hình tượng và tính biểu tượng trong tác phẩm văn hóa nghệ thuật*, Nxb KHXH.

[3]. Đinh Hồng Hải (2007), *Nghiên cứu biểu tượng và vấn đề tiếp cận nhân học biểu tượng ở Việt Nam*, Viện nghiên cứu Văn hóa, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

[4]. Đặng Văn Lung, Hồng Thao, Trần Linh Quý (2019), *Quan họ - Nguồn gốc và quá trình phát triển*, NXB chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[5]. Hồng Thao (2002), *300 bài dân ca Quan họ Bắc Ninh*, Viện Âm nhạc Việt Nam, Hà Nội.



ƯỚM THƠ TỪ SỢI NẮNG

chiều quê

NGUYỄN CÔNG HẢO

Đầu năm 2005, tôi chuyển công tác từ Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Tiên Du lên Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bắc Ninh, phụ trách công tác Tuyên truyền Văn hóa - Văn nghệ. Cũng năm ấy, tháng 5 năm 2005, nhà thơ Phạm Đình Thái được bổ nhiệm làm Phó Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh (đến năm 2007 là Giám đốc). Chúng tôi gặp nhau thường xuyên qua các công việc chuyên môn của công tác Tuyên giáo như giao ban công tác Tư tưởng, Báo chí, Văn hóa - Văn nghệ, Giáo dục lý luận chính trị hàng tháng, vì thế chúng tôi quen nhau và biết rõ về cuộc

đời công tác của nhà thơ Phạm Đình Thái. Riêng việc ông mê thơ, làm thơ, lấy thơ làm nguồn vui, cảm hứng bổ trợ cho giờ giảng khô khan của những bài giảng lý luận chính trị là tôi không biết đến.

Cuối năm 2007, ông xuất bản trình làng tập thơ đầu tay ***“Mùa đông ngoài cửa”*** do NXB Hội Nhà văn xuất bản, bấy giờ tôi và bạn bè của ông mới vỡ lẽ ông là người yêu thơ, mê thơ, làm thơ và cả chơi thơ từ thuở còn ngồi trên ghế nhà trường phổ thông.

Nhà thơ Phạm Đình Thái sinh năm 1956 ở Trại Than, Cao Đức, Gia Bình, Bắc Ninh. Quê ông là địa danh đặc địa, nơi quy

tụ của 6 dòng sông lớn ở phía Bắc Tổ quốc, gọi là Lục Đầu Giang: Thiên Đức (sông Đuống), Nguyệt Đức (sông Cầu), Nhật Đức (sông Thương), Minh Đức (sông Lục Nam), sông Thái Bình và Kinh Thầy. Sáu dòng sông quy tụ dân gian gọi là “Lục long tranh châu” (6 con rồng tranh một hòn ngọc). Lại có “Tứ Đức” hội tụ, một địa danh thiên thời, địa lợi, có đủ “Tam khí”: Đất - Trời - Nước. Lục Đầu Giang trong suốt chiều dài lịch sử chống giặc ngoại xâm luôn là vị trí trung tâm, căn cứ địa Vạn Kiếp đã bao lần vỡ òa trong niềm hân hoan chiến thắng giặc phương Bắc của các triều đại phong kiến nước ta. Quê hương của nhà thơ Phạm Đình Thái còn là nơi sinh thành thiên tài quân sự buổi bình minh lịch sử của dân tộc ta, đó là tướng Cao Lỗ Vương, người có công giúp An Dương Vương chế tạo “Nỏ thần”, dựng thành Cổ Loa đánh tan quân giặc Triệu Đà bảo vệ chủ quyền nước Âu Lạc... Lịch sử, truyền thống văn hóa vùng quê đã có phần chắp cánh cho những ước mơ trong cuộc sống, cuộc đời công tác của ông: *“Bình Than ơi! Bên sông giữa quê tôi/ Đầu nắng gió, xông pha nơi trận mạc/ Bến Bình Than và “Diên Hồng” ca hát/ Sứ nước nhà sáng mãi một dòng thơ”*. Ông đã tự hào về quê hương và viết lên những dòng thơ như vậy. (Bình Than ơi! in trong tập "Màu Hoa phượng", NXB Hội Nhà văn 2022).

Tốt nghiệp cấp 3 năm 1973, nhà thơ Phạm Đình Thái thi đỗ vào trường Đại học

Xây dựng Hà Nội nhưng đã gác lại bút nghiên để lên đường nhập ngũ theo tiếng gọi của Tổ quốc thân yêu. Ông nhập ngũ tháng 4 năm 1974, sau huấn luyện, ông được bổ sung vào đoàn quân đi chiến trường Lào (tháng 9/1974) thuộc biên chế Đại đội Thông tin 18, Trung đoàn 19, Sư đoàn 968, thuộc Đoàn 559, bộ đội Trường Sơn. Cuối năm 1974, Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Tổng tiến công mùa xuân 1975, đơn vị ông trở lại tham gia chiến dịch Tây Nguyên, là chiến dịch mở đầu cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975. Sư đoàn 968, chuyển từ Lào về thay thế các vị trí đóng quân của các lực lượng chủ lực Sư đoàn 10, 320, Trung đoàn 40, 243, 273 di chuyển về Buôn Mê Thuột. Đơn vị ông, Sư đoàn 968 vinh dự được cấp trên tin nhiệm cho đánh trận mở màn vào ngày mùng 2 tết Ất Mão năm 1975 tại căn cứ Đồn Tâm, chốt Mỹ trên đường 19 (từ căn cứ Hòn Rồng, Pleiku đi biên giới Việt Lào). Chiến thắng Tây Nguyên, địch rút chạy, ta truy kích, đơn vị ông vừa truy kích địch rồi tham gia giải phóng sân bay Gò Quánh, Bình Định, Quân Cảnh Cam Ranh - Khánh Hòa. Sau giải phóng 1975, một số đơn vị quân đội chuyển sang làm kinh tế, khắc phục hậu quả chiến tranh, đơn vị ông tham gia trồng bông tại Bình Thuận, Ninh Thuận, trồng mía và khai hoang tại Kon Tum. Giữa năm 1977, đơn vị lại đi Lào lần thứ hai giúp Lào về công tác đảm bảo an

ninh. Tháng 9 năm 1980, ông được phục viên chuyển ngành về học tại trường Đại học xây dựng Hà Nội.

6 năm trong quân ngũ (1974 - 1980) lại đúng vào giai đoạn cả nước dồn sức lực để tổng tiến công nổi dậy giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, nhà thơ Phạm Đình Thái đã được tôi luyện, thử thách đối chọi với những khó khăn, gian nan trong cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc ta. Cuộc đời quân ngũ gian lao nhưng cũng rất hào hùng. Núi rừng Trường Sơn, tình quân dân đất nước Lào Triệu Voi, tình đồng chí, đồng đội qua những trận đánh... đã tạo nên nguồn cảm hứng trong tâm hồn lãng mạn của người lính thông tin Phạm Đình Thái. Tháng 9 năm 1974, vượt dải Trường Sơn, hành quân đến đất nước Lào khi dừng chân ở Cao Nguyên Boloven của Lào, anh chiến sĩ thông tin Phạm Đình Thái đã bật bút viết một mạch bài thơ “Canh cua đá”. Chẳng là, hành quân vất vả đến địa danh này của nhiều vô kể sống trong các hốc đá của những con suối, đơn vị dừng chân cải thiện. Nồi canh chỉ có nước suối rừng và cái cua, không rau, không hành, không gia vị nhưng đã giúp thêm nguồn sinh lực cho những chàng lính mới xa nhà vào chiến trường. Bài thơ được cả đơn vị đón nhận, truyền tay nhau lưu vào sổ tay cá nhân và đọc cho nhau nghe để giảm đi những vất vả gian lao: “*Bữa ấy giữa rừng Lào/ Tiểu đội tân binh mỗi người mỗi ngả/ Bữa canh cua*

giữa trời đất lạ/ Rung rung... nổi nhớ băng khuâng. Bữa canh cua ở giữa rừng Trường Sơn/ Tiểu đội nhỏ mang hồn quê lớn/ Phút chia tay về nơi bom đạn/ Mà nhẹ nhàng bịn rịn băng khuâng...”

Từ bài thơ “Canh cua đá” hôm ấy, trong sổ tay của người chiến sĩ thông tin Phạm Đình Thái bắt đầu kín dần vào những trang giấy về những sự kiện xảy ra hàng ngày của ông và đồng chí đồng đội chống chọi với gian nan thử thách của cuộc chiến tranh, cùng với sự tác động của thiên nhiên nắng gió, bão, giông lũ lụt... và cũng không thể thiếu những vần thơ viết vội từ những cuộc hành quân vất vả, đêm ngày sớm tối lội suối, trèo khe đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt cho chiến trường để sau này khi phục viên rời quân ngũ về với đời thường trên các lĩnh vực công tác, nhà thơ Phạm Đình Thái đã tận dụng những tư liệu, vốn sống, kinh nghiệm một thời khói lửa hào hùng để dệt nên những vần thơ làm đẹp cho đời.

Tốt nghiệp Đại học Xây dựng Hà Nội năm 1985, nhà thơ Phạm Đình Thái được điều về công tác ở Sở Thủy lợi tỉnh Quảng Ninh. Đây là giai đoạn khó khăn nhất của đất nước sau chiến tranh, kinh tế lạm phát tăng nhanh, sản xuất đình trệ, đồng tiền mất giá, rồi đổi tiền (sự kiện Giá - Lương - Tiền gọi là bù giá vào lương), đời sống công nhân viên chức lúc ấy vô cùng khó khăn, nhiều người bỏ việc xin ra khỏi ngành về quê nhận ruộng khoán sản nhưng nhà thơ Phạm Đình

Thái vẫn kiên nhẫn bám đuôi công việc của một cán bộ phòng kỹ thuật xí nghiệp. Ông đã góp công sức nhỏ bé của mình vào các công trình đập thủy điện, thủy lợi Quảng Hà, tưới tiêu và phát điện cho các địa phương vùng Quảng Hà. Tham gia xây dựng công trình lấn biển Nam Ưông Bí, nhà máy Nhiệt điện Ưông Bí... Gần chục năm công tác cho ngành thủy lợi ở Quảng Ninh, năm 1994, ông bị sốt rét tái phát nên có nguyện vọng xin về tỉnh và thật may, ông được tiếp nhận về công tác tại Ban Tổ chức Tỉnh ủy Hà Bắc. Năm 1997, tái lập 2 tỉnh Bắc Ninh – Bắc Giang từ Hà Bắc (hợp nhất từ năm 1963), ông về tỉnh Bắc Ninh cho đến năm 2002 được chuyển về quê Gia Bình để ổn định hoàn cảnh gia đình, thuận lợi cho công tác ở những năm đã bước vào tuổi xế chiều ngũ tuần và gần 30 năm xa nhà cơm niêu nước lọ.

Công tác gần nhà và là lãnh đạo quản lý nên ông đã tranh thủ những thời gian rảnh rỗi, với cảm hứng từ “Quê hương là chùm khế ngọt” để ông đến với sự nghiệp sáng tác văn học nghệ thuật nhiều hơn. Sau tập thơ **“Mùa đông ngoài cửa”**, hai năm sau (năm 2009), ông lại cho ra mắt tập thơ thứ hai **“Nhật nắng chiều quê”** do NXB Hội Nhà văn phát hành. Đúng là **“Quê hương là chùm khế ngọt/ Cho con trèo hái mỗi ngày”**, nhà thơ Phạm Đình Thái đã “trèo hái” để **“Nhật nắng chiều quê”** tiếp tục ra mắt một loạt tập thơ đều do NXB Hội Nhà văn phát hành: **“Lung linh giọt nắng đầu hè/ Giọt qua kẽ lá, giọt khoe dáng tròn/ Giọt còn xuôi ngược lon ton/ Giọt đương run rẩy ve tròn ô van...”** (Trích “Giọt nắng đầu hè” in trong tập thơ **“Mùa hoa phượng”** - năm 2022).

Những “giọt nắng” của chiều quê được nhà thơ Phạm Đình Thái nâng niu,

góp nhặt từ “Giọt tròn là nắng ban mai” đến “Giọt dài là nắng bước hoài qua trưa” và **“Giọt ô van lúc chiều vừa/ Hoàng hôn mang giọt nắng thừa sẫm màu”** để uơm những vần thơ, dệt nên những bài thơ ca ngợi cảnh đẹp quê hương, đất nước, tình yêu quê hương tổ quốc, tình đồng đội, bạn bè từ thuở còn ngồi trên ghế nhà trường đến các anh em đồng ngũ, đồng đội trong những ngày ở chiến trường khói lửa... Tất cả được gom lại đưa vào xuất bản 11 tập thơ đều do NXB Hội Nhà văn cấp phép xuất bản.

Quả thật ông là người viết khỏe, gần như mỗi năm (kể từ năm 2007) đến năm 2022 ông xuất bản trình làng một tập thơ. Tôi và nhiều người đánh giá về ông là một người biết chắt chiu thời gian để nhật từng sợi nắng, uơm mầm và dệt nên những vần thơ từ những sợi nắng chiều quê **“Hôm nay trời nắng thật rồi/ Đồng xanh, xanh tí chân trời vẫn xanh/ Nắng reo gọi lúa nên nhanh/ Đẳng hàng để nhánh làm nhánh lúa ơi!/ Ruộng đồng như một mâm xôi/ Bằng nhau, sóng gợn liên hồi lúa reo/ Quê hương còn những gian lao/ Lúa xanh đầy hết đôi nghèo đi xa”**. Đây chính là tiếng reo vỡ òa của nhà thơ Phạm Đình Thái khi trời ban sợi nắng cho những người dân lao động ở một vùng quê nghèo khó quanh năm lam lũ với ruộng đồng và ông đã chấp nhật những sợi nắng ấy để có bài thơ “Nắng thật rồi” tặng cho quê hương với những mong muốn **“Đẩy hết đôi nghèo đi xa”**.

Nghỉ hưu mà không nghỉ, nhà thơ Phạm Đình Thái vẫn lao động miệt mài cống hiến cho sự nghiệp văn học nghệ thuật của tỉnh nhà. Ông xứng đáng là một cựu chiến binh vẫn giữ nguyên màu áo lính trên đường đời ở mọi lĩnh vực công tác./.

HAI NGƯỜI BẠN



HOÀNG GIÁ

Một sáng chủ nhật, vợ chồng Cường chuẩn bị về quê, thì có tiếng gọi cửa:

- Xin lỗi! Ông có phải là ông Lê Quốc Cường không ạ?

Trước mắt Cường là hai người đàn ông: một già, một trẻ. Ông già có bộ tóc dài trùm kín gáy, lông mày rậm, bộ râu tía tốt trắng như cước, nổi rõ trên khuôn mặt vuông vức, đầy đặn và làn da trắng hồng hào khiến người ta liên tưởng đến những vị bát tiên trong các tranh vẽ cổ phôi phới một sức sống vĩnh hằng. Duy đôi mắt sâu thẳm đã bắt đầu đùng đục hình như đang chứa chất những nỗi buồn kín đáo. Chàng trai cao lớn, mắt y hệt mắt ông già, ít buồn hơn nhưng lại ngơ ngác như tất cả đều mới thấy lần đầu.

Cường lướt nhìn hai người, thoáng qua vài nhận xét rồi thận trọng trả lời:

- Vâng. Đúng là tôi. Ông cần gì ạ?

- Thưa ông. Nếu không có gì phiền phức, xin ông cho hai cha con tôi được hỏi ông một việc.

- Vâng. Tôi xin sẵn sàng. Mời ông và anh vào nhà.

Khi chủ khách đã yên vị, Cường lịch sự bảo:

- Ông và anh có thể cho biết quý danh không ạ?

- Vâng. Xin cảm ơn ông. Ông có phải là người đã chứng kiến cái chết của bà Mai Thu Hà cách đây vừa tròn ba mươi năm?

Cường vô cùng ngạc nhiên, cố đoán ông già này là ai, có quan hệ gì với bà Mai Thu Hà?

Như đoán được ý nghĩ của Cường, ông già tự giới thiệu:

- Tôi là Nguyễn Ngọc Thơ - chồng bà Mai Thu Hà. Còn đây là con trai chúng tôi.

- Nguyễn Ngọc Thơ - Phó tỉnh trưởng tỉnh Khánh Hòa thời Mỹ Ngụy?

- Thưa vâng. Ngày mai cha con tôi đã phải trở lại nước người. Cầu xin ông cho chúng tôi được nghe những lời trăng trối và nơi an nghỉ cuối cùng của bà ấy. Xin được đội ơn ông.

- Vâng. Vợ chồng tôi sẵn sàng hoãn chuyến về thăm quê. Nhưng tôi muốn ông hãy nói rõ về mình.

- Vâng. Cuộc đời tôi, tôi đã định sống để bụng, chết mang đi. Nhưng với ông, tôi xin được kể từ khi đời tôi gắn chặt với nàng...

Và, với giọng buồn buồn ông rầu rĩ kể: Những ngày đầu hồi kháng chiến

chín năm, ở một làng quê bên bờ sông Cái, sát thị xã Nha Trang, có hai người bạn cùng trang lứa, thân nhau như ruột thịt. Đó là tôi và Huỳnh Đức Giang - con một tá điền của cha tôi. Đức Giang to khỏe, chơi đàn bầu, ghi ta, đàn kìm hay đến nỗi nhiều đoàn cải lương cậy cục để đón được anh. Nhưng anh đều từ chối vì không muốn xa làng xóm quê mình. Tôi thì lại có giọng ca cải lương mùi mẫn chẳng thua gì mấy anh kếp ở những gánh hát chuyên nghiệp. Vì thế, tuy địa vị xã hội khác nhau, chúng tôi vẫn là hai người bạn nối khố. Cả hai đều để ý đến con bà hát rong ngoài phố chợ và đều có quá nhiều kỷ niệm với nàng. Nhà nghèo, nhưng nàng có vẻ đẹp quý phái, kiêu sa. Đôi mắt đen, dài, đa tình, khinh mạn, làn da trắng nõn mềm mại, đôi môi

đỏ mọng họa hoằn mới nở nửa nụ cười. Nàng khéo tay thêu thùa kim chỉ, có giọng hát mượt mà, buồn da diết, đổ sáu câu dễ làm những người yếu đuối rũ rượi, lã chã hai hàng.

Năm 1948, khi đó tôi làm văn phòng cho Ủy ban kháng chiến huyện Ninh Hòa thì nghe tin nàng sắp làm vợ Đức Giang, tôi vội vã bỏ cơ quan về làng. Vừa bước qua cổng cái, hai họng súng Xten đen sì đã dí sát hai bên. Thế là tôi bị bọn Com-măng-đô bắt lên phố huyện. Có lẽ do thế lực của cha tôi, nên tôi được bọn Tây đồn đối đãi tử tế, luôn mời uống cà-fê, nói chuyện văn học Pháp bằng tiếng Pháp. Hai hôm sau, tôi được tin chính xác, Giang và nàng đã cưới nhau được một tuần. Tôi vừa buồn, vừa ức. Vẫn biết nàng chỉ có thể



Minh họa: LƯU QUANG LÂM

làm vợ một người. Nhưng chỗ bạn bè nói khổ mà cưới vợ nó lại giàu, nó sợ mình phá hay sợ mình hót tay trên? Sau này tôi mới biết, Đức Giang đã hai lần tới tìm tôi. Lúc đó. Tôi đặt câu hỏi: Thực ra nàng yêu ai? Tôi hay Giang? Và quả quyết rằng nàng yêu tôi, rằng nếu cho tự do lựa chọn nhất định nàng sẽ lấy tôi. Về mọi phương diện tôi đều hơn Giang. Đẹp trai hơn, giàu có hơn, học vấn hơn. To nhỏ gì tôi cũng là cán bộ cấp huyện. Lâu nay tôi vẫn thầm cảm ơn bạn đã tạo mọi điều kiện để tôi tiến bộ. Nào ngờ đó chỉ là kế điệu hổ ly sơn để dễ bề gần gũi, chiếm đoạt nàng. Càng nghĩ tôi càng thấy mình non nớt, khờ dại. Mình là con Tri huyện, con địa chủ làm sao mà mong cầu tiến bộ? Thảo nào, gần hai năm nay mang tiếng là cán bộ huyện mà cũng chỉ được giao những việc lật vật như chép lại công văn, giấy tờ, có khi còn phải xuống nhà bếp làm cấp dưỡng, xuống dưới làng thu mua gạo, thực phẩm... Từ những suy nghĩ ấy mà tôi trở thành một tên phản bội. Mà ông biết đấy, phản bội muốn được chủ mới trọng dụng, tin cậy thì phải lập công, cũng có nghĩa là phải tàn bạo, độc ác, nhuốm máu cách mạng, nhuốm máu đồng loại kể cả người thân, kể cả bạn bè... Chỉ riêng tình yêu với nàng tôi vẫn giữ trinh nguyên, nóng bỏng và tràn đầy hy vọng.

Sau hiệp định Giơ-ne-vơ, tôi trở về Ninh Hòa làm quận trưởng. Tôi lại gặp nàng. Hai con rồi mà nàng vẫn như xưa, thậm chí còn đẹp hơn, chỉ bớt đi cái phần kiêu sa, quý phái. Cũng phải nói thêm với ông rằng: Khi nàng lấy chồng, tôi đã thề sẽ không lấy vợ nếu không gặp được ai

đó hơn hẳn nàng. Trong đời tôi, tôi đã gặp rất nhiều người con gái, nhiều khi còn qua đêm với họ, nhiều người tài sắc hơn nàng, nhưng tôi vẫn tìm những lý do chứng minh họ không thể bằng nàng. Vì thế khi gặp nàng, chồng lại đi tập kết, ngọn lửa trong tôi vẫn âm ỷ cháy giờ bùng lên dữ dội.

Mấy ngày sau, đưa con trai chưa đầy sáu tháng tuổi của nàng nhiễm uốn ván qua đời. Tôi đã xin phép nghỉ về làng chăm sóc nàng như chăm sóc cô bạn nhỏ năm xưa ngoài phố chợ. Lúc đầu nàng phản đối, bóng gió chửi tôi là đồ phản phúc, vong quốc. Tôi vẫn im lặng, kiên trì. Rồi nàng van vỉ xin được để yên, dần dần gương gạo chấp nhận từng sự giúp đỡ nhỏ và cuối cùng phải thốt lên “Anh tốt với mẹ con em quá. Em cảm ơn anh!” Được đà, tôi đã vận động nàng tham gia một vài hoạt động xã hội, rồi xúi giục nàng ra Bến Hải đòi chồng, hát những bài cho dù sắt đá cũng phải mềm lòng. Hai lần nàng ra Bến Hải, hai lần tôi thêm những bông mai và nàng càng thêm kiêu diễm. Cái đêm tôi mừng mẹ con nàng có ngôi nhà mới, nàng cũng mừng tôi thêm một bông mai, tôi đã liêu lĩnh ôm lấy nàng, định đặt lên môi nàng nụ hôn mười năm chờ đợi. Nhưng hai tay nàng đã giáng cho tôi hai cái tát. Từ đó tôi không bao giờ nghe nàng nói, không bao giờ được nhìn thấy nàng cười. Và thật lạ lùng, tôi càng yêu nàng đến mê man, cuồng dại, nhưng cũng sợ nàng đến bối rối, vụng về.

Cho đến một hôm tôi về phố chợ. Vừa bước xuống xe, nàng đã lao tới bấu chặt tay tôi, hốt hoảng:

- Anh Thơ. Anh Thơ ơi! Con em nó bỏ em rồi.

- Sao? Bé Hường làm sao?

- Nó bỏ đi. Nó viết thư để lại. Nó căm ghét em, căm ghét anh. Ai đó đặt điều là em đã phản bội ba nó. Anh có thể giúp em tìm được nó không? Thiếu nó, em làm sao sống nổi?

Tôi thở phào, khẽ mỉm cười trong bụng. Tôi rất mến bé Hường, nhưng cũng biết nàng rất yêu chồng, thương con. Còn con bên cạnh nghĩa là còn chồng bên cạnh, tôi không thể hy vọng. Tôi có đủ cách để đưa bé Hường biến mất khỏi quê hương đến một nơi thật xa. Nhưng tôi sợ nàng. Vì thế, không phải ai khác mà là tôi, chính tôi đã làm mọi cách để đưa bé chín tuổi căm thù má nó, đẩy má nó lọt sâu vào vòng tay mười mấy năm chờ đợi của tôi...

Rằm tháng sau, tôi về làng, hy vọng sẽ chinh phục được trái tim đang cô đơn, héo hắt của nàng. Nhưng than ôi, tôi đã chậm. Một buổi chiều xẩm xịt, người ta thấy nàng thần thờ trên bờ sông Cái. Tôi ấy nàng không về. Sáng hôm sau chỉ còn đôi dép xếp ngay ngắn và mấy dòng chữ nguệch ngoạc “Tôi không thể sống mất chồng, mất con. Xin vĩnh biệt mọi người. Mai Thu Hà”.

Đau đớn và thất vọng. Vừa giận, vừa thương. Tôi thần thờ xuôi dòng sông Cái. Biển đã chặn lối tôi đi. Tôi nghe trong tiếng sóng ạt ào lời oán hận, nguyên rủa. Tôi biết bé Hường đã được một người bên nội đưa đi rất xa nuôi dưỡng. Tôi tưởng như thế chắc chắn sẽ chiếm được nàng. Nào ngờ nàng đã cướp đi niềm khát khao, tình yêu cháy bỏng, cướp đi vòng đời dằng dặc đợi chờ đầy hy vọng của tôi. Đã có lúc tôi muốn theo nàng. Nhưng gió biển mặn mòi

đã giúp tôi tỉnh táo. Tôi sẽ sống để hương khói, để tìm bé Hường trả lại cho nàng.

Cuộc chiến ngày càng khốc liệt. Mỹ ồ ạt đổ quân với quyết tâm diệt tan Cộng sản.

Cuối năm 1965, tôi được đề bạt Phó Tỉnh trưởng, trực tiếp chỉ huy cuộc càn lên căn cứ Đồng Bò. Trận càn kéo dài hơn chục ngày mà chẳng tìm thấy lực lượng chủ lực Việt Cộng, lại mất toi hơn trăm lính vì chông, mìn, cạm bẫy. Chúng tôi cũng giành được một chiến thắng nho nhỏ, bắt gọn một trạm xá đa phần là chị em phụ nữ, chắc là trạm phẫu tiên phương.

Tôi nóng lòng muốn hỏi cung những người bị bắt nên phăng phăng gạt bọn lính canh dày đặc, đẩy cửa bước vào một ngôi nhà ba gian. Trước mắt là cảnh tượng khiến tôi vừa mắc cỡ, vừa phát điên. Tên Trung úy vẫn đeo nguyên phù hiệu đang hăm hiếp một tù binh. Tôi rút súng bắn gục tên Trung úy khi tên này lồm cồm ngồi dậy, vẻ tiếc nuối còn hiện quanh khóe mép nhóp nhúa. Người nữ tù binh bị thút rút miệng bằng chiếc mù-xoa tắm nước hoa thượng hạng Hoa Kỳ, hai tay bị trói ngược lên đầu giường, đôi chân trần bị xác tên Trung úy đè chặt, toàn thân cứng đờ như xác chết. Khi đến gần nhìn vào mặt người nữ tù tôi kinh hãi, rụng rời, khẩu súng tuột khỏi tay kéo lê trên sàn đất. Tôi khẽ kêu lên “Mai Thu Hà!” Nhưng nàng đã chết rồi cơ mà. Hay hồn thiêng của nàng về đây ám ảnh tôi. Tôi vợ vội tắm dù trùm lên cơ thể nàng, rồi rút vội chiếc khăn tay. Ngược lên nhìn tôi, nàng ú ớ:

- Ông Thor. Ông có tìm thấy bé Hường không?

Đúng là nàng rồi. Mừng quá, tôi quên hết mọi tức giận, rút con dao cắt hết dây trói. Nàng đẩy tên Trung úy ngã lăn xuống đất, vợ vội quần áo rồi khinh bỉ nhìn tôi.

- Ông Thơ. Ông bắt tôi đi. Tôi là Việt Cộng đây. Tôi căm thù các ông. Bắt đi, đồ phản bội.

Tôi lẳng lặng đưa nàng về trại giam, lẳng lặng cho người chăm sóc. Rồi tôi thả nàng ra, cử người theo dõi, quản thúc nàng...

Ông già ngừng lại, đôi mắt xa xăm. Khuôn mặt bỗng nhiên bùng lên như có một niềm vui vừa ập đến. Ông lại thông thả kể:

- Một sáng chủ nhật mùa thu năm 1966, nàng đột nhiên hiện ra trước khung cửa nhà tôi. Tôi vội mời nàng vào nhà. Nàng vẫn là Thúy Kiều trong lòng tôi. Nhìn nàng gầy quắt, mắt thâm quầng, lòng tôi se lại. Nàng ngược đôi mắt đen huyền nhìn tôi áp úng:

- Mười năm trước tôi đã không phải với ông. Tôi đến để mong ông tha thứ.

- Trời đất! Sao Hà lại nói vậy. Lỗi là ở tôi. Dừng một chút, tôi hỏn hển nói nhỏ: Nhưng cũng vì tôi quá yêu em!

- Thế bây giờ ông có còn yêu em không?

- Em hỏi gì vậy? Em không thấy tôi vẫn độc thân? Tôi tự thề với lòng mình, ngoài em ra, tôi không thể chung sống với người đàn bà nào khác.

Nàng ngả vào lòng tôi. Trong phút giây ngây ngất, tôi tưởng có thể quên đi tất cả: Tiền tài, danh vọng và cả hận thù dai dẳng đeo bám mỗi con người.

Một năm sau, chúng tôi có bé Ngọc Thương. Tôi là người hạnh phúc nhất trên đời. Vợ đẹp, con xinh, tiền thừa, quyền uy lừng lẫy... Tôi đâu ngờ có một ngày mà hạnh phúc và bất hạnh giằng co bên bờ vực thẳm.

Sáng hôm ấy, tôi nhận quyết định phong hàm Đại tá. Những chai sâm banh chúc mừng nổ đom đóp, cấp trên, cấp dưới nườm nượp chúc mừng. Nhưng không hiểu sao ruột gan tôi cứ nóng ran. Tôi nhận cốc vang cuối cùng rồi hấp tấp ra xe.

Không thấy nàng cùng bé Ngọc Thương ríu rít chờ đón, tôi bỗng rùng mình ớn lạnh. Tôi lao lên nhà, xộc vào các buồng. Tôi xuýt ngã nhào vì những vũng máu lênh láng. Khẩu súng tôi tặng vợ lăn vào xó cửa. Một viên đạn đã lên nòng, trong băng vẫn nguyên sáu viên vàng chóc. Tôi hiểu điều gì đã xảy ra. Tôi đau đớn, căm uất, điên dại, đặt bé Ngọc Thương lên xe phóng khắp thành phố, lên tận đèo Phượng Hoàng để tìm nàng. Đúng hơn là tìm những kỷ niệm về nàng.

Được tin, cha tôi lo sợ bay từ Mỹ về và chẳng biết thu xếp thế nào, tôi được giải ngũ, cùng sang Mỹ với ông.

Ở Mỹ, tôi có những người bạn tốt. Họ thành thực lên án tôi, thành thực cho tôi biết những điều xấu xa ẩn tàng trong lòng nước Mỹ. Tôi càng thương nàng và bắt đầu chán ghét người Mỹ, chán ghét chế độ Việt Nam Cộng hòa, chán ghét cả chính bản thân mình. Tôi đem con về Pháp. Tôi muốn chạy trốn sự thật. Tôi sống vì con, vì những kỷ niệm về nàng. Tôi muốn con tôi trở thành nhà văn, có những tác phẩm viết về nàng, về những người phụ nữ Việt Nam

xinh đẹp, táo tợn, vất vả, khổ đau mà vẫn thủy chung, nhân hậu...

Ông già dừng lại, nhấp ngụm trà đặc, đôi mắt nhìn sâu xuống đáy ly, đã buồn lại càng buồn. Cường sốt ruột, giục:

- Ông kể tiếp đi.

Ông già như sực tỉnh:

- Hồi đó báo chí Việt Nam Cộng hòa rùm beng “Một vụ trả thù đẫm máu của Cộng sản”, còn các ông lại bảo: Thủ phạm chính là tên đại úy Dương Văn Thập - cận vệ của tôi. Tôi chẳng tin bên nào. Mãi đến năm ngoái, tôi được một người bạn gửi cho những tài liệu tin cậy xác nhận nguồn tin của các ông, tôi đã bay sang Mỹ thuê người giết hẩn như giết một con chó, bắt chấp hậu quả, rủi ro...

Ông dừng lại ngẫm nghĩ rồi nhìn tôi:

- Cuộc đời tôi có lẽ chỉ có vậy. Mong ông hiểu cho. Cha con tôi đã từ Pháp về đây chỉ với một lý do là muốn ông...

Cường vội cắt lời:

- Vâng. Tôi hiểu.

Nói vậy, nhưng Cường bắn khoăn không biết nên bắt đầu câu chuyện từ đâu. Để có thời gian suy nghĩ anh đứng lên thay ấm trà mới. Hương thơm của trà giúp anh nhớ về những năm tháng trên dãy núi Đồng Bò. Đặt chén xuống bàn, anh bắt đầu câu chuyện:

Khoảng đầu năm 1967 chúng tôi nhận được từ hộp thư lưu động bí mật, không rõ là của ai, bộ phận nào báo tin sắp có trận càn lớn vào căn cứ Khánh Sơn. Chúng tôi không tin, cho người đi xác minh, nhưng vẫn khẩn trương chuẩn bị đối phó. Quả nhiên, giữa tháng Tám, sư đoàn không vận Mỹ ồ ạt đổ quân. Chúng tôi thiệt hại không

đáng kể, còn diệt được mấy trăm tên Mỹ, thu về vô số chiến lợi phẩm. Sau trận đó chúng tôi lại nhận được tin khẩn cấp: A6 (mật danh của chị Tô Bích Thủy - hiện nay đang công tác ở Bộ Thương mại) - người chỉ huy biệt động nội thành Thị xã Nha Trang đã bị CIA phát hiện. Chị Thủy nhanh chóng được bố trí thoát ra căn cứ đúng lúc quân cảnh ập vào vây bắt. Đặc biệt cuối năm 1968 có tin báo: Phương Hồng Thăng - Tỉnh ủy viên chính là tên gián điệp mang bí danh H.01 mà an ninh chúng tôi đang ráo riết truy lùng. Sau nhiều lần xác minh, chúng tôi đã tóm gọn tên điệp viên cáo già được gài từ những năm đánh Pháp với đầy đủ nhân chứng, vật chứng. Vài ngày sau trung tâm lại nhận được tin địch tập trung lực lượng lớn đánh chiếm các cơ quan đầu não của phân khu và tỉnh. Nhưng đó là tin giả. Các cơ quan phải di chuyển mất rất nhiều thời gian nhưng không ảnh hưởng gì tới nhiệm vụ...

Vấn đề đặt ra là: Người cung cấp những tin ấy là ai, làm gì, ta hay địch? Cường được giao nhiệm vụ phụ trách tổ trinh sát, phải tìm ra người ấy. Sau một thời gian loại dần, còn lại ba đối tượng: Phạm Ngọc Thái - điều độ viên sân bay Nha Trang, Rai-ne Lý cố vấn Mỹ (gốc Hoa) và vợ phó tỉnh trưởng. Chị An được bố trí vào nhà phó tỉnh trưởng ở tháng, trông nom cậu cả. Cuối cùng chúng tôi kết luận: Bà Mai Thu Hà là người đã cung cấp những tin trên. Chúng tôi đang khẩn trương thu thập tài liệu để kết luận bà là ai thì xảy ra vụ mồng mười tháng Tư.

Cay cú vì mất con bài chiến lược, CIA đã triển khai mạng lưới bao vây hòng tìm

ra ai là người đã vạch mặt Phương Hồng Thăng. Thiếu tá Dương Văn Thập - kẻ có công phát hiện ổ tình báo nằm trong đại sứ Cộng hòa Pháp năm 1963, được tung vào nhập vai Đại úy cận vệ. Chính hắn đã thả nguồn tin giả và bà Hà đã mắc lừa. Ngày 10/4 khi bà đang dùng máy chữ của chồng viết bản tin thì Thập xuất hiện. Bà đã kịp rút khẩu súng ông tặng, nhưng Thập nhanh hơn đã hạ sát bà bằng ba viên đạn giảm thanh rồi bỏ đi tiếp tục đóng vai cận vệ. Sau đó chị An đã đưa bà qua chỗ Cường. Bà chưa chết, nắm chặt tay chị An thều thào:

- Đời tôi mắc quá nhiều sai lầm. Khi biết tin anh Giang hy sinh, tôi tìm đến Thơ, mong có cơ hội trả thù, lấy công chuộc tội. Khi con bỏ đi, tôi biết là nó hận tôi lắm. Nhưng tôi không đủ nghị lực khước từ tình yêu và lòng tốt của anh. Tôi là người đàn bà tội lỗi, tôi mong được chồng con tha thứ. Sau này hòa bình, nếu anh chị còn, xin anh chị tìm cháu giúp tôi và bảo với nó hãy thay má Hà thấp lên mộ chồng tôi ba nén hương tạ tội...

Cường ngừng kể vì cảm thấy điều gì đó thật im ắng, linh thiêng. Mắt ông già nhòe nhoẹt, những giọt nước trong suốt đọng trên bộ râu trắng long lanh như những giọt sương. Chàng trai gục xuống sa-lông, hai vai rung lên bần bật. Lúc sau, ông già mới ngược lên hỏi Cường:

- Thế ông có tìm thấy cháu Hoàng không?

Vừa lúc ấy, vợ Cường từ tầng hai bước xuống. Ông già bật dậy, há hốc mồm, lắp bắp:

- Bà Hà! Trời ơi! Bà Hà...

Cường vội kéo ông ngồi xuống.

- Xin ông bình tĩnh. Đây là Thu Trang - vợ tôi. Bà Mai Thu Hà là mẹ vợ tôi.

Chàng trai ngẩng lên ngơ ngác. Rồi như chợt hiểu, cuống cuống chạy lại vỗ lấy vai Thu Trang, thỏn thức:

- Chị Hai. Em là Ngọc Thương của chị đây. Em sẽ không về Pháp nữa, sẽ ở lại với chị Hai, hương khói cho ba má...

Vợ chồng Cường đưa hai cha con ông già lên gác. Hai người run rẩy thấp lên bàn thờ ông Giang, bà Hà những nén hương ngạt ngào rực đỏ. Nắng sớm mai rọi chiếu hai tấm bằng Tổ quốc ghi công và tấm Huân chương Chiến công hạng Nhất. Cường nắm chặt tay ông già. Ngọc Thương nắm chặt tay Thu Trang.

Khi quay về bàn uống nước, Cường hỏi ông già cái điều ba mươi năm cố tìm mà không hiểu:

- Những tin tuyệt mật có thể là từ chỗ ông. Nhưng hòm thư lưu động tuyệt mật của chúng tôi bằng cách nào mà bà lại biết để truyền những tin ấy?

Ông già trầm ngâm suy nghĩ rồi lầm bầm: "Có lẽ Đức Giang sống khôn, chết thiêng đã giúp nàng".

Lúc sau, ông quay về phía vợ chồng Cường, hỏi to, đầy hứng khởi:

- Anh chị có tin không? Chính Huỳnh Đức Giang - chồng bà Mai Thu Hà - người cha kính yêu của anh chị đã chỉ cho tôi về đây. Anh ấy đã tha thứ, đã lại coi tôi là bạn rồi mà...

VŨ THỊ PHÚC

Xuân Trường Sa

Mẹ dắt con ra phố
Ngắm sao bay trên trời
Lung linh màu sắc Việt
Xuân đang về mẹ ơi!

Hạt cát bồi sinh sôi
Ta nhớ về biển cả
Hãy đứng lên sỏi đá
Hái hoa cài biển Đông.

Anh lính gác biên phòng
Tiếng còi tàu cập bến
Xuân Trường Sa đến hẹn
Câu quan họ ngọt ngào.

Gửi cánh sóng bay cao
Thơ xuân miền Kinh Bắc.

VŨ TUẤN ANH

Nhớ Tết ở Trường Sa

Mùa xuân về nhớ ngày ở Trường Sa
Cùng lính trẻ hòa trong không khí Tết
Hoa đào, hoa mai... giống y như hệt
Hương tỏa bay, mâm ngũ quả, cờ sao...
Ánh mắt rung rung chứa khát khao
Mang nhiệt huyết hiến dâng cho Tổ quốc
Biển mênh mông tình quê hương thân thuộc
Trẻ nô đùa quanh nồi luộc bánh chưng
Háo hức đợi lì xì mừng tuổi mới
Bộ đội, nhân dân trước ti vi ngồi đợi
Tiếng đất liền vang vọng giữa biển khơi
Kỷ niệm đẹp đi theo suốt cuộc đời
Đêm Giao thừa nơi đất trời cùng thức
Mùa xuân về rạo rực nhớ đảo xa./



TRUNG DU

Tết biên cương

Lại một Tết trên vùng biên ải
Mấy nhành lan thân ái chào mừng
Năm Quý Mão thắng lợi tung bùng
Đón Tết Giáp Thìn vô cùng phấn khởi

Thật thiêng liêng trên vùng biên giới
Dải đất thân yêu luôn hướng tới hòa bình
Rất đổi tự hào sự nghiệp quang vinh
Nguyện đem hết sức mình
để hoàn thành nhiệm vụ.

Tết nơi đây vật chất chưa đầy đủ
Có bánh chưng, giò, mứt, quả, thật nhiều hoa...
Đồng đội anh em gắn bó một nhà
Văn hóa, tinh thần thật bao la rộng lớn

Kẻ thù kia còn âm mưu ghê gớm
Thủ đoạn khôn lường, chẳng lời lòng phút giây
Quyết giữ gìn từng ngọn cỏ, gốc cây
Từng tấc đất cha ông mang đầy chiến tích

Quê hương thân yêu có chúng con xung kích
Chắc sủng trong tay, sẵn sàng đánh địch lấn sang
Cho đất nước, quê hương
đón xuân mới đàng hoàng
Cho Tổ quốc Việt Nam hùng cường mãi mãi./.

NGUYỄN THỊ ĐƯƠNG

Đảo nhỏ mùa xuân

Đảo nhỏ mùa xuân như chầm than
Sắc mai điểm nắng nét tươi giòn
Cánh chim rẽ sóng mang hơi ấm
Náo nức lòng người giữa phong ba.

Đảo nhỏ mùa xuân rộn tiếng ca
Những con tàu lớn vãn vào ra
Gửi bao thương nhớ và mong ngóng
Ở phía quê nhà, xa rất xa.

Đảo nhỏ chòng chênh, sóng thiết tha
Dềnh lên vũ khúc rạn san hô
Xuân sang sắc lá dong biêng biếc
Rộn rã mây trời đá nở hoa!

KỶ NIỆM 80 NĂM NGÀY THÀNH LẬP QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM (22/12/1944 - 22/12/2024)
35 NĂM NGÀY HỘI QUỐC PHÒNG THÂN DÂN (22/12/1989 - 22/12/2024)



QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM ANH HÙNG
CỦA DÂN TỘC ANH HÙNG

THƠ ĐỐI ĐÓN XUÂN

ẤT
TỶ

20
25

NGUYỄN ĐÌNH TỰ

Năm Giáp Thìn đã tới ngày cuối cùng chỉ còn ít giờ nữa là hết năm. Đêm Giao thừa các thành viên trong CLB mười hai con giáp lại họp mặt vui thơ đối chào năm mới Ất Ty. Trên bàn chủ tọa có bày bình hoa và thêm một hũ rượu ngũ xà óng ánh vàng đã thấy không khí thêm hứng khởi. Thưa quý vị năm Giáp Thìn này rồng tại vị chủ về mưa gió, trước khi tới đây tôi đã nhận được "meo" của thiên đình nói rằng các rồng năm nay lộng hành mưa gió quá mức gây lũ lụt lở đất khắp nơi thiệt hại lớn cho xã hội nên phải bắt rồng Giáp Thìn kiểm điểm thật nghiêm khắc trước khi cho từ nhiệm. Nào xin mời anh rồng Giáp Thìn đọc bản kiểm điểm. Anh Giáp Thìn mặt buồn thiu lên tiếng:

Vâng thời gian qua rồng Giáp Thìn làm nhiệm vụ trời giao có hơi quá tay nên gây nhiều thảm cảnh lụt lội lở đất và thiệt hại lớn cho nhiều nơi nay xin có bài thơ nghiêm khắc kiểm điểm:

*Giáp Thìn rồng tộ quá đi thôi
Khuấy đảo ngày đêm khắp nẻo trời*

*Rồng tạo gió cuồng cây cối đổ
Rồng gây mưa lũ cửa nhà trôi
Bao làng xóm đẹp sông tràn hết
Mấy bản làng vui đất lấp rồi
Đâu phải tại rồng gây tất cả
Con người cũng có lỗi người ơi ...*

Ô! Thì ra bản kiểm điểm của rồng Giáp Thìn có nhận lỗi do mình gây ra nhưng đồng thời cũng nói có lỗi không nhỏ của con người góp phần vào. Nghĩ kĩ thì thấy điều đó là đúng. Con người đã từng và ngày càng phá rừng nhiều hơn phá vô tội vạ nên đã mất rừng phòng hộ rừng đầu nguồn khiến lũ quét tàn phá ghê gớm cuốn trôi nhà cửa lở núi lở đồi vùi lấp cả bản làng như vừa qua gây bao thảm cảnh và thiệt hại lớn cho chính con người. Con người chắc cũng biết điều đó nhưng vẫn tiếp tục phá rừng thì thảm họa đó chẳng bao giờ chấm dứt được.

Mọi người nghe rồng kiểm điểm vậy đã thấy được lỗi của chính mình trong việc này hẳn rằng sẽ phải rút kinh nghiệm và phải sửa chữa.

Rồng Giáp Thìn còn nói thêm rằng vì đã thấy tội của mình nên đã lập tức lập công chuộc tội bằng cách gọi rồng phương Bắc thổi gió Đông Bắc lạnh về góp phần làm tan mấy cơn bão lớn trên biển Đông hồi tháng 10 - 11 vừa qua nên đỡ thiệt hại cho ta nhiều. Thiên đình thấy vậy đã xá tội cho rồng Giáp Thìn cho từ nhiệm thế là rồng hạ cánh an toàn.

Nào bây giờ hãy nghe các vị rắn Ất Ty nói về mình trước khi nhậm chức điều hành năm tới. Một cụ thượng tuổi Kỉ Ty (1929) lên tiếng:

Thưa các vị loài rắn đã xuất hiện trên trái đất này từ khi chưa có con người, có người còn chưa biết hết họ hàng nhà rắn, tôi xin điểm qua:

ĐIỂM MẶT RẮN

*Loang lỗ từng khoanh ấy Cạp Nong
Xanh lè rắn Lục tựa thanh long
Hổ Mang bạnh cổ ngan gà chết
Rắn Giảo quăng mình nhái chuột vong
Khô Mộc nằm ườn như đoạn thẳng
Đeo Chuông cuốn gọn tựa cành cong
Liu diu bé nhỏ cùng loài cả
Hổ lửa trăn hoa cũng giống dòng.*

Cụ Kỉ Ty đọc xong nhiều người bàn tán xôn xao thì ra có nhiều loài rắn đến vậy nhưng chắc chắn chưa hết đâu.

Một cụ tuổi Tân Ty (1941) tiếp lời:

Tôi xin phép được tả kĩ hơn về ngoại hình cũng như tập tính của loài rắn cho mọi người hay nè:

TỊ TỌ RẮN

*Tròn lẩn xa trông tựa... khúc dồi
Tới gần thấy rõ cả đầu đuôi
Lách lườn đây đó sao mà khéo
Rình rập sớm hôm cũng chẳng thôi*

*Nhái nhỏ đâu tha vô khó thoát
Chuột to chẳng ngại nuốt bằng trôi
Đến kì lột xác thêm sung sức
Sống giữa nhân gian đến trọn đời.*

Chà chà bài thơ nói về loài rắn thật khéo thật sống động với những hình ảnh đặc tả chọn lọc, từ ngữ đăng đối rất chỉnh. Bài thơ như một đoạn phim cho mọi người thấy khá rõ về loài rắn. Đến cả chuyện rắn lột xác để lớn hơn chắc bây giờ không mấy người được thấy đâu vì làm gì còn mấy chỗ hoang vắng cho rắn sống nữa. Và cái ước mơ của rắn muốn sống đến trọn đời cũng thật là khó vì ở đâu rắn cũng bị con người săn bắt để làm gì hẳn mọi người đều rõ.

Một vị Quý Ty (1953) có ý kiến:

Vâng thưa quý vị! Không biết từ bao giờ người ta đã cho rằng rắn độc có thể giết chết người nhưng nếu ăn thịt rắn uống rượu mật rắn tiết rắn rượu ngâm rắn lại có thể giúp người khỏe mạnh hơn sinh lí sung mãn hơn. Cho nên nhiều người không tiếc tiền để được thưởng thức những sản phẩm từ rắn và rắn đã thành một đặc sản ẩm thực được nhiều người tin dùng. Mời quý vị nghe bài thơ sau sẽ rõ:

RẮN ĐOÀN THỌ

*Đặc sản rắn đây thật tuyệt vời
Lính quan ai cũng thích mê toi
Đĩa xào đĩa nướng tha hồ nhậu
Chén đỏ chén xanh thoải mái mời
Bộ ngũ bình to dành biểu sếp
Bộ tam hũ nhỏ ấy phần tôi
Luồn nhanh lách khéo mà đâu thoát
Giữa chốn nhân gian sớm hết đời...*

Ôi thôi! Nghĩ mà buồn mà lo cho họ hàng nhà rắn biết trốn đâu cho thoát khỏi bàn tay con người. Nhưng cũng may thay



bây giờ lại có những trại nuôi rắn hàng ngàn con đủ cung cấp cho những người thích đặc sản này.

Một hội viên khác tuổi Ất Ty (1965) lên tiếng tiếp:

Thưa quý vị! Loài rắn vì có độc đã gây nên sợ hãi cho mọi người, nhưng cũng có loài vô hại mà còn giúp vui cho chúng ta kia đây. Chắc hẳn đã nhiều người được xem trần biểu diễn ở rạp xiếc rồi. Vâng rất ngoạn mục ă. Nào mời mọi người hãy cùng "xem" tại đây trần biểu diễn nhé:

TRẦN XIẾC

*Cũng là loài rắn xác to đùng...
Mà tính hiền khô thật lạ lùng
Chẳng cựa sức thần khua loạn xạ
Đâu mang nọc độc phóng lung tung
Khéo ôm cô gái thân hình đẹp
Nhẹ quán chàng trai vóc dáng hùng
Biểu diễn bao đêm luôn gắng sức
Cùng voi hổ khỉ góp vui chung.*

Mọi người thấy sao ă, quả là một tiết mục xiếc rất hấp dẫn thu hút mọi người cứ như được xem trực tiếp ở rạp xiếc vậy. Ấy là nhờ bài thơ có những hình ảnh đặc tả chuẩn xác ý tứ từ ngữ đối đăng rất chỉnh. Và có lẽ qua đó mà người ta đỡ sợ loài rắn hơn.

Mọi người như còn đang mê đắm khi "xem" tiết mục xiếc trần bằng thơ vừa xong thì lại có người xin đọc thơ, ấy là một vị tuổi Đinh Ty (1977).

Thưa quý vị! Một câu chuyện có liên quan đến loài rắn quán người nhưng nó quán không phải một người mà là hai người một lúc phải mang vào bệnh viện cấp cứu cơ đấy. Nghe lạ quá phải không ă. Chuyện có thật trăm phần trăm xin mọi người hãy nghe sẽ rõ:

TRẦN QUẢN NGƯỜI

*Hai người bị trần quán chặt
Phải đi cấp cứu nhà thương
Tin đồn nghe thật kinh dị
Lan nhanh ra khắp phố phường.*

*Bao người đi xem chặt ních
Vây kín cả cổng nhà thương
Vỡ lẽ thì ra CHẶN quán...
Vì phạm phòng thôi - chuyện thường.*

*Số là có đôi trai gái
Đang vui ân ái trên giường
Bất chợt chàng trai bất tỉnh
Phải quán chặn tới nhà thương.*

*Vì thế trần mang tiếng ác
Chỉ vì tin đồn ảm ương
Nghe CHẶN hóa TRẶN đầy nhĩ.
Dẫu sao cũng thấy... thương thương.*

Mọi người nghe xong bài thơ bất chợt cười ồ lên chỉ vì chữ nghĩa trớ trêu này gây nên chuyện hiểu lầm cho con trần.

Chờ mọi người trật tự lại ông chủ nhiệm trình trọng lên tiếng:

Thưa quý hội viên, quả là thơ khiến chúng ta vô cùng hứng thú và lại có thêm nhiều điều bất ngờ vui vẻ, nhất là trong thời khắc thiêng liêng chuẩn bị đón xuân Ất Ty. Phần tôi xin có vế đối về con rắn mời mọi người đối lại: "Đón xuân sang, rắn cuốn xà xuống đây tị tẹo nữa".

Nghe xong vế mời đối mọi người bàn luận rất sôi nổi. Vế đối ngắn gọn ý tứ rõ ràng dễ hiểu nhưng chữ nghĩa lại rất tinh tế có phần ngoắt ngoéo. Đã có "rắn" lại "xà" thêm cả "tị" nữa, đủ bộ năm con rắn này.



cả "Chuột thử Tí" để đổi lại "Rắn xà tí". Ông chủ nhiệm vỗ đùi đen đét reo lên:

Ồi chào! Về đổi lại thật tuyệt vời chữ nghĩa lắt léo không kém. Này nhé "thử" chữ Hán có nghĩa là chuột ở đây được ghép là "leo thử" thuần Việt có nghĩa khác để đổi lại với "quần xà" thật tài tình khéo léo. Và "Tí" chữ Hán là một tên trong 12 con giáp chỉ năm con chuột lại được ghép là "Tí teo" thuần Việt đổi lại với "Tị tạo" thì quả là đổi tuyệt vời. Không những đổi ý đều có nghĩa là ít ỏi và đặc biệt về âm lại là đồng âm chỉ khác nhau cái dấu thanh thôi. Xin bái phục, trưởng lão quả là người có sự hiểu rất sâu về chữ nghĩa và miễn tiếp về đổi mới có thể có về đổi lại tài tình khéo léo như vậy. Nào mời mọi người nâng chén tiếp để mừng về đổi tuyệt vời của trưởng lão Kỉ Ty. Mọi người vui vẻ hưởng ứng, không khí càng thêm hứng khởi hơn.

Và đúng lúc này, giờ Giao thừa đã điểm, mọi người cùng vui vẻ đón xuân Ất Ty. Nào cùng nhau: Chúc mừng năm mới gia đình hạnh phúc, Tổ quốc phú cường./.

Vậy về đổi lại cũng phải đủ bộ con gì đó trong 12 con giáp thì mới đạt. Ông chủ nhiệm lại nói tiếp rằng trong lúc các vị suy nghĩ tìm về đổi lại ta hãy cùng nhau thưởng thức đặc sản rượu ngũ xà biết đâu rượu lại kích thích suy nghĩ tìm được về đổi đó. Thế là một tuần rượu bắt đầu và không khí thi đàn trở nên hứng khởi hơn. Mọi người cùng trao đổi nhưng chưa ai có về đổi nào cả. Một hồi lâu bỗng cụ thượng Kỉ Ty có lời:

Thưa các vị! đây quả là về đổi chơi chữ rất lắt léo. Từ "xà" chữ Hán có nghĩa là rắn nhưng ở đây lại ghép thành "quần xà" thì lại là thuần Việt mang nghĩa khác. Từ "Tí" là tên năm con rắn trong 12 con giáp. Nhưng ở đây lại ghép thành "Tị tạo" thuần Việt với nghĩa khác. Về đổi cũng phải được như vậy mới đạt. Tôi đã suy xét kỹ chỉ thấy lấy năm con chuột đổi lại mới chính. Mời các vị nghe về đổi của tôi: "Mừng Tết đến, chuột leo thử lên đó tí teo nào".

Mọi người nghe về đổi lại cùng suy ngẫm bình luận sôi nổi và phải thừa nhận về đổi lại rất chuẩn đáp ứng được mọi ý tứ chữ nghĩa lắt léo của về ra cũng đủ

BỮA TIỆC *ngành Xuân*

NGUYỄN XUÂN TƯỜNG

Cách năm ngày trước Giao thừa, vận hành cùng chu kỳ của vũ trụ, đông khur xuân lai, hợp CLB dân ca nữ chủ nhiệm Lã Trâm Anh vui vẻ chúc các thành viên chuẩn bị Tết Tất niên và đón năm mới vạn sự an lành. Cô con gái cả lái xe vào tận sân hội trường đón chủ nhiệm CLB.

Tiếng các hội viên CLB bình xét:

- Mẹ con nhà bà Trâm Anh như hai chị em!

- Thì văn nghệ làm mẹ trẻ ra, công việc tất bật lại làm cho con gái mẹ nhanh già đi. Dao sắc không gọt được chuôi. Giúp cho mấy cặp trong CLB hòa hợp lại được mà phải chấp nhận để con gái mình ly hôn. Hai cháu ngoại tòa án tuyên cho ở với mẹ, đến chơi thấy quần chân ông bà ngoại suốt.

- Thì cháu nào chả là cháu. Mà nghe nói lương cô con gái cả này trên trăm triệu đấy; ít tuổi thế đã làm Phó Tổng Giám đốc, không già nhanh mới là lạ.

Nữ phó Tổng Giám đốc tươi tắn chào các thành viên CLB. Se lòng, nhận ra nếp

nhăn trên mặt con quả có già trước tuổi, lộ rõ cả khi nó cười. Lã Trâm Anh xót xa:

- Còn sớm. Không ở nhà với lũ nhỏ, ra đây làm gì. Đòi trăm mét mẹ đi bộ, khỏe người. Con cứ về trước với chúng nó đi!

- Thế mẹ quên, bữa tiệc như con đã bàn với mẹ à? Nhà hàng Thiên Hương xếp một phòng VIP cho nhà mình rồi. Không khéo Bố, Mẹ là người cuối cùng tới đấy. Mọi người đang chờ, các cháu nhắc bà suốt, đi bộ sao được.

Thái độ Lã Trâm Anh vui vẻ trở lại:

- Thấp hương gia tiên, xin phép thổ công ra phòng VIP tiếp khách chưa?

- Xong hết rồi, mẹ yên tâm đi. Bố con còn đi mua lọ nước hoa, bảo để xịt thơm cửa nhà, thơm hơn ngày thường.

- Vê! Thế ông bà nội lũ trẻ mời mọc đưa đón thế nào?

- Dạ, con đã mời và gọi taxi cả hai quệt! Cậu mợ lũ trẻ đã có mặt túc trực ở phòng VIP rồi.

Mấy bà hội viên CLB hạ giọng:

- Con bé bà Trâm Anh này lạ nhỉ? Bỏ chồng rồi còn mời bố mẹ chồng ăn với bố mẹ mình làm gì. Con cái ly hôn thì bố mẹ cũng hết thông gia, nhìn nhau đã chán mớ đời, bụng dạ đâu mà ăn với uống. Nghe vậy, chắc đây là chủ trương của mẹ nó.

Khẳng định như thế vì các hội viên CLB biết tính cách Trâm Anh. Nữ chủ nhiệm này đã từng lên tiếng, nếu chuyện ly hôn đơn thuần chỉ do cần giải thoát cho đôi lứa, người già trong gia đình vô can thì thông gia vẫn thân thiện như thường, có chăng giảm được cái khoản mời mọc giỗ chạp nhau, càng khỏe. Đến với nhau vì có cái cầu nối là lũ trẻ thơ ngây trong trắng kia.

Xuống xe, tới sảnh đường khu ẩm thực vừa lúc phía sau khách có mặt. Khách trung niên là cặp đôi Tổng Giám đốc của công ty nơi con gái Trâm Anh làm việc. Họ tay trong tay, ăn mặc sang trọng - phong thái của giới thượng lưu đi dự tiệc. Cặp khách cao niên là ông bà nội của hai cháu, trang phục giản dị, tỏ nét nghiêm cẩn, sáng sủa, là ly phẳng phiêu với túi đồ chơi cho trẻ nhỏ.

Trong phòng VIP nhóm trẻ phấn khích biểu diễn điệu nhảy sơn Nipo theo quảng cáo. Mời mọc khách an vị, Họa sĩ tự do - ông xã của Lã Trâm Anh hoạt hần hơn ngày thường, nụ cười sôi nổi, hướng về bốn vị khách được xếp ngồi gần nhau:

- Gia đình hết sức phấn khởi, Tết tất niên được đón tiếp ông bà nội của hai cháu, đặc biệt được đón gia đình “sếp” của mẹ các cháu. Rất hân hạnh, xin cùng nâng cốc. Kính mời ông bà nội của hai cháu, mời hai bác đồng nghiệp công ty với cháu lớn nhà chúng tôi.

Lã Trâm Anh tươi tắn đứng cạnh chồng, cảm ơn khách đáo gia đã nhận lời mời vào ngày cùng tháng tận. Lời nói nhẹ nhàng mà mạch lạc, thân thiện:

- Quốc dĩ dân vi bản, Dân dĩ thực vi tiên. Các cụ ta nói dĩ thực là bao gồm cả vật chất và tinh thần đó ạ... Bà cháu chúng tôi chân tình mời quý khách thưởng thức tiết mục cây nhà lá vườn, tiết mục tự biên tự diễn.

Nhân đây cũng xin được bày tỏ niềm hy vọng từ những cuộc hội ngộ này: Chúng ta kết chặt tình nghĩa giữa các gia đình, sẽ thúc đẩy hiệu quả cao công việc của công ty. Xin cảm ơn Tổng Giám đốc và gia đình thời gian qua đã quan tâm giúp đỡ 3 mẹ con cháu... Nào các cháu, khách đã đến nhà...

Biểu hiện không thể kìm nén, xem hai cháu múa dẻo bằng đôi tay thơ dại mời mọc, ông nội hai cháu bật đứng lên xúc động:

- Chúng tôi cảm kích vô cùng khi thấy các cháu ngoan và mạnh giỏi. Chỉ xót là bố chúng nó có phúc mà không biết hưởng. Sa đọa vào cờ bạc rượu chè, may mà có pháp luật thời bác Trọng mới làm nó tỉnh ngộ lại. Nó đã an tâm chấp hành án. Và từ tiết ông công năm nay giám thị trại giam đã báo tin cho chúng tôi hay cháu nó đã hoàn toàn tỉnh táo, biết suy nghĩ tích cực, không còn mê muội vào canh bạc, đã làm được một số việc hữu ích. Nhờ thế mà hai chúng tôi mới có thêm động lực, lý do để tới đây cùng chia vui...

Bà nội cháu, trong tổ chất một nhà giáo về hưu kịp đứng bên phù họa, để lời:

- Thực lòng chúng tôi cũng như hai ông bà ngoại rất cảm ơn bác Tổng Giám đốc thời gian qua đã động viên mẹ của hai cháu hoàn thành công tác. Đến với bữa tiệc này chúng tôi còn xin chuyển đến bác Tổng Giám đốc phong thư gửi từ nơi bố của hai cháu đây đang thụ án,

cải tạo. Không phải là thư gây phiền hà gì đâu ạ. Là lá thư đã được kiểm duyệt và có tác dụng tích cực. Anh cán bộ quản giáo giao thư nói với chúng tôi như vậy.

Nói đoạn, bà nội mở túi, đề độ lấy thư đưa.

Nghĩa cử của bà nội làm không khí bữa tiệc xôn xao.

- Ngẫm ra bà nội hồi hộp nói tiếp: Chúng tôi rất cảm kích nhận ra nhà tù của chúng ta thực chất không phải là nơi trừng trị tội ác như ngày xưa mà chỉ là nơi ngăn chặn tội ác. Cũng có ngày nghỉ, có Tết cho tù nhân và như danh nhân yêu nước Nguyễn Cao (1837-1887) vào năm (1881-1882) đã khởi sự giáo hóa thành công hơn 300 tù trọng án; nhà nước ta đã rất đạt được kết quả cao trong chủ trương phục hồi nhân phẩm tù nhân. Trong khi ngoài đời những công ty như của bác Tổng đây lại không phân biệt khu xử.

Khách, Tổng Giám đốc vội đứng lên đáp lễ:

- Quả thật là cháu và công ty không xứng được nhận lời cảm ơn của các ông bà nhiều tới như vậy. Công việc cần thiết để nuôi sống công ty thì không thể coi nhẹ, thì phải động viên Phó Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ.

Khi giữa hai người đã có những đứa con mà sau hôn nhân để mâu thuẫn xảy ra thì bao giờ người phụ nữ cũng phải chịu bất hạnh nhiều hơn. Việc bố của hai cháu bị vào vòng lao lý sau ly hôn cho thấy sự cần thiết sớm vào cuộc của pháp luật với người cờ bạc bê tha, bạo hành trong gia đình. Dồn hết tâm sức vào công việc như là để khóa lấp nỗi đau do người chồng vô trách nhiệm gây nên, Phó Tổng Giám đốc của công ty

chúng cháu đã nhận được rất nhiều chia sẻ của đồng nghiệp. Thậm chí có người còn hồ hởi: “không được để anh ta làm khổ bất cứ một phụ nữ nào nữa”. Cháu chắc thư của tù nhân gửi ra ngoài đời đã qua kiểm duyệt chỉ có thể là lời cảm ơn công ty đã không để mẹ của hai cháu đau buồn đến đổ bệnh. Thực trạng con vẫn ngoan, cha mẹ vẫn khỏe, sẽ góp phần động viên tù nhân cải tạo tốt hơn.

- Chuẩn - hai vợ chồng cậu út, cùng tán thưởng vỗ tay - “sếp” Tổng nói rất chuẩn. Chúng em có ý kiến tiếp, có đề nghị thế này. Thời gian nữa hết án, ra tù nếu không có việc làm dễ dẫn tới tái phạm, hai đứa trẻ sẽ còn thiệt thòi. “Sếp” Tổng có thể tác động giúp đỡ ít nhiều không ạ?

- Có thể! Tôi có thể giúp cậu ấy sang thử việc ở nhà máy bên cạnh. Mong rằng được tuyển vào đó rồi sẽ không có chuyện tái nghiện ngập và cờ bạc nữa! Mà, để xin phép cả nhà mở thư xem cậu ấy viết gì:

“Tiệc tất niên năm nay không được gặp “sếp” Tổng nhưng bù lại, em đã nhận ra thói cờ bạc, rượu chè bê tha khi còn chưa bị pháp luật ngăn chặn xử phạt thì còn làm tan nát những mái ấm gia đình. Sự giác ngộ đó em nghĩ còn quý và vui hơn hàng trăm bữa tiệc cộng lại. Không có sự giác ngộ đó thì kể như con không còn cha, vợ không còn chồng, thậm chí thù hận nhau suốt đời. Chín tháng qua em đã tham gia hoàn thành thiết kế đường điện nước cho 3 đề án, được đơn vị thẩm định chấp nhận. Ngoài việc tham gia lao động sản xuất chăn nuôi đủ cung cấp cho trại giam em được giao thiết kế tổng quát cho các mẫu nhà, cho cả các phòng giam tập thể 50 khẩu. Bây giờ em mới nhận ra nhà nước ta đã xóa đi hình ảnh hắc ám của nơi giam giữ tội đồ. Đã phục hồi nhân phẩm thực sự

cho những đoạn đời lầm đường lạc lối. Nhà giam đã giúp em sống động lại những kiến thức ở giảng đường.

Tay đã nhúng chàm, để cho cánh hoa phải đứng mũi chịu sào, em ân hận lắm. May là hai con em có mẹ chúng giỏi giang, và chúng còn nhỏ, em vẫn còn cơ hội phấn đấu để mai này xứng đáng là bố của chúng.

Vô cùng cảm ơn công ty thời gian vừa qua đã giúp đỡ ba mẹ con cô ấy đứng vững, hoàn thành tốt công việc. Dẫu là từ nhà giam em vẫn xin được chúc “sếp” Tổng và công ty đón xuân phát đạt.

“Sếp” Tổng đặt lá thư xuống bàn, nhìn các cháu nhỏ, nhìn ông bà nội kìm nén cảm xúc:

- Vậy là mừng thực sự rồi. Xin chia vui cùng ông bà nội, xin chia vui với đại gia đình ta. Cùng nhà nước nhất định chúng ta không để nạn cờ bạc, rượu chè phá hoại tình gia thất.

“Sếp” Tổng cao hứng như đứng trước ngày hội của công ty:

- Bữa tiệc cuối năm nhận tín hiệu mới... Nghinh tân tổng cự với niềm vui mới! Đúng như bà nội nhận xét, ngày nay nhà tù chỉ là nơi ngăn chặn tội ác, giáo hóa cải tạo phục hồi nhân phẩm. Những người phạm tội sẽ được cải tạo, sẽ nhận ra tội lỗi của họ không chỉ với một gia đình mà là tội lỗi với cộng đồng, với cả xã hội. So với chế độ cũ ngành chấp hành án của chúng ta ngày nay mới chính là ngành nhân văn nhất. Đây chính là sự tiến bộ của nhân loại, không còn cái nhìn ác cảm với người đã chấp hành án. Các cháu của hai gia đình chúng ta yên tâm sẽ có người cha, người bác sống trách nhiệm.

Tiếng nhạc chuông trong máy điện thoại của Phu nhân “sếp” Tổng vang lên thu

hút sự chú ý của cả phòng VIP. Phu nhân nhanh nhẹn ra cửa nhận hàng shipper, xách vào cụm giàn phun pháo hoa an toàn loại 25 ống của Bộ Quốc phòng sản xuất. Đến đứng cạnh hai cháu ngoại, phu nhân nói lời nhỏ nhẹ, vui vẻ:

- Đây là chút quà xuân công ty gửi biếu ông bà ngoại và gia đình, chúc đại gia đình chúng ta đón Tết vui vẻ!

Hào hứng ông xã của Trâm Anh đi theo:

- Vậy là Tết nay đón Giao thừa, các gia đình ta cùng gửi lòng theo ánh sáng pháo hoa, nhớ đến nhau, nhớ món quà nghinh Xuân...

Tiếp theo, con gái của bố, của mẹ Trâm Anh tổng cự nghinh tân điều gì, con có thể nói thay cả cho các em con!

- Dạ, vâng! Sắp sang năm mới, thay lời cho ba chị em con, cho các cháu của ông bà nội ngoại, chúng con xin được chúc các ông bà vui khỏe, chúc gia đình “sếp” Tổng hạnh phúc cùng tập thể công ty, chúc vạn sự như ý. Và nhân chuyện cả nhà vừa nhắc đến sự ưu việt của chế độ nhà tù thế kỷ 21, với tư cách là mẹ của hai con thơ, mặc dù chưa đủ tác nhân để dung thứ cho hành vi thiếu trách nhiệm và bạo lực gia đình, xin phần khởi công bố dự định chương trình du xuân năm mới của ba mẹ con con: Sáng mùng một Tết sang chúc Tết ông bà ngoại, chúc gia đình “sếp” Tổng, chúc ông bà nội hai cháu. Sau đó ba mẹ con sẽ đánh xe đi chúc Tết và cảm ơn Trại giam. Riêng lũ trẻ sẽ qua thăm và động viên bố của chúng. Như thế, con xin tư vấn của cả nhà, có thuận không ạ?

Phòng VIP rộn tiếng vỗ tay. Nước mắt của bốn ông bà cùng rịn ra./.

Bắc Ninh cất cánh

Hào hùng- Phần khởi

Nhạc và lời: Bá Quang

The musical score is written on ten staves of five-line music paper. The melody is composed of eighth and quarter notes, with some rests. The lyrics are written in Vietnamese below the notes. The score begins with a treble clef and a 2/4 time signature. The lyrics describe the history and development of Bac Ninh, mentioning its long history, its role in the resistance against French colonialism, and its modern achievements in industry and agriculture. The score ends with a double bar line.

Truyền thống Ông Cha bao đời rạng rỡ một Bắc Ninh Nam
Bang Thủy tổ miền đất đạo hành huyền tích xưa Áo đỏ áo tía đầy
triều khoa bảng đất Kim Đôi quảng giao hiếu khách Tinh
thần thượng võ anh hùng cốt cách người Bắc Ninh Áo giáp Kinh kỳ phen
dậu phía Bắc giữ Kinh đô Thiên thời địa lợi nhân
hòa làm đường băng Bắc Ninh cất cánh Phát huy truyền
thống Cha Ông xây dựng chùm đô thị thông minh
phát huy lợi thế tiềm năng đưa Bắc Ninh vươn tầm cao mới
Đưa câu quan họ bay ra thế giới cho một Bắc Ninh rạng
rỡ muôn đời sau thêm vào câu hát Bắc Ninh quê tôi nơi
đáng sống vô cùng

Yếm đào trẩy hội

Nhạc : Kim Oanh

Thơ : Vũ Hằng

Phong cách dân gian



Hự la hự la Hự la hự la Hự la hự la hứ

là. Năng xuân xôn xao xôn xao. Nhuộm hồng câu hát. Mưa

xuân lây phây lây phây tươi màu cờ hội. Tang tình ngọt lịm lời

quê. Dừng dà dưng dưng người ơi người ở ứ hự. Những

điều em chưa bày tỏ xin gửi sông trăng em về. Đêm ngày lơ thơ nước chảy, tình

ta Quan họ đam mê, đam mê, đam mê. Phải duyên giữa miền Quan

họ, Tiêu Tương một dải yếm đào. Tương tư vì người Kinh Bắc, mắt huyền lúng

liếng khát khao. Hự là hự là. Hự là hự

là. Hự là hự là hứ là Hự là hự là

Hự la hự la Hự là hự là hứ là

SỔ TAY TẠP CHÍ

Trong số này, Tạp chí Người Kinh Bắc đã nhận được tác phẩm tham gia cộng tác của các tác giả:

* **Trong tỉnh:** Huy Phách, Nguyễn Tự Lập, Nguyễn Công Hảo, Nguyễn Kim Oanh, Phạm Thuận Thành, Vũ Thế Thước, Vũ Hằng, Duy Đắc, Xuân Doãn, Phan Trụ, Nguyễn Xuân Huy, Dương Đức Nghiêm, Đinh Văn Y, Phương Đăng, Nguyễn Thành Hương, Quang Thuận, Nguyễn Văn An, Phan Thị An Ngọc, Nguyễn Thế Thụy, Bạch Liên, Vũ Ngọc Hòa, Nguyễn Văn Hào, Thái Khoát, Trần Thiết, Đào Quang Thắng, Hồng Thức, Tổ Quyên, Nguyễn Thái Sơn, Hoàng Giá, Nguyễn Đình Tự, Phạm Đình Thái, Vũ Anh Đức, Nguyễn Khắc Đàm, Mai Hoàng Hanh...

* **Ngoài tỉnh:** Ngô Trọng Nghĩa (Trà Vinh), Nguyễn Văn Trụ (Thanh Hóa), Lê Hứa Huyền Trân (Bình Định), Ngô Văn Hiểu (Bắc Giang), Nguyễn Thanh Vũ (Tp. Hồ Chí Minh), Nguyễn Phú Ninh (Hải Dương), Nguyễn Văn Danh (Phú Yên), Nguyễn Văn Thanh (Quảng Trị), Nguyễn Bích Thuận (Lạng Sơn), Nguyễn Đình Thu (Bình Định), Nguyễn Văn Toàn (Huế), Trần Anh Thuận, Nguyễn Thị Thanh Duyên, Nguyễn Quỳnh Anh, Nguyễn Văn Viết (Ninh Bình), Phụng Tú, Hoàng Bích Hà, Khuê Việt Trường (Khánh Hòa), Lê Minh Hải, Bùi Quốc Bình (Phú Thọ), Nguyễn Văn Thanh (Quảng Trị), Trần Thái Học (Bến Tre), Đoàn Mạnh Tiến (Nghệ An), Đoàn Huy Cảnh (Bắc Giang), Lý Thị Minh Khiêm (Lâm Đồng), Đoàn Mạnh Tiến (Nghệ An), Huỳnh Thị Mộng Tuyền (Kiên Giang), Vũ Đăng Bút (Hà Giang)...

Tạp chí xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác của quý tác giả và mong muốn thường xuyên nhận được những ý kiến đóng góp của hội viên, cộng tác viên, độc giả ở trong và ngoài tỉnh về chất lượng, nội dung, hình thức... của Tạp chí để từng bước nâng cao hơn nữa chất lượng Tạp chí văn nghệ tỉnh nhà.

Ban Biên tập Tạp chí Người Kinh Bắc trân trọng kính báo tới Hội viên Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh, cộng tác viên trong và ngoài tỉnh gửi bài cộng tác số tháng 3/2025 chủ đề: 50 năm nền Văn học nghệ thuật Việt Nam sau ngày đất nước thống nhất (30/4/1975 - 30/4/2025); Học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Văn hiến cách mạng Bắc Ninh - Kinh Bắc; Quốc tế Phụ nữ 8/3... Kính mong Hội viên, cộng tác viên và độc giả gửi tác phẩm về Ban Biên tập Tạp chí Người Kinh Bắc trước ngày 10/02/2025.

Bài viết gửi về email: tapchinguoiKinhbac@gmail.com hoặc qua Bưu điện theo địa chỉ: Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh (Số 01, Lý Thái Tổ - TP Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh). Truy cập Website nguoiKinhbac.vn để xem nội dung của Tạp chí hàng tháng.

Trân trọng cảm ơn!

BBT